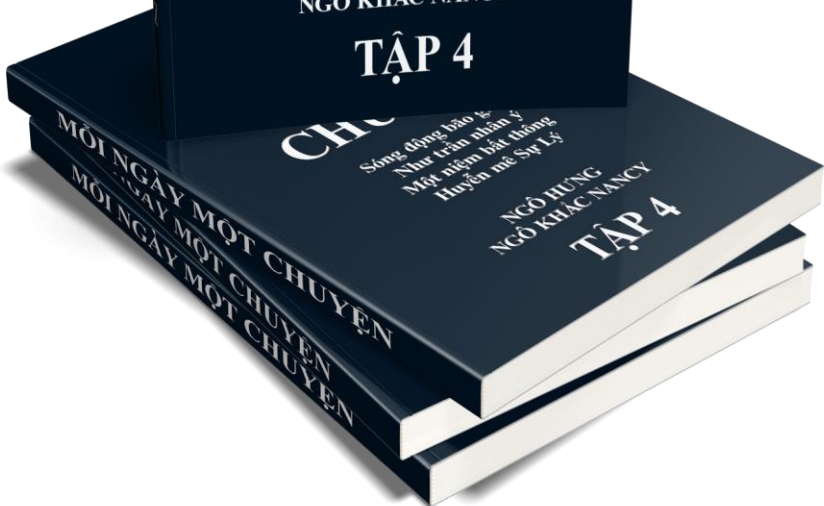


MỖI NGÀY MỘT CHUYỆN

Sóng động bão giông
Như trần nhân ý
Một niệm bất thông
Huyền mê Sự Lý

NGÔ HƯNG
NGÔ KHÁC NANCY

TẬP 4



MỖI NGÀY MỘT CHUYỆN

Sóng động bão giông

Như trần nhân ý

Một niệm bất thông

Huyền mê Sự Lý

NGÔ HÙNG
NGÔ KHẮC NANCY

MỤC LỤC

LỜI NGỎ.....	4
CÓ BỊNH THÌ VÁI TỬ PHƯƠNG.....	6
CẦU NGUYỆN 2.....	27
TỪ BI - TUỆ GIÁC.....	41
SỢ CON.....	54
CỔ KIM HÒA ĐIỀU.....	68
NHẬN LỖI.....	76
LẬP PHÁP VÀ HÀNH PHÁP.....	76
TU HỌC VÀ TU HÀNH.....	101
TIÊU CHUẨN KÉP.....	113
6 GIAI ĐOẠN TỈNH THỨC.....	121
AI CẦN AI?.....	135
ÁM THỊ.....	141
MUỐN VÀ CẦN.....	162
YÊU THƯƠNG KHÔNG ĐIỀU KIỆN.....	185
TÔ BÚN BÒ HUẾ.....	197
ỨNG XỬ RA SAO?.....	203

LỜI NGỎ

Được sống làm người là một sự may mắn. Được học hỏi, trải nghiệm, kiểm nghiệm, và thực nghiệm trong cuộc sống lại là một sự may mắn hơn. Nhưng được chia sẻ những sự trải nghiệm với mọi người lại là sự may mắn nhất. Vì sao?

Vì đó, chính là sự bày tỏ lòng biết ơn cuộc đời, biết ơn muôn loài đã tạo biết bao nhân duyên cho chúng tôi có cơ hội để học hỏi và trải nghiệm.

“Mỗi Ngày Một Chuyện”, nếu gọi là sách thì cũng không phải là sách; vì chẳng theo bất cứ một chủ đề nào; mà gọi là Truyện, cũng không phải là Truyện; vì chẳng có tình tiết, hay có nhân vật chính hay phụ nào. Tất cả chỉ là những sự chia sẻ được trình bày theo ngẫu hứng, từng ngày.

Cho nên, “Mỗi Ngày Một Chuyện”, bạn muốn gọi tên là gì cũng được. Riêng chúng tôi, “Mỗi Ngày Một Chuyện” chỉ là một phương tiện để được chia sẻ cùng bạn.

Những điều chúng tôi chia sẻ với bạn, không nhằm mục đích chỉ trích hay lên án bất cứ một ai, hay một tổ chức nào, mà chỉ là những trải nghiệm của chúng tôi khi tiếp xúc với Sự Thật.

Có thể những sự trải nghiệm hay tiếp xúc với Sự Thật của bạn sẽ khác với chúng tôi, hay không giống với chúng tôi. Điều đó không quan trọng. Điều quan trọng nhất, đó là: bạn và chúng tôi có được An và Lạc lâu dài hay không?

Nếu bạn có được sự An Lạc lâu dài, bạn nên giữ gìn sự trải nghiệm đó. Đừng thay đổi vì bất cứ một lý do gì.

Vì “Mỗi Ngày Một Chuyện” chỉ là phương tiện để chia sẻ, nên “Mỗi Ngày Một Chuyện” không có luật bản quyền, cũng không có bất cứ một sự ràng buộc nào về pháp lý.

Chúng tôi luôn nghĩ rằng, tri thức hay nhận thức của con người vốn là của chung, chẳng của chúng tôi. Cho nên, bạn có toàn quyền sử dụng.

Nếu bạn có thể cho chúng tôi có một lời đề nghị, chúng tôi xin đề nghị với bạn, khi bạn sử dụng “Mỗi Ngày Một Chuyện” để in, ấn, thành sách hay truyện, bạn nên trích lại một số tiền lời để đóng góp vào những việc lợi sinh.

Với kinh nghiệm của chúng tôi, bạn sẽ có thêm được những lợi ích: giúp cho những người đang gặp khó khăn có thêm niềm vui, và chính bạn, cũng có thêm những niềm vui mới.

Dĩ nhiên, đây chỉ là một lời đề nghị mà không phải là một điều kiện. Cho nên, bạn có toàn quyền lựa chọn, làm hay không làm theo lời đề nghị của chúng tôi mà không có bất cứ sự ràng buộc nào về pháp lý.

Đời người thì rất mong manh. Trong kinh “Người Biết Sống Một Mình”, đức Phật có dạy:

“Cái chết đến bất ngờ

Không thể nào mặc cả”

Mong thay, khi chúng ta còn sống, còn có thể trải nghiệm, còn có cơ hội chia sẻ với nhau về những sự trải nghiệm để đem đến hạnh phúc và an lạc lâu dài cho nhau thì chúng ta vẫn nên tiếp tục duy trì. Thật mong thay.

CÓ BỊNH THÌ VÁI TỨ PHƯƠNG

Bạn thân mến,

Qua ca dao tục ngữ, ông cha của chúng ta đã dạy rằng: “Có Bệnh thì Vái Tứ Phương”, vậy, Vái là gì? và Vái như thế nào mới đạt được kết quả? Đó là chủ đề hôm nay chúng tôi muốn chia sẻ với bạn, khi chăm sóc cho người thân của chúng tôi.

Theo định nghĩa, Vái có nghĩa là, xá, chấp tay trước trán hay ngực và cúi đầu, cầu khẩn, van xin với người khuất mày khuất mặt, khác với Lạy là quỳ gối và mọp đầu xuống.

Phần đông, khi chúng ta “Vái”, thường sử dụng ý nghĩa của sự cầu khẩn, hơn là, chú trọng đến nghĩa thứ hai, “van xin người khuất mày khuất mặt”.

Riêng chúng tôi, thì lại hay sử dụng chữ “vái” theo nghĩa thứ hai, là tạo ra cầu nối, để tiếp nhận nguồn năng lượng mà cha ông chúng ta đã tích lũy.

Nếu bạn đã đọc qua bài Chín thức, bạn sẽ thấy, ngôn ngữ của Ngã Thức thuộc về năng lượng, được biểu hiện qua các tần số sóng.

Nếu đem so với ngày xưa, thì tần số sóng là một điều gì đó, không thể thấy được, mà người xưa, chỉ có thể cảm được. Nhưng với sự tiến bộ và khoa học ngày nay, người ta có thể đo được các tần số sóng, người ta có thể chụp hình được những tần số sóng.

Nói về tần số sóng với con người hôm nay, thì không thể nói “cảm” không là đủ, mà có thể còn chứng minh được, qua hình ảnh hay những biểu đồ.

Ngày xưa, nếu người nào, có khả năng nghe được âm thanh, lời nói ở ngàn dặm, thì người đó được gọi là thiên lý nhĩ; người nào có thể nhìn xa, thấy được mọi cảnh tượng ở ngàn dặm, thì người đó được gọi là thiên lý nhãn (thiên có nghĩa là một ngàn, và lý là dặm).

Ai mà có khả năng nhìn xa ngàn dặm, hay nghe xa ngàn dặm, thì không phải “dạng vừa”, mà được phong thần, và khả năng nhìn xa, nghe xa này, được gọi là thần thông.

Trong những truyện về phong thần, cả thiên đình chỉ có hai vị thần được phong tặng danh hiệu: Thiên Lý Nhĩ Và Thiên Lý Nhãn, mà ngay cả Ngọc Hoàng đại đế, người nắm quyền tối cao trên thiên đình, cũng không có được khả năng này. Nếu Ngọc Hoàng muốn biết chuyện gì xảy ra từ ngàn dặm, thì Ngọc Hoàng cũng phải nhờ, hay sai hai vị thần này làm cho.

Nhưng ngày nay, phần lớn chúng ta, ai cũng có thiên lý nhãn và thiên lý nhĩ cả. Chỉ cần, chúng ta cầm trên tay một chiếc điện thoại thông minh, là chúng ta không những chỉ biết được chuyện từ ngàn dặm, mà chúng ta còn có thể biết đến chuyện, lên đến cả chục ngàn dặm, cũng là chuyện bình thường.

Nếu đem so với thiên đình ngày xưa, chỉ có hai vị thần, có khả năng nghe xa và nhìn xa; thì ngày nay, chúng ta có cả mấy tỷ vị thần, còn cao siêu hơn hai vị thần xưa; vì chúng

ta có khả năng nghe và nhìn xa hơn hai vị, ít nhất cũng gấp 10 lần.

Vậy, khi bạn cầm chiếc điện thoại trên tay, bạn đang là hai vị thần, thiên lý nhãn và thiên lý nhĩ, bạn có thấy bạn có thần thông không?, và bạn có thấy thần thông có cao siêu không?

Chắc chắn là chả có gì mà cao siêu cả, mà đôi khi, bạn còn cảm thấy phiền, khi có những việc, bạn đang cần riêng tư, mà lại đang dùng đến thiên lý nhãn (video call).

Cho nên, không phải cứ có thần thông là tốt đâu, mà có thần thông thì cũng có những cái bất tiện lắm đấy.

Vì vậy, nếu có ai đó, khoe với bạn, họ có thần thông này hay nọ, thì bạn cũng đừng có ngạc nhiên hay thán phục. Vì bạn, cũng có thần thông đấy, không những chỉ là một vị thần, mà bạn còn là cả hai, nghe xa, nhìn rộng cả nghìn dặm, với chiếc điện thoại đang cầm trên tay.

Nói đến điện thoại, thì không ai chúng ta lại không biết đến sóng, vì không có sóng là chúng ta sẽ mất đi “thần thông” ngay.

Như vậy, chức năng của điện thoại chỉ là một công cụ có khả năng thu và tiếp nhận được sóng; và qua sóng đó, mới thể hiện được thiên lý nhĩ (nói chuyện qua điện thoại) hay thiên lý nhãn (nói chuyện qua ghi hình).

Cơ thể của chúng ta, cũng như chiếc điện thoại, là công cụ để tiếp nhận sóng và phát sóng. Hệ thống thần kinh và não bộ, cũng như các tế bào của chúng ta, vừa là trạm tiếp nhận

tần số sóng, và cũng là trạm phát sóng.

Có thể nói, cơ thể của chúng ta, giống như một đài phát thanh, nơi có thể vừa nhận sóng và phát sóng.

Khi bạn mở radio, trong khi lái xe, thí dụ, đài FM100 quen thuộc, nếu bạn qua vùng phủ sóng, tuy bạn vẫn dùng đài FM100, nhưng bạn lại nhận được những sóng mới, những tiếng nói mới, những chương trình mới.

Không ai trong chúng ta xa lạ điều này, và hai chữ “phủ sóng” với chúng ta, cũng không cần phải giải thích nhiều, vì ai cũng biết.

Y học ngày nay, với những máy móc tối tân như EEG (ElectroEncephaloGraphy) hay chức năng chụp cộng hưởng từ (fMRI - functional Magnetic Resonance Imaging), các bác sĩ và nhà khoa học thần kinh có thể đo lường những thay đổi trong não của chúng ta, mà không cần mổ não của chúng ta ra, như lúc xưa.

Trong tác phẩm bán chạy nhất, “Power vs Force”, bác sĩ David R.Hawkins đã chứng minh được mối liên hệ mật thiết giữa bệnh tật của con người và những suy giảm năng lượng trong cơ thể, đến từ những tư tưởng tiêu cực.

Để chứng minh điều này, bác sĩ David đã dùng phương pháp thực nghiệm khoa học để đo tất cả các tư tưởng, suy nghĩ, cảm nhận của một người; rồi từ đó, ông ghi nhận được tần số rung động về ý thức hệ của người đó.

Qua nghiên cứu của ông, những người thiếu thương yêu, hay có tư tưởng tiêu cực, oán giận, chỉ trích, hận thù người

khác, hoặc sống ích kỷ, đều có tần số rung động thấp.

Theo bác sĩ David, khi những người đó trách móc, hận thù người khác, họ sẽ làm tiêu hao rất nhiều năng lượng của họ; đồng thời, họ cũng tạo ra rất nhiều áp lực trên cơ thể, khiến tần số rung động của họ bị giảm. Vì vậy, họ có nguy cơ bị mắc rất nhiều loại bệnh.

Sau hơn 20 năm dài thực nghiệm lâm sàng với hàng triệu tư liệu được ghi lại. Sau khi, thông qua các phân tích, thống kê tỉ mỉ, bác sĩ David đã phát hiện ra rằng:

Các tầng ý thức khác nhau của con người đều tương ứng với các chỉ số năng lượng nào đó. Từ đó, ông thống kê ra được những mức tần số năng lượng chủ yếu như sau:

- Khai Ngộ, Chính Giác: 700 ~ 1000
- Điềm Tĩnh, Thanh Thản: 600
- Vui Vẻ, Thanh Tĩnh: 540
- Tình Yêu Và Sự Tôn Kính: 500
- Lý Tính, Thấu Hiểu: 400
- Khoan Dung, Độ Lượng: 350
- Hy Vọng, Lạc Quan: 310
- Tin Cây: 250
- Can Đảm, Khẳng Định: 200
- Tự Cao, Khinh Thường: 175
- Ghét, Thù Hận: 150
- Dục Vọng, Khao Khát: 125
- Sợ Hãi, Lo Âu: 100

Điều này, có nghĩa là, khi bạn khởi sinh một ý niệm muốn trong Ngã thức, thì bạn bắt đầu tạo ra tần số sóng, và bạn có thể phát tần số sóng của bạn ra không gian. Nếu ai đó, có trạm thu nhận được tần số sóng của bạn, thì họ có thể “bắt” được tần số sóng của bạn, là chuyện rất bình thường.

Người xưa có câu: “Trên đầu ba thước có thần linh”. Dĩ nhiên, họ không có máy móc để đo hay chụp được những tần số sóng, nhưng họ vẫn có thể “cảm” được tần số sóng.

Định nghĩa của cảm là một nguồn năng lượng; mà có năng lượng là có tần số sóng, và tần số sóng của cảm có thể tương tác với các năng lượng, hay tần số sóng ở ngoài cơ thể của chúng ta, khi có chung một tần số rung động.

Giống như người chơi đàn guitar, khi họ đánh một dây đàn, tạo ra một tần số sóng, thì những dây đàn nào, lên cùng một tần số đều rung lên.

Như vậy, qua quan sát những hiện tượng về vật chất cũng như về tinh thần, chúng ta thấy, con người của chúng ta là trạm thu và phát ra những nguồn năng lượng, với những tần số sóng qua cảm giác, các cơ quan và tế bào.

Vì có thu, cho nên, chúng ta có thể tiếp xúc được với những nguồn năng lượng (cảm xúc/ giác, muốn, thích, cần) của các bậc tiên nhân; đồng thời, chúng ta cũng có thể phát ra những nguồn năng lượng (cảm xúc/ giác, muốn, thích, cần) cùng tần số với các bậc tiên tổ. Tiến trình thu hay phát này, gọi là tiến trình tương tác hay tương tức (cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không).

Điều này, có thể giải thích được lý do, tại sao các nhà ngoại

cảm (cảm nhận được nguồn năng lượng từ bên ngoài) có thể tiếp xúc được những tần số song, trong không gian, của những người đã khuất. Đồng thời, cũng giải thích luôn được, lý do tại sao có khi họ cảm được, cũng như có khi, họ không cảm được.

Lý do họ cảm được, khi Ngã Thức của họ, thật sự tạo ra được tần số sóng cùng chung với người họ muốn tương tác; và họ không làm được, khi họ bị những “áp lực” như danh tiếng, hay hoàn cảnh “ép buộc”, khiến họ phải dừng đến sự phỏng đoán hay tưởng tượng ra kết quả, khi họ không thật sự có được tần số sóng giao thoa với người họ cần tương tác.

Chính vì vậy, khi chúng ta Vái, có nghĩa là, chúng ta đang khởi ý niệm muốn hướng về các vị tiên tổ của chúng ta; hay nói rõ hơn, chúng ta đang tạo ra tần số rung động cùng với tần số rung động của tổ tiên của chúng ta.

Khi chúng ta có cùng với tần số với tiên tổ, chúng ta có thể giao tiếp với các Ngài, một cách dễ dàng.

Vậy, chúng ta giao tiếp (vái) những gì với tiên tổ? Như những bài viết khác, chúng tôi đã chia sẻ với bạn về những tinh hoa, và cách sống làm sao kéo dài An của tổ tiên của chúng ta. Cho nên, khi chúng ta “vái” các Ngài, có nghĩa là chúng ta muốn tương tác với tổ tiên của chúng ta, chỉ dẫn cho chúng ta, con đường để đạt được an và kéo dài an.

Hay rộng hơn, là nương tựa nơi nguồn năng lượng An của tổ tiên đã có, để thiết lập được nguồn năng lượng an trong chúng ta được kéo dài.

Theo Đông y, khi cơ thể của chúng ta bị bệnh, có nghĩa là, cơ thể của chúng ta đã mất đi sự quân bình giữa âm với dương, hay giữa lục phủ và ngũ tạng. Như vậy, khi chúng ta có An, chúng ta có thể thiết lập lại thể quân bình âm dương. Nhờ sự thiết lập được quân bình âm dương trong tâm, cho nên, sẽ ảnh hưởng tới thân.

Vì vậy, những bệnh từ thân, có thể nương tựa nơi nguồn năng lượng An của tâm, để tự điều chỉnh; từ đó, giúp cơ thể của chúng có thể sống khỏe mạnh hơn.

Những phương pháp sống lâu, và sống khỏe, không bệnh tật của người xưa, luôn đặt trọng tâm vào chữ An. Khi Tâm đã an thì không có bệnh tật

Ngày nay, các bác sĩ Tây Y cũng công nhận, sự bất an, căng thẳng, trầm cảm, v.v, là một trong những nguyên nhân chính gây ra những chứng bệnh nan y.

Câu chuyện về chứng bệnh rối loạn nghi bệnh (hypochondria) mà chúng tôi nhớ, có đọc trên vnexpress của tác giả Vương Linh, nói về chứng bệnh rối loạn nghi bệnh hay cách “định bệnh giả” như sau:

“Từ ngày ông hàng xóm mất vì ung thư vòm họng, bà A luôn có cảm giác mình có rất nhiều đờm. Bà nghĩ bà bị bệnh nặng sắp chết, nên bà bắt con cháu đưa đi hết nhà thương này tới nhà thương khác, dù bác sĩ nơi nào cũng khẳng định bà khỏe mạnh.

Trong 6 tháng, bà A đã đi khám tới hơn chục nơi. Qua các kết quả, đều cho thấy, bà có sức khỏe bình thường, họng và phổi không có vấn đề gì.

Nhưng bà A vẫn không yên tâm và luôn cảm giác họng đầy đờm, suốt ngày khạc nhổ. Người nhà sau nhiều lần đưa bà đi khám, đã quá mệt mỏi và nghĩ, bà chỉ giả vờ bệnh để con cháu quan tâm. Trong khi đó, bà A ngày càng lo âu đến mất ăn, mất ngủ.

Cuối cùng, trong một lần đến khám tại bệnh viện khác, bà được bác sĩ khuyên nên đi khám chuyên khoa thần kinh, vì bệnh không nằm trong họng của bà, mà nằm ở nơi “đầu” của bà.

Con cháu thuyết phục bà mãi, và lấy có bác sĩ chỉ định vào khoa thần kinh chụp chiếu, mới phát hiện bệnh chính xác, thì bà mới chịu đi. Qua chuẩn đoán, các bác sĩ tại đây mới xác định bà mắc chứng rối loạn nghi bệnh (hypochondria), nên luôn ám ảnh mình mắc bệnh hiểm nghèo”.

“Một bệnh nhân tên B, đi khám bệnh vì đỉnh ninh có một chiếc xương cá rất to dính trong cổ họng.

Người nhà cho biết, mấy ngày trước, khi đang ăn tối, có món cá, anh B bỗng đứng dậy khạc nhổ, kêu đau vì bị hóc xương cá.

Người nhà đã làm đủ các mẹo để chữa hóc xương, nhưng anh vẫn không đỡ, kêu than, nên người nhà quyết định đưa anh đi bác sĩ nhờ khám dùm.

Khi tới bệnh viện, sau khi kiên nhẫn nghe anh kể về cách chữa bệnh và những mối lo của anh; để cho anh yên lòng, bác sĩ chỉ định anh đi soi họng. Sau khi soi họng xong, bác sĩ khẳng định, anh bị mắc xương cá, và hẹn

anh, chiều quay lại để lấy xương cá ra.

Trong thời gian đó, bác sĩ đã nhờ một người đi tìm một chiếc xương cá thật, và khi anh tới, bác sĩ làm các thủ thuật như đang gắp xương cá ra, rồi nhanh tay, đưa cho anh B xem chiếc xương cá mà bác sĩ đã giấu trong tay từ trước.

Khi nhìn thấy xương cá anh vô cùng mừng rỡ, và từ đó, khỏi hẳn cảm giác vướng vướng, đau đau ở họng.”

Nguồn:<https://vnexpress.net/nhung-nguoi-luon-am-anh-mac-benh-nan-y-2936271.html>

Qua hai câu chuyện trên, chúng ta thấy, không phải chỉ có Đông y, mà ngay cả Tây y, cũng đều công nhận, An chính là chất liệu cần thiết, để có thể chữa trị các loại bệnh, nhất là trong câu chuyện thứ hai.

Nếu vị bác sĩ không tinh ý và “đánh lừa” anh, bằng cách tạo ra An cho anh, thì bác sĩ không thể chữa trị cho anh B hết bệnh được.

Nói đến chữ “Bệnh”, thì phần đông chúng ta ngày nay, đã đánh đồng chữ “bệnh” là đau, ốm, hay sức khỏe kém hơn bình thường.

Nhưng thật ra, chữ bệnh theo Thân Thể thức, là biểu hiện tình trạng của một cơ quan hay bộ phận nào đó trong cơ thể, đã hoạt động quá độ, hay cách chức năng của bộ phận đó bị ảnh hưởng từ môi trường, hoàn cảnh, hay do vi trùng, vi khuẩn tấn công, nên không còn hoạt động đúng theo quy trình.

Thông thường, trước khi chúng ta bị bệnh, cơ thể của chúng ta luôn có sự báo động “đỏ” cho chúng ta biết, là cơ quan, bộ phận, hay cơ thể đã có sự hoạt động quá tải, hay lệch quy trình. Nhưng Ngã thức của chúng ta, vì quá ham mê theo đuổi một điều gì đó, nên thường không để ý đến.

Khi Thân Thể thức đã báo động cho Ngã thức rồi, mà Ngã thức vẫn quyết định không nghe theo, thì Thân Thể thức sẽ có hai trường hợp để hoạt động: một, quyết định ngưng hoạt động, hai, chấp nhận và điều khiển các cơ quan theo ý muốn của Ngã thức.

Hãy lấy thí dụ sau đây làm minh họa.

Chị A mới mua một căn nhà, và nhà chị, có một bồn hoa. Ngày cuối tuần, chị nghỉ làm, nên chị quyết định, đi mua hoa về trồng trong bồn hoa của chị.

Vì quen làm việc văn phòng, và ít hoạt động tay chân; cho nên, khi chị xới đất lên để trồng hoa trong một khoảng thời gian dài, tay của chị đã bắt đầu cảm thấy hơi bị ê.

Thay vì, lắng nghe theo cơ thể của chị, báo cho chị biết, chị đã làm việc quá sức, mà thói quen cơ bắp của chị có thể chịu đựng được, và chị nên dừng lại, để cho cơ bắp phục hồi.

Nhưng vì Ngã thức của chị, lại muốn đem bồn hoa đẹp chị muốn trồng, để khoe với bạn bè ngày mai, nên chị không nghe theo lời cơ thể của chị, và vẫn tiếp tục đào xới đất.

Vì cơ bắp tay của chị đã mệt mỏi, nay lại tiếp tục phải làm thêm việc, cho nên, các cơ bắp, bắt đầu gia tăng mức báo động; thay vì, ê thì nay thành đau.

Chị A vì có ý muốn khoe với bạn mạnh hơn, cho nên, tuy tay bị đau, chị vẫn tiếp tục công việc đào xới đất trồng hoa của chị. Khi các cơ bắp không thể chịu được nữa, thì gửi báo động “đỏ” đến chị, qua triệu chứng nhức, khiến cho chị vì đau quá, không thể làm việc được nữa, nên chị phải ngừng.

Sau đó, chị phải bóp dầu cả tuần, mới hết đau nhức, và trong thời gian đó, làm ảnh hưởng đến công việc văn phòng của chị khá nhiều.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy, cơ thể của chúng ta luôn có sự báo động những sự bất thường, đang xảy ra trong cơ thể của chúng ta, theo dạng, từ nhẹ tới nặng, chứ không phải, tự dưng cơ thể chúng ta đau hay nhức, một cách đột biến.

Dĩ nhiên, ở đây, chúng ta phải loại trừ trường hợp, khi thân thể của chúng ta bị va chạm mạnh, khiến các cơ quan bị tổn thương trầm trọng, thì cơ thể của chúng ta sẽ không báo động kịp cho Ngã thức lựa chọn.

Như vậy, nếu Ngã thức của chúng ta chịu lắng nghe những lời “báo cáo” của cơ thể, từ lúc nhẹ, đã lo chữa trị, thì chúng ta sẽ ít bị rơi vào những căn bệnh khó trị sau này.

Các bác sĩ Đông cũng như Tây y đều khuyên cáo chúng ta, nên đi khám bệnh định kỳ, để có thể phát hiện ra những triệu chứng bất thường của cơ thể, lúc mới khởi đầu; như vậy, sẽ dễ dàng chữa trị, hơn là, để đến khi quá nặng, đã làm tổn thương tới các cơ quan, thì sẽ khó trị, và chúng ta sẽ tổn kém về tài chánh nhiều hơn.

Nhưng phần đông chúng ta, những lời khuyên này hình như vô cảm với chúng ta.

Câu chuyện thứ hai, liên quan đến sự tuân phục của Thân Thể thức trước Ngã thức.

Anh A có một thân hình khá mập mạp, anh đi cua gái, và thường bị các cô chê là, anh có bụng bia, nên ít cô muốn quen với anh. Họ chọc ghẹo anh, nếu anh có một thân hình sáu múi, thì họ sẽ về “nâng khăn sửa túi” cho anh.

Mặc dù, anh biết là họ chọc ghẹo anh, nhưng sự chọc ghẹo đó, chạm đến tự ái của anh, nên anh quyết định sẽ đến phòng tập thể hình, để tập thành cơ bụng 6 múi.

Dưới sự hướng dẫn của huấn luyện viên thể hình, anh bắt đầu bằng cách đẩy tạ. Ngày đầu tiên, cơ thể của anh rã rời, ê ẩm. Anh đã tính bỏ cuộc, nhưng nhớ lại lời chọc ghẹo của các cô gái, anh cố chịu đau, và vẫn tiếp tục ngày thứ hai.

Tuy cơ bắp cũng có ê đau, nhưng anh vẫn cố chịu, và kiên trì luyện tập. Trong vòng 2 tuần, những ê đau của cơ bắp ban đầu không còn. Sau đó, anh tiếp tục thực tập với các dụng cụ khác, và trọng lượng đẩy tạ của anh cũng tăng theo từng ngày.

Chỉ trong vòng vài tháng, cái bụng bia của anh đã bắt đầu phẳng lại; và một thời gian sau, anh cũng tập được cơ bụng 6 múi như Ngã thức (tự ái) của anh mong muốn.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy, Thân Thể thức của anh cũng đã có những báo động đỏ cho anh; nhưng vì Ngã Thức của anh, vì tự ái, nên đã kiên trì (ý muốn của tự ái) ra lệnh

cho Thân thể thức làm theo ý của Ngã thức.

Thân thể thức đã cộng tác với Ngã thức, và ra lệnh cho hệ thần kinh và các cơ bắp, các tế bào, ghi nhớ những lập trình mới, như: gia tăng sự đàn hồi của các cơ, luân chuyển máu đến các cơ nhanh hơn; tim và phổi cũng phối hợp chặt chẽ để lấy đủ dưỡng khí cho cơ thể; và tim cũng bơm mạnh hơn để thải các độc tố, do các cơ bắp hoạt động mạnh, thải ra ngoài qua tuyến mồ hôi và nước tiểu v.v.

Trường hợp thứ hai này, thường xảy ra cho chúng ta, khi chúng ta không chịu nghe theo cơ thể, và cứ tiếp tục “lơ là” với những báo động của cơ thể.

Sau những báo động “đỏ” của cơ thể, mà Ngã thức của chúng ta cứ “phớt lờ”, thì Thân Thể thức sẽ coi như, đó là, một lập trình mới từ Ngã Thức muôn, và ra lệnh cho các cơ quan hoạt động theo lập trình mới này.

Lập trình của anh A là một lập trình mang tính cách khỏe mạnh; đó là lập trình tốt, mà chúng ta có thể lựa chọn cho cơ thể của chúng ta.

Nhưng nếu lập trình mang tính cách làm hại đến các cơ quan như: uống rượu, ăn nhiều chất béo phì... thì chúng ta nên cẩn thận, trước khi đưa ra lập trình cho Thân Thể thức điều khiển các cơ quan hoạt động, và biến thành thói quen.

Qua thí dụ này, chúng ta thấy, khi chúng ta nói, chúng ta bình, có nghĩa là, Ngã thức của chúng ta đã không lắng nghe những sự báo động của cơ thể; và đã “phớt lờ” những báo động này. Chính vì sự “phớt lờ” này, chúng ta đã vô tình tạo ra một lập trình mới cho cơ thể của chúng ta.

Lập trình này, do Ngã thức của chúng ta, vì không hiểu được sự vận hành của cơ thể; hay hiểu, nhưng vì quá ham mê vào một điều gì đó, nên chúng ta đã đưa ra những lập trình đi ngược, hay sai, với sự vận hành của cơ thể.

Cho nên, Ngã thức của chúng ta đã làm xáo trộn, và tạo ra sự xung đột giữa các cơ quan, và các tế bào; từ đó, tạo ra những vùng năng lượng đối chọi nhau trong cơ thể, và trong Ngã thức, chúng ta có cảm giác đau hay nhức.

Như vậy, nếu chúng ta muốn sống khỏe mạnh, chúng ta cần phải để ý đến những ý muốn trong Ngã thức của chúng ta, trước những báo động của cơ thể của chúng ta.

Chúng ta phải xem xét lại những ý muốn của Ngã thức của chúng ta, có làm cho cơ thể chúng ta mạnh khỏe lên, hay làm cho suy yếu đi.

Nếu chúng ta làm được điều này, thì sự khỏe mạnh của cơ thể của chúng ta có, là chuyện tất nhiên.

Trong câu ca dao “có bệnh thì vái tứ phương” này, chúng ta đã quan sát và nhìn sâu vào hai chữ “vái” và “bệnh”, vậy còn hai chữ tứ phương nghĩa là gì?

Hai chữ tứ phương ở đây, có nghĩa là, bên ông nội, bên bà nội, bên ông ngoại, và bên bà ngoại, gồm bốn gia tộc, tổ tiên của hai bên nội, và hai bên ngoại.

Mỗi gia tộc của ông, bà, nội, ngoại, đều có những tinh hoa mà con cháu có thể quay về để nương tựa các bậc tổ tiên, dẫn lối, soi đường.

Như vậy, câu ca dao có “bệnh thì vái tứ phương” qua cách ứng dụng của chúng tôi, theo nghĩa thứ hai, có nghĩa là, khi Ngã thức của chúng tôi có những sự bất an, hay vì đam mê theo điều gì đó, nên không chịu lắng nghe theo cơ thể, khiến chúng tôi bị bệnh, thì chúng tôi phải quay về quan sát và nhìn sâu vào trong Ngã thức để thiết lập được An.

Sau đó, gọi nguồn năng lượng An của chúng tôi đến tổ tiên hai bên nội, ngoại, để được tương tác với các Ngài, và nương nhờ các Ngài chỉ dạy, cũng như hỗ trợ cho chúng tôi có cái An lâu dài.

Điều này, cũng giống như, khi ông bà chúng ta còn sống, nếu chúng ta cần những lời khuyên, hay học hỏi kinh nghiệm từ ông bà, thì chúng ta dùng lời nói để bày tỏ vậy.

Khi các cụ đã khuất, thì chúng ta cũng làm y như vậy, chỉ khác, thay vì, dùng lời nói, thì chúng ta dùng ý niệm và lời nói trong lúc khẩn. Ý niệm là nguồn năng lượng. Lời nói là qua tần số của âm thanh, và ý niệm vái cầu là tần số của tâm thức hay Ngã thức.

Sau khi, chúng ta đã có thể thiết lập được sự tương tác với ông bà của chúng ta, và chúng ta có được sự hỗ trợ An từ các vị rồi, chúng ta mới dùng An đó, để quan sát và nhìn sâu xem, Ngã thức của chúng ta đã lập trình những điều gì, tạo nên sự xáo trộn trong cơ thể; nhờ đó, chúng ta sẽ điều chỉnh lại lập trình.

Trong tiến trình điều chỉnh này, chúng ta sẽ kết hợp với các bác sĩ hay các chuyên gia, bằng cách, cung cấp những thông tin chính xác về những lập trình, để các bác sĩ có đầy đủ những thông tin, và đưa ra những chuẩn đoán chính xác.

Thí dụ, như câu chuyện về người thân của chúng tôi, mới xảy ra, liên quan đến thuốc tiểu đường như sau:

Không biết vì lý do gì, mà người thân của chúng tôi trong mấy tháng qua, với chỉ số lượng đường trong máu đều ổn định, bỗng tăng một cách đột biến, nên chúng tôi đã quyết định, đưa người thân của chúng tôi vào nhà thương.

Qua những khám nghiệm, các bác sĩ không biết nguyên nhân vì sao, mà các bác sĩ chỉ phát hiện được, có một bệnh duy nhất, là bị nhiễm trùng đường tiểu.

Cho nên, các bác sĩ cho rằng, nguyên nhân gây ra đột biến đường là do bị nhiễm trùng đường tiểu. Chúng tôi không phải là bác sĩ, cũng không phải chuyên gia, nên không biết đánh giá đó có phải là nguyên nhân hay không?

Vấn đề mà chúng tôi quan tâm là, người thân của chúng tôi, sau khi được truyền những liều insulin, thì đã trở lại bình thường.

Sau 5 ngày nằm viện, bác sĩ về tiểu đường quyết định, người thân của chúng tôi phải chích insulin để khống chế lượng đường trong máu. Theo toa thuốc của bác sĩ, thì người thân của chúng tôi phải chích một mũi buổi sáng, và một mũi buổi chiều.

Qua ba ngày chích insulin, và qua những con số mà chúng tôi ghi lại, chúng tôi phát giác ra, khi chích hai mũi: sáng, và chiều, thì sức khỏe của người thân chúng tôi suy sụp hẳn. Thay vì, có thể di chuyển như lúc trước, thì nay lại nằm bẹp, mê mết.

Cho nên, chúng tôi đã liên lạc với bác sĩ tiểu đường, và đưa ra đề nghị, chỉ nên chích một mũi vào buổi trưa, vì chỉ vào buổi trưa, là lúc đường lên cao nhất, còn những lúc khác, thì lại xuống thấp bất thường, không đủ tiêu chuẩn chích insulin.

Bác sĩ, sau khi coi qua cuốn sổ ghi chép cẩn thận với những con số thay đổi qua mấy ngày, và ông cũng coi những tấm hình chúng tôi chụp lại, những con số trên máy đo, thì ông đồng ý, chuyển từ chích hai mũi sáng chiều, thành chích một mũi vào buổi trưa.

Sau đó, ba ngày, qua chăm sóc và ăn uống theo phương pháp “Thuốc từ Tâm”, thì chỉ số đường trở về bình thường, và không cần phải chích insulin nữa.

Câu chuyện chúng tôi kể cho bạn, không phải là để chê, hay chỉ trích các bác sĩ Tây y, vì chúng tôi hiểu, khi chúng ta không có đủ những thông tin chính xác, mà chỉ dựa trên suy luận và phỏng đoán, thì kết quả không ra đúng như sự thật là chuyện bình thường.

Chúng tôi biết, các bác sĩ, sờ dĩ, đưa ra những chuẩn đoán thiếu chính xác, không phải vì họ dờ, hay không có khả năng, mà bởi vì, họ không trực tiếp chăm sóc cho người thân của chúng tôi, nên họ thiếu những thông tin chính xác để đưa ra những sự chuẩn đoán chính xác.

Cho nên, là người chăm sóc trực tiếp cho người thân của chúng tôi, chúng tôi phải có bổn phận, cung cấp đầy đủ các thông tin chính xác nhất cho các bác sĩ, để họ có đầy đủ dữ liệu, khi đưa ra phương pháp chữa trị.

Quả nhiên, khi chúng tôi cung cấp đầy đủ các thông tin, các bác sĩ đã có sự điều chỉnh đúng lúc, đúng chỗ, và có thể không chế được căn bệnh dễ dàng.

“Có bệnh thì vái tứ phương” không phải là chúng ta đi van xin cầu khẩn mọi nơi mọi chỗ. Vì đó, chỉ là chữa ngọn mà không phải chữa gốc.

Chữa tận gốc là chữa bằng cách trở về với chính chúng ta, thiết lập được An, rồi tương tác với các ông bà khuất mặt, để nương theo hướng dẫn, chỉ dạy, soi đường dẫn lối, hay nhờ ông bà của chúng ta, tiếp lực, hay hỗ trợ cho chúng ta có thể kéo dài được An.

Sau đó, chúng ta dùng nguồn năng lượng An để tìm ra những lập trình mà Ngã Thức đã “vô tình” tạo ra cho cơ thể để chỉnh sửa lại.

Rồi kết hợp với các bác sĩ (nếu có), bằng cách, cung cấp đầy đủ các thông tin chính xác về những suy nghĩ, tư tưởng, lo sợ, v.v. của chúng ta, để các bác sĩ có thể hiểu rõ và có thể chuẩn bệnh đúng hơn.

Khi đã đi khám bác sĩ, chúng ta nên đặt trọn niềm tin vào phương pháp chữa trị, tuân thủ và hợp tác.

Đặt niềm tin trọn vẹn vào bác sĩ, không phải là, bác sĩ nói sao chúng ta nghe vậy, hay cho thuốc thế nào thì chúng ta cứ uống theo như thế, mà trong tiến trình dùng thuốc, chúng ta phải tự theo dõi những diễn biến trong cơ thể, rồi liên tục cung cấp những thông tin đang xảy ra trong cơ thể của chúng ta cho bác sĩ biết, để các bác sĩ, có đầy đủ những thông tin chính xác nhất.

Chỉ khi chúng ta làm được như vậy, chúng ta mới chữa được tận gốc; chứ không phải, như thói quen thông thường của chúng ta, khi có bệnh, chữa chỗ này không được, thì đi cầu khẩn chỗ khác, mà lại không biết được, chính Ngã thức của chúng ta mới là tác nhân chính.

Cho nên, khi chúng ta có bệnh, đó không phải là một điều gì đó xấu, hay hại; mà bệnh, cũng có những điều tốt, giúp cho chúng ta thực tập có An, có sự tương tác với tổ tiên, có cơ hội nhìn sâu vào Ngã thức, để chuyển hóa những lập trình mà Ngã thức của chúng ta đã vô tình tạo ra.

Nhờ có “vái”, mà chúng ta có thể kết hợp giữa hữu hạn của Y học, với vô hạn của những nguồn năng lượng yêu thương, hiểu biết, an lạc, và hạnh phúc của tổ tiên.

Như vậy, ý nghĩa của “có bệnh thì vái tứ phương” đâu phải chỉ dùng trên góc độ về vật chất, về y học trị liệu, mà còn có thể ứng dụng trên góc độ của tâm linh nữa.

Khi chúng ta biết kết hợp cả hai lĩnh vực vật chất và tinh thần, hay tâm linh, thì chúng ta sẽ có sức mạnh gấp đôi; thay vì, chỉ sử dụng có một lĩnh vực này, hay lĩnh vực khác. Tệ hại hơn, khi chúng ta lại phí thời gian để đi tranh luận xem, lĩnh vực này đúng hay sai, hay lĩnh vực kia chánh hay tà.

Ai đúng, ai sai, không quan trọng, quan trọng của phương pháp chữa bệnh, dù là Đông hay Tây y là, chúng ta có đạt được kết quả hay không. Nếu có kết quả, đúng như ý chúng ta muốn, và kết quả đó, đem đến cho chúng ta an lạc, hạnh phúc thì đó mới là ý nghĩa của “có bệnh thì vái tứ phương”.

Cho nên:

“Có bệnh thì nên vái tứ phương

Trở về... tương tác với tổ đường

Cầu xin... học hỏi tâm An Lạc

Nhìn sâu... Ngã Thức... rõ tai ương

Dõi theo... kết hợp cùng y sĩ

Thông tin, dữ liệu... phải... tỏ... tường

Niềm tin đặt trọn và tuân thủ

Bệnh đâu còn chỗ... để tựa nương”

CẦU NGUYỆN 2

Bạn thân mến,

Nếu trong bài cầu nguyện lần trước, chúng tôi chia sẻ với bạn về ý nghĩa của hai chữ cầu nguyện, thì chủ đề hôm nay, chúng tôi muốn chia sẻ với bạn về cách cầu nguyện như thế nào mới có kết quả.

Câu chuyện bắt đầu, khi chúng tôi sinh hoạt về tâm linh với một số bạn có duyên. Trong những thân hữu này, có một cặp vợ chồng, đã quyết định đem xá lợi tặng cho chúng tôi; vì anh chị cảm nhận được sự bình an của chúng tôi, mỗi khi anh chị tới sinh hoạt chung.

Anh chị nói với chúng tôi rằng, anh chị tin tưởng, với tâm bình an của chúng tôi, nếu cộng thêm với xá lợi, chúng tôi sẽ giúp ích được cho nhiều người, có được sự bình an lâu dài.

Nói thật, về kinh nghiệm làm sao kéo dài An thì chúng tôi còn có chút kinh nghiệm. Nhưng về xá lợi là gì, và ứng dụng ra sao thì chúng tôi mù tịt.

Cho nên, chúng tôi nhất định từ chối; và anh chị đã phải mang xá lợi đến nhiều lần, chúng tôi mới chấp nhận. Chúng tôi nhận xá lợi của anh chị, không phải vì sự màu nhiệm của xá lợi, như những gì chúng tôi có đọc hay nghe qua, mà chúng tôi nhận, vì tâm lòng chân thành của anh chị.

Trong hơn 100 viên xá lợi chúng tôi nhận lúc đó, có đầy đủ

màu sắc long lanh rất đẹp. Sau khi thiết lập một bàn thờ trang nghiêm, chúng tôi mới đặt những viên xá lợi lên bàn thờ.

Cũng như bao người khác, vì đây là lần đầu tiên nhận xá lợi, cho nên, chúng tôi cũng chưa hiểu được hết ý nghĩa và giá trị về xá lợi.

Vì thế, chúng tôi đã quyết định, đi tìm hiểu bằng chính sự trải nghiệm của mình, mà không theo bất cứ những nghi thức, định nghĩa, hay giải thích về xá lợi từ bất cứ nguồn nào khác.

Chúng tôi nghĩ rằng, chỉ có như vậy, sự trải nghiệm mới mang tính chất khách quan, mà không hề có bất cứ một định kiến nào có trước.

Bước khởi đầu trải nghiệm của chúng tôi, bắt đầu bằng Tâm Bình An, sự Quan Sát và Nhìn Sâu. Trong tiến trình quan sát và nhìn sâu, chúng tôi cảm nhận được định nghĩa của Xá Lợi là:

Tinh hoa của một tiến trình tu hành nghiêm mật của các bậc tĩnh thức, hiền giả, thiện tri thức, giác ngộ, sau khi viên tịch, đã dồn hết tuệ giác của các ngài lại, kết tinh thành những hạt.

Giá trị của những hạt Tuệ Giác (xá lợi) này, như một ngọn hải đăng, luôn soi đường dẫn lối cho chúng tôi, những con thuyền đang chìm trong bóng đêm tăm tối, có thể định hướng để quay về bờ bên An Toàn; và cũng là tấm gương phản chiếu, giúp cho chúng tôi có thể nhìn thấu tâm thức của mình, để kiểm tra, chỉnh sửa lại những hướng đi cho

trúng đích, tránh lệch đường.

Qua sự trải nghiệm và cảm nhận trên, chúng tôi lại tiến thêm một bước nữa, đó là: kiểm chứng xem điều đó có đúng không? bằng cách, phân đôi xá lợi nguồn thành hai phần:

Phần xá lợi thứ nhất: chúng tôi phát khởi tâm hướng về Từ Bi.

Phần xá lợi thứ hai: chúng tôi phát khởi tâm hướng về Tuệ Giác.

Sau một khoảng thời gian ngắn, phần xá lợi thứ nhất, phát ra mùi trầm hương (hương Từ), và phần xá lợi thứ hai, khi chụp hình, chúng tôi phát hiện ra những vùng ánh sáng.

Đặc biệt là, phần xá lợi thứ nhất, lại không có bất cứ ánh sáng nào; và ngược lại, phần xá lợi thứ hai, cũng không có bất cứ một chút mùi hương trầm nào. Dù rằng, cả hai phần xá lợi lúc mới nhận, đều không có hương thơm, cũng không có ánh sáng.

Khi phát hiện ra điều này, chúng tôi có chia sẻ lại với thân hữu tặng xá lợi cho chúng tôi. Anh chị cũng rất ngạc nhiên; bởi vì, xá lợi cùng nguồn từ nhà anh chị, cũng không có hương thơm và ánh sáng.

Như vậy, qua sự trải nghiệm và kiểm chứng trên, chúng tôi rút ra được một bài học vô cùng quý giá đó là:

Xá lợi là một tấm gương phản chiếu nội tâm của người đối diện. Khi chúng ta có được chiếc “gương Thần” này, chúng ta có thể nhìn rõ được nội tâm của chúng ta một cách rất rõ ràng.

Nhờ đó, chúng ta có thể tiếp xúc được với Sự Thật. Ai trong chúng ta cũng biết rằng, khi chúng ta không có khả năng tiếp xúc với Sự Thật, thì chúng ta sẽ sinh ra ảo tưởng, phỏng đoán, và từ đó, dẫn đến những nhận thức mê lầm. Và Ai trong chúng ta cũng có kinh nghiệm, chính những nhận thức mê lầm này, là những nguyên nhân gây ra phiền não, khổ đau, bệnh tật của chúng ta trong đời sống hàng ngày.

Sau đó, chúng tôi lại tiếp tục làm thực nghiệm thứ ba, qua việc tặng xá lợi cho những bệnh nhân, trong đó bao gồm: người bệnh ung thư Phổi và di căn thời kỳ cuối, khi bác sĩ đã khẳng định, chị chỉ có thể sống thêm được sáu tháng, nên cho về nhà, nằm chờ chết; gia đình bị tự kỷ; và một số người bệnh khác, theo phương pháp Cầu Nguyện của chúng tôi, và cầu nguyện bình thường.

Với người bị ung thư Phổi và gia đình tự kỷ, khi nhận được xá lợi, họ đặt 100% niềm tin vào xá lợi, và thực hành theo hướng dẫn Cầu Nguyện.

Trong vòng 24 giờ, xá lợi của người bị ung thư Phổi, sinh ra hơn 10 viên xá lợi khác. Trong tiến trình tự chữa, chị tích cực cầu nguyện, và duy trì trạng thái An nhiên nhất có thể trong một ngày. Trong vòng 3 tháng, chị khỏi hẳn ung thư, ngay cả các bác sĩ đã “tuyên án tử” cho chị, cũng chỉ biết thốt lên hai chữ “kỳ tích”, mà không thể giải thích được tại sao.

Còn gia đình tự kỷ, sau một khoảng thời gian thực tập thì gia đình sinh hoạt như người bình thường.

Trong khi, với những người bệnh khác, chỉ cầu nguyện không thực hành, và niềm tin dao động, thì kết quả có khác nhau, không được như ý muốn.

Qua thực nghiệm này, chúng tôi rút ra được những bài học như sau:

Bài Học 1: Cầu mà không nguyện cầu không đắc

Bài Học 2: Nếu muốn xá lợi sanh, thì khi Cầu, chúng ta phải thêm vào lời Nguyện: sau khi thực hành thành công chữa được bệnh từ Thân hay Tâm, chúng ta phải nguyện đem kinh nghiệm và xá lợi mới sinh ra, hay xá lợi của chúng ta có, để chia xẻ và giúp đỡ những người có căn bệnh giống như chúng ta. Và chỉ thực hiện duy nhất với căn bệnh đó mà thôi, chứ không nên hướng dẫn, hay chia xẻ những căn bệnh khác, mà chúng ta không có kinh nghiệm, hay chưa thực hành.

Bài Học 3: Niềm tin đóng vai trò vô cùng quan trọng đến việc đạt được kết quả. Phần lớn chúng ta, thường không biết cách đo lường niềm tin của chúng ta như thế nào.

Qua thực nghiệm này, chúng tôi rút ra được cách đo niềm tin của chúng ta khá chính xác. Đó là: Dựa vào kết quả của chúng ta có, để biết lòng tin của chúng ta là bao nhiêu.

Nếu chúng ta ra kết quả là “không có gì hết”, thì trong niềm tin của chúng ta đã có 100% nghi ngờ về kết quả chúng ta mong muốn. Cho nên, điều mà chúng ta nhận được là: kết quả của Nghi Ngờ (không có gì đúng với ý chúng ta), chứ không phải, là chúng ta Không Có Kết Quả.

Thí dụ: Chúng tôi đang đau bụng, và muốn hết đau bụng; và chúng tôi nghĩ, chúng tôi tin xá lợi, giúp chúng tôi hết đau bụng, nhưng Không Biết Có Hết Hay Không?

Nếu chúng ta để ý kỹ, khi chúng ta thêm chữ “NHUNG” vào, thì chữ “NHUNG” đã thay đổi toàn bộ cái muốn ban đầu của chúng ta, bằng cái muốn thứ hai. Và cái muốn thứ hai, trở thành cái muốn thật sự của chúng ta. Kết quả đúng như chúng ta muốn, chúng ta Không Hết Đau Bụng là chuyện tất nhiên.

Hoặc, Chúng tôi tin là, xá lợi có thể giúp chúng tôi hết đau bụng, để chúng tôi “Thử”. Bạn có biết không, Thử là một dạng của nghi ngờ, không hơn và không kém; và đây là thói quen mà chúng ta sử dụng hàng ngày.

Cho nên, khi bạn Cầu với ý niệm Thử, hay Nghi Ngờ, thì cái kết quả bạn nhận được, chính là kết quả của sự Nghi Ngờ, chứ không phải là Không Có Kết Quả.

Đây là một nhận thức lệch lạc, mà hầu hết chúng ta đều vấp phải, khi cho rằng, cái Nhân ban đầu là muốn hết bệnh, và chúng ta lại “vô tình” cộng thêm quá nhiều nghi ngờ, nên cái Nhân muốn hết bệnh, đã đổi thành cái Nhân “không biết có kết quả không”. Vì vậy, nên khi nhận được đúng cái Quả “không hết bệnh”, thì chúng ta lại thất vọng, và cho rằng, phương pháp đó sai, hay cho rằng, chúng ta đã tin, nhưng không ra kết quả như ta muốn.

Tóm lại, công thức để đo niềm tin của chúng ta như sau:

- Phần trăm nghi ngờ của chúng ta càng nhiều, thì kết quả như chúng ta mong được càng thấp.

- Kết quả mà chúng ta được bao nhiêu, thì niềm tin chính xác của chúng ta là bấy nhiêu.

Bài Học Thứ 4: Định nghĩa của Trí là: khả năng quan sát, phân tích, tổng hợp, phỏng đoán và tưởng tượng... dưới dạng Nông, và định nghĩa của Tuệ là: khả năng quan sát, phân tích, tổng hợp... dưới dạng Sâu.

Thí dụ: Người vợ đang bận rửa chén, nghe đứa con khóc, nói với người chồng:

-Anh ơi, vào thay tã cho con đi, vì nó vừa mới tè xong, nếu để lâu con sẽ bị hăm.

Người chồng bỏ tờ báo xuống, trên đường đi vào phòng của con, trong đầu suy nghĩ:

-Quái! Sao bà xã mình biết thằng cu nó tè chứ, biết đâu nó không tè thì sao?

Khi đến bên con, người chồng mở tã ra. Đúng như người vợ nói, thằng cu tè thật. Sau khi thay tã cho con xong, thằng cu mỉm cười, rồi lại chìm vào giấc ngủ. Người chồng bước ra khỏi phòng, tiến về chỗ người vợ đang đứng rửa chén, hỏi:

-Sao em biết là thằng cu nó tè?

Người vợ mỉm cười trả lời:

-Em không biết nữa, chắc là thiên tánh của người mẹ.

Thật ra, người vợ đang sử dụng Tuệ Giác (nhờ sự Quan Sát, Phân Tích, Tổng Hợp theo Chiều Sâu, nên biết ra sự thật) mà không biết.

Nếu chúng ta dựa vào định nghĩa của Tuệ, thì người mẹ đó, qua tiếng khóc ọ ọ của đứa con, đã biết ra được Sự Thật.

Bởi vì, trong tiến trình nuôi con, người mẹ đã sử dụng khả năng Quan Sát, Phân Tích, Tổng Hợp và Nhìn Sâu (Tuệ), để phân biệt những âm thanh của đứa con. Đó là ngôn ngữ của bé dung, để diễn đạt những trạng thái đang xảy ra trên thân thể của bé, mà bé không thể dùng ngôn ngữ bình thường để diễn đạt được.

Chính nhờ sự Quan Sát và Nhìn Sâu, người mẹ biết được, nếu không thay tả kịp thời, thì con mình sẽ bị hâm. Chính nhờ sự Phân Tích Tỉ Mỉ (Sâu), mà người mẹ biết âm thanh ọ ọ này là con đi tè, hay âm thanh ọ ọ kia là con đói bụng.

Chính nhờ sự quan sát và nhìn sâu, mà người mẹ biết được Sự Thật, mà không hề dùng đến bất cứ sự phỏng đoán hay tưởng tượng nào về kết quả cả.

Ngược lại, người chồng sử dụng Trí Giác, thiếu sự Quan Sát, Nhìn Sâu, nên đã đưa ra sự phỏng đoán như “biết đâu nó không tè”. Trong khi, Sự Thật là đứa bé đã tè.

Rõ ràng, Tuệ Giác thì luôn có mặt với chúng ta, nhưng thông thường, chúng ta không chọn lựa sử dụng. Cũng như người mẹ kia, khi có con, vì có tình thương, nên người mẹ đã chọn sử dụng Tuệ Giác, một cách linh hoạt, mà không hề có ai dậy bảo người mẹ đó, làm như thế nào mới đúng.

Nhưng cũng bất hạnh thay, khi đứa bé bắt đầu biết sử dụng ngôn ngữ, thì phần đông những bà mẹ, lại bỏ đi việc sử dụng Tuệ Giác, và dần dần thay vào đó, sử dụng Trí Giác.

Để cho dễ nhớ, chúng tôi có thể rút gọn những bài học lại như sau:

Cầu mà không Nguyện, Cầu không Đắc.

Xá lợi chỉ Sanh, khi chúng ta dùng Tuệ Giác của chúng ta để tương tác với Tuệ Giác của các bậc Tỉnh Thức. Chữ Sanh ở đây, là biểu hiện Tuệ Giác của chúng ta, đang tiếp tục phát triển. Những viên Xá Lợi mới sanh, chỉ là ẩn chứng cho sự phát triển tuệ giác của chúng ta, biểu hiện qua góc độ của vật chất.

Chuyện gì sẽ xảy ra, nếu như, khi chúng ta đối diện trước xá lợi, và sử dụng Trí Giác của chúng ta?

Đơn giản, khi chúng ta dùng Trí Giác, thì chúng ta sẽ không thể tương tác với Tuệ Giác của các bậc Tỉnh Thức, nên xá lợi sẽ không Sanh, hoặc nếu có sanh, thì cũng là những hạt dị tướng.

Cũng có nghĩa là, chúng ta đang tiếp cận xá lợi với sự lệch hướng. Và “Gương Xá Lợi” sẽ giúp cho chúng ta nhận ra điều này, và chúng ta phải điều chỉnh lại.

Kết quả của chúng ta như thế nào, thì lòng tin của chúng ta như thế đấy. Muốn biết chúng ta tin bao nhiêu, thì lấy kết quả ra thế nào, làm thước đo.

Khác nhau giữa định nghĩa của Trí và Tuệ; thì Tuệ, phát triển theo chiều Sâu, và không có sự phỏng đoán hay tưởng tượng tham gia; còn Trí, phát triển theo chiều Rộng hay Nông, và thường sử dụng thêm sự phỏng đoán hay tưởng tượng ra kết quả.

Qua thực nghiệm về xá lợi, khi chụp hình có những vùng ánh sáng, tùy theo tâm niệm của người cầu; chúng tôi bắt đầu thực nghiệm qua việc, chụp lại những hình theo những lời cầu nguyện, để biết được, lời cầu nguyện có thể đạt được hay không?

Trải qua rất nhiều lần thực nghiệm, và qua nhiều cách thức cầu nguyện khác nhau, chúng tôi rút ra được những bài học như sau:

Bài Học 1: Khi lời cầu nguyện của chúng tôi đủ thành khẩn, thì bất kể là nơi nào, mà chúng tôi cầu nguyện, cũng đều có ánh sáng. Chúng tôi đã thực nghiệm nơi những đền thờ của tôn giáo, cũng như bàn thờ của gia tiên; khi tâm chúng tôi đủ thành khẩn, thì tất cả mọi bàn thờ đều có ánh sáng qua hình chụp lại.

Ngược lại, khi chúng tôi khởi ý niệm thờ, hay chỉ làm với hình thức, qua loa cho có lệ, mà không đủ lòng thành, thì cũng cùng một địa điểm, cùng một không gian, lại không có ánh sáng.

Ánh sáng ở đây, không có gì là huyền bí, để dẫn đến sự mê tín; như tin là, có thần thông hay quyền lực gì; mà ánh sáng ở đây, chỉ là những hiện tượng, chứng minh lòng của chúng tôi có đủ thành khẩn hay không?

Thông thường, chúng ta hay nghĩ rằng, khi chúng ta cầu nguyện điều gì, thì chúng ta sẽ rất thành khẩn. Nhưng có thật là chúng ta có thành khẩn hay không, thì chính chúng ta cũng không thể khẳng định được.

Nhưng qua hình chụp lại khi cầu nguyện, thì chúng ta có thể

biết được, sự thành khẩn của chúng ta như thế nào. Việc này, cũng giống như các bác sĩ chụp hình cộng hưởng từ (fMRI) vậy.

Qua hình ảnh, họ có thể biết được những tần số sóng trong não của bệnh nhân như thế nào; thì qua hình chụp lại những lời cầu nguyện, chúng ta cũng có thể biết được, chúng ta có thành khẩn hay không.

Việc chúng ta chụp lại hình có ánh sáng hay không, cũng chẳng có gì là to tát, hay huyền bí gì cả. Bởi vì, chúng ta chỉ dùng những hình ảnh này, để biết được tâm thức của chúng ta, khi cầu nguyện thế nào.

Nếu chúng ta chưa đủ thành khẩn, thì chúng ta nên chỉnh sửa lại cho đúng, để chúng ta có thể tiếp cận, hay nhận được sự hỗ trợ từ các bậc tiền nhân, đơn giản, chỉ thế thôi.

Vậy như thế nào mới là thành khẩn, và thành khẩn là gì?

Theo định nghĩa, Thành có nghĩa là thật lòng, hết lòng, một lòng, và Khẩn là khẩn vái, van xin.

Như vậy, hai chữ thành khẩn, có nghĩa là, khi chúng ta xin một điều gì đó với ai, thì chúng ta phải một lòng, hay thật lòng hướng đến người đó, mà không chỉ làm lấy lệ, hay hình thức.

Đứng trên góc độ về tâm lý, khi chúng ta thành khẩn, có nghĩa là, chúng ta đang tập trung tất cả những nguồn năng lượng vào một điểm.

Vì vậy, nguồn năng lượng đó sẽ rất mạnh. Chính nhờ nguồn

năng lượng mạnh này, mà chúng ta mới có thể tương tác được với những tần số sóng Tuệ Giác thanh cao của các bậc tiên nhân, hay những người khuất mày khuất mặt. Những người, đã có những kinh nghiệm sống, hay những trải nghiệm sống, có hạnh phúc, và an lạc lâu dài.

Nếu chúng ta không đủ lòng thành, chỉ làm lấy lệ, hay hình thức, thì chúng ta sẽ không đủ nguồn năng lượng để tiếp cận với những nguồn năng lượng thanh cao của các vị. Cho nên, những lời cầu nguyện của chúng ta, không được chứng, hay không được sự hỗ trợ từ các Ngài, cũng là chuyện tất nhiên.

Bài Học 2: Lời cầu nguyện thì nên chân thành và đơn giản, như đang tâm sự; nhất là khi cầu nguyện với tổ tiên của chúng ta.

Nếu bạn để ý kỹ, khi đứa con nhỏ của bạn muốn mua một món đồ chơi nào, thì đứa bé đâu có cần phải dùng những từ ngữ văn hoa bóng bẩy gì, để tán tụng bạn là người tốt bụng; mà đứa con của bạn sẽ nói với bạn những lời nói hết sức đơn giản và trực tiếp như sau:

“Mẹ/Bố ơi, con muốn mua món đồ chơi này, mẹ/bố mua cho con nhé bố/mẹ; con yêu mẹ/bố nhiều lắm”.

Chỉ cần dùng bấy nhiêu chữ, trực tiếp vào vấn đề của đứa con, nếu như bố mẹ không có vấn đề về tài chánh, hay cách thức giáo dục, thì đa số, các bà mẹ hay ông bố, sẽ siêu lòng và thỏa mãn cho đứa con.

Tổ tiên của chúng ta, trước khi khuất núi, cũng là những bậc cha mẹ. Cho nên, khi chúng ta cầu nguyện, hay khẩn xin các Ngài điều gì, thì chúng ta nên dùng đúng ngôn ngữ. Như

vậy chúng ta mới có thể tương tác được với các vị.

Trong ngôn ngữ Việt, có chữ “oi” rất tuyệt. Hễ một chữ nào, nếu được đính kèm thêm chữ “oi” đằng sau, thì lại diễn tả được sự thiết tha, trù mến, sâu đậm.

Người chồng, nếu chỉ gọi vợ của anh là “mình”, thì nghe nó nhạt nhẽo, không tha thiết, không yêu thương sâu đậm; nhưng nếu cộng thêm chữ “oi” vào thành “mình oi”, thì người vợ sẽ cảm nhận ngay được sự ngọt ngào, yêu thương, tha thiết của người chồng ở trong đó.

Cho nên, khi cầu nguyện, trong lời cầu xin, chúng ta nên thêm chữ “oi” vào sau danh xưng của người chúng ta muốn cầu. Chữ “oi” ở phía sau danh xưng, giúp cho chúng ta bày tỏ sự thiết tha, trù mến, một lòng hướng về.

Thí dụ, ông nội oi, hôm nay là ngày giỗ của ông nội, chúng cháu tề tụ về đây, làm mâm cỗ mời ông nội về dùng chung cùng chúng cháu...

Hay, tổ nghiệp oi, xin tổ nghiệp soi đường dẫn lối cho con trên con đường nghệ thuật. Con nguyện, khi con có được thành công, con sẽ đem hết kinh nghiệm của con để chia sẻ, hướng dẫn cho những ai, muốn tiến thân trên con đường nghệ thuật...

Dĩ nhiên, có nhiều bạn sẽ không đồng ý với cách cầu nguyện này, vì những lời cầu như trên, có vẻ như “bình dân”, không văn vẻ, thiếu đi sự tôn trọng, và không bày tỏ được thành ý.

Chúng tôi cũng đồng ý với bạn là, những lời nguyện trên rất bình thường và trực tiếp, không có một chút văn hoa tán

tụng nào. Nhưng quan trọng nhất không phải là bình dân hay văn vẻ, mà là, có đúng ngôn ngữ của các vị muốn nghe hay không mà thôi.

Nếu chúng ta dùng không đúng loại ngôn ngữ mà người chúng ta đi cầu xin, muốn nghe, thì chúng ta sẽ “không có cửa” để các Ngài tiếp cận, hỗ trợ hay phù hộ cho chúng ta.

Cho nên, nếu ông bà của chúng ta, hay tổ của chúng ta, chỉ là những người ưa thích sử dụng ngôn ngữ “bình dân” trực tiếp, mà chúng ta lại cứ thích dùng những lời lẽ văn hoa, bóng bẩy, tán tụng các Ngài, chắc chắn, các Ngài cũng chẳng muốn “tiếp” chúng ta làm gì.

Đó có phải là một trong những nguyên nhân, mà khi chúng ta cầu hoài, mà không thấy các Ngài chứng chãng? Chúng tôi vốn không biết.

Chúng tôi chỉ biết, cầu làm sao, để có thể tiếp cận được với người chúng tôi muốn cầu, để các Ngài hỗ trợ cho chúng tôi, và chúng tôi nguyện đem những kinh nghiệm này chia sẻ lại cho bạn.

Bạn có toàn quyền lựa chọn. Với chúng tôi, cách nào cũng tốt và đẹp cả, nhất là khi chúng ta cầu nguyện và đạt được kết quả. Bởi vì, kết quả mới chính là cứu cánh mà chúng ta muốn đạt đến, chứ không phải là phương tiện, chúng ta cầu cách nào?

“Cầu Mà Không Nguyện... Cầu Không Đắc

Nguyện Hành Từng Khắc... Đắc Nhân Tâm”

TỪ BI - TUỆ GIÁC

Bạn thân mến,

Chủ đề hôm nay, chúng tôi muốn chia sẻ với bạn, làm sao có thể sử dụng phòng ăn hay phòng bếp của bạn, để thấp sáng Từ Bi và Tuệ Giác đang có sẵn trong bạn, được phát huy một cách rực rỡ nhất.

Từ, Bi và Tuệ, Giác là bốn chất liệu vô cùng quan trọng trong việc đem đến sự bình an, hạnh phúc, vui tươi trong cuộc sống của con người.

Định nghĩa của Từ là đem niềm vui đến cho người khác; Bi là lấy ra, hay làm vui đi, niềm đau nỗi khổ cho người khác. Tuệ là khả năng quan sát, phân tích, tổng hợp theo chiều sâu; và Giác là nhận ra, biết ra.

Bốn chữ Từ, Bi, Tuệ, Giác thường được sử dụng trong kinh điển của Phật giáo. Nhưng thật ra, đó không phải là “bản quyền - copyright” của Phật giáo, mà đó là Bản Tính sẵn có nơi mỗi con người.

Nhưng vì, chúng ta không hiểu được giá trị và định nghĩa đúng đắn của 4 từ trên; cho nên, chúng ta không biết cách ứng dụng làm sao để đem đến sự bình an, và hạnh phúc cho mình và cho người.

Chính vì vậy, trong chủ đề này, chúng tôi muốn chia sẻ với bạn, một góc nhìn mới. Một góc nhìn, mà bạn đã có sẵn, nhưng không biết làm sao để phát huy hết giá trị đích thực

của Từ, Bi và Tuệ, Giác đang có trong bạn.

Hãy tưởng tượng, khi người thân của bạn bị cảm cúm; bạn vào bếp, và nấu cho người thân của bạn một chén cháo, ăn để giải cảm, có phải bạn đang thực hiện lòng Từ Bi không?

Chắc chắn rồi. Vì sao? Vì bạn đang tìm cách làm vui bớt đi sự đau đớn mà người thân của bạn đang gánh chịu, và bạn cũng đang mong muốn chén cháo giảm cảm của bạn, sẽ giúp cho người thân của bạn sớm hồi phục, mạnh khỏe và vui tươi.

Lấy đi niềm đau ra khỏi người thân, đó là lòng Bi, và đem lại sự vui, mạnh khỏe, cho người thân, đó chính là lòng Từ.

Như vậy, bạn đâu cần phải đi làm biết bao việc thiện, bạn phải tu tập khổ nhọc, bạn phải ăn chay trường, mới có thể phát huy hay phát triển được lòng Từ Bi đâu.

Mà chỉ cần, khi bạn chú tâm, để ý vào, làm một việc gì cho một ai đó, mà việc làm của bạn, có khả năng: lấy ra, hay làm vui đi sự khổ đau cho người khác, thì lòng Bi trong bạn, đang được thấp sáng. Và khi bạn, cũng để hết tâm ý, quan sát tỉ mỉ, để đem đến niềm vui và sự an lạc cho người khác, thì bạn đang thể hiện lòng Từ.

Như vậy, lòng Từ Bi không phải là một điều gì “xa tầm với”, ở tận cõi nào, mà nằm ngay trong chính bạn.

Chỉ cần bạn hiểu rõ được định nghĩa một cách đúng đắn, thì bạn không cần mong cầu, hay phải lặn lội đi khắp mọi nơi, để tìm cầu lòng Từ Bi, mà bạn có thể thực hiện ngay với những người thân, đang sống chung quanh bạn.

Bạn hãy thực tập thể hiện lòng Từ Bi mỗi ngày trong cuộc sống, và biến thành thói quen, thì đời sống của bạn sẽ luôn có hạnh phúc và bình an. Vì sao?

Vì Từ và Bi chính là hai trong bốn chất liệu quan trọng để tạo ra bình an và hạnh phúc. Không có lòng Từ Bi, thì cuộc sống của bạn sẽ chìm trong đau khổ và vô vị.

Tương tự như Từ Bi, Tuệ và Giác cũng là hai chất liệu quan trọng khác. Nhưng Tuệ và Giác nếu đem so với Từ Bi, thì Tuệ và Giác quan trọng hơn, bởi vì, nếu không có Tuệ và Giác, thì lòng Từ Bi khó có thể thể hiện được sự tinh tế nhất.

Thí dụ: Khi người thân của bạn bị cảm, và bạn đi nấu cháo giải cảm cho người thân của bạn. Tại sao bạn lại làm vậy? Vì bạn muốn người thân của bạn sớm được khỏe mạnh.

Nhưng nếu trong suốt tiến trình bạn nấu cháo, mà bạn lại đang phiền não, lo âu, sầu muộn về những chuyện khác; hay bạn cảm thấy bức dọc, khó chịu; hay bạn cảm thấy phiền toái, thì những nguồn năng lượng tiêu cực đó, sẽ được “thẩm thấu” vào chén cháo mà bạn đang nấu.

Và khi người thân của bạn ăn phải chén cháo với nguồn năng lượng tiêu cực đó, thay vì, họ sẽ hưởng được lòng Từ Bi của bạn, thì họ sẽ nhận được những “độc dược” từ những tư duy tiêu cực của bạn.

Chính vì vậy, sự có mặt của Tuệ (khả năng quan sát, phân tích, tổng hợp theo chiều sâu) và Giác (nhận ra, biết ra) sẽ giúp cho lòng Từ Bi ban đầu của bạn, được duy trì, và “gởi gắm” vào trong chén cháo một cách dôi dào và trọn vẹn.

Phương pháp nấu ăn có Tuệ Giác, là phương pháp quan sát tâm ý của bạn, trong tiến trình nấu ăn, để nhận ra, những trạng thái tâm lý của bạn trong lúc đang nấu ăn, là trạng thái gì.

Nếu trạng thái tâm lý đang nấu ăn của bạn là lòng Thương, lòng Từ, lòng Bi, Bình An, Vui Vẻ, thì bạn hãy tiếp tục tập trung vào lòng yêu thương, hay lòng Từ Bi đó, bằng cách, gia tăng sự suy nghĩ đến những việc đẹp, tốt, đáng yêu mà người thân đã làm cho bạn, mà không để bất cứ ý niệm tiêu cực như: lo âu, phiền toái, buồn bực, sợ hãi v.v. nào chen vào.

Nếu chẳng may, bạn không có thể duy trì lòng Thương, lòng Từ hay lòng Bi, mà trong lòng bạn bắt đầu “nổi sóng”, thì bạn nên dừng lại việc nấu ăn, hay bạn đã nấu xong, thì bạn cũng đừng cho người thân của bạn ăn.

Bởi vì, Bạn đã nhận ra (Giác), thức ăn bạn nấu, với nguồn năng lượng tiêu cực, sẽ trở thành “độc dược” đối với người thân của bạn.

Thay vì, người thân của bạn sẽ sớm hồi phục, khỏe mạnh và sống vui tươi, thì bệnh của họ sẽ trở nên nặng hơn, khi tinh thần của họ, đã thấm những độc tố: buồn phiền, lo âu, phiền toái từ bạn; và cuối cùng, họ sẽ đem những phiền não, khổ đau của họ, trao tặng lại cho bạn.

Như vậy, nhờ có Tuệ, giúp cho bạn có thể tập trung sâu hơn, để nghĩ về những điều tốt đẹp, và duy trì sự tốt đẹp đó, trong suốt tiến trình nấu; và Giác, giúp cho bạn nhìn sâu hơn, để hiểu được, tại sao người thân của bạn, sau khi ăn những thức

ăn của bạn nấu xong, lại trở nên dễ cáu gắt, bực bội, bất mãn, khổ đau; hay trở nên vui tươi, mạnh khỏe yêu đời.

Con người của chúng ta, ai cũng cần ăn để sống; nhưng nếu, những thực phẩm mà chúng ta ăn, đều được “tẩm” bằng những chất liệu độc hại như: lo âu, phiền não, căng thẳng, phiền muộn, bực tức, thù hận, ganh ghét v.v. thì chẳng trách sao, cuộc đời của chúng ta luôn chìm trong khổ đau, và bệnh tật.

Hãy biến nhà bếp của bạn thành nơi để thắp sáng lòng Từ Bi và Tuệ Giác của bạn. Bạn hãy bắt đầu bằng việc thực tập thành những thói quen như:

- Nhất định không nấu ăn khi lòng bạn đang lo âu phiền não, buồn bực hay có những suy nghĩ tiêu cực
- Không nghe bất cứ loại nhạc, âm thanh nào để bạn có được sự tập trung cao nhất
- Bạn chỉ nấu ăn khi bạn có được sự Bình An, Vui Vẻ, Yêu Thương, Hạnh Phúc
- Khi nấu ăn, bạn luôn nghĩ đến những điều tốt lành, và gửi tình yêu thương của bạn qua thực phẩm, món ăn, thay vì dùng lời nói

Chỉ cần bạn duy trì liên tục thực tập trong vòng 30 ngày, bạn sẽ tập thành những thói quen tốt. Chính những thói quen tốt này, sẽ giúp bạn thắp sáng lòng Từ Bi và phát huy Tuệ Giác của bạn, để đem đến sự bình an và hạnh phúc cho bạn, và cho tất cả những người thân yêu của bạn.

Tiện đây, chúng ta cũng nên quan sát và nhìn sâu vào Từ, Bi, Tuệ, Giác khi ứng dụng ngoài đời sẽ như thế nào.

Hãy lấy câu chuyện sau đây làm minh họa.

Trong một ngôi làng nhỏ, trong rừng sâu, có khoảng vài trăm người đang sinh sống. Họ chỉ có duy nhất một người bác sĩ, để chữa trị bệnh cho họ những khi trái nắng trở trời.

Một hôm, ông Y Sĩ đi chữa bệnh về; và đi ngang qua một khu rừng, ông nhìn thấy, một con hổ, đang bị thương, nằm ngất, bên bìa rừng.

Vì là Y Sĩ, ông thấy con hổ bị thương, nên ông khởi lòng “Từ Bi” muốn cứu con hổ đó. Sau khi, xem xét vết thương, và băng bó lại cái chân bị gãy của con hổ, ông mới dùng thuốc giải mê để đánh thức con hổ dậy.

Khi con hổ thức dậy, nhìn thấy ông; vì con hổ đã đói mấy ngày, nên đã tấn công, giết ông, và cắn xé thịt của ông để thỏa mãn con đói của nó.

Hành động của vị bác sĩ này, có phải là “Từ Bi” không và có đúng không?

Chắc chắn, đây không phải là lòng Từ Bi, mà đó là lòng thương xót hay lân mẫn. Phần lớn chúng ta, hay lầm lẫn khi diễn dịch lòng Từ Bi thành lòng thương xót hay lân mẫn.

Trong khi, định nghĩa của lòng Từ Bi là đem niềm vui đến cho người (Từ), và lấy ra, hay làm vơi đi niềm đau nỗi khổ cho người (Bi), thì định nghĩa của lòng thương xót là động lòng thương và xót xa cho hoàn cảnh của người hay vật.

Rõ ràng, hai định nghĩa hoàn toàn khác nhau; nếu chúng ta không cẩn thận, mà diễn dịch lòng Từ Bi là lòng thương xót, hay lòng yêu thương, thì chúng ta sẽ có thể bị rơi vào giống như trường hợp của vị bác sĩ kia. Chúng ta sẽ trở thành “mồi ngon” cho người hay cho vật.

Vậy, nếu như vị bác sĩ kia, muốn ứng dụng lòng Từ Bi vào việc cứu con hổ kia có được không?

Được và không được. Được khi ông băng bó vết thương cho con hổ (Bi), rồi đánh thức con hổ dậy, và làm mồi cho con hổ ăn (Từ). Nhưng không được, vì cả mấy trăm sinh mạng trong làng, đang chờ ông chăm sóc và cứu chữa khi bị bệnh; họ có thể chết, nếu không có ông.

Cho nên, chỉ có lòng Từ Bi không là không đủ. Muốn thực hiện được lòng Từ Bi, thì phải luôn có thêm Tuệ Giác gắn liền vào; nếu không, khi chúng ta thực hiện lòng Từ Bi, mà không có Tuệ Giác, thì chúng ta, không những không giúp được người, mà chúng ta, còn lại làm hại người và hại chính mình.

Vậy làm sao chúng ta có thể kết hợp giữa Từ Bi và tuệ giác cho câu chuyện của ông bác sĩ nêu trên.

Nếu ông bác sĩ muốn cứu con hổ với lòng thương xót và tuệ giác, thì ít nhất, ông cũng có vài cách để thực hiện như sau:

Việc đầu tiên, khi ông khởi lòng thương xót, muốn cứu con hổ, thì ông phải sử dụng tuệ giác, để ý thức được rằng, nếu ông không cẩn thận, và làm cho con hổ bị mê lâu hơn, mà lỡ, khi ông đang chữa trị, băng bó vết thương cho con hổ, mà nó thức dậy, cắn giết ông, thì những người dân làng của

ông sẽ gặp rất nhiều đau khổ vì bệnh tật, và cả làng của ông có thể bị tiêu diệt; nếu chẳng may, làng của ông bị đại dịch, khi không có ông ở đó.

Ông phải ý thức được rằng, ông sống không phải chỉ cho riêng ông, mà ông sống, vì những trách nhiệm mà người dân trong làng đang trông cậy vào ông.

Cho dù, ông có vì lòng “Từ Bi - đúng hơn là lòng thương xót” mà làm mỗi cho con hổ, thì sau khi con hổ đánh chén no bụng xong, nó cũng chẳng lấy làm hối hận, khi vừa ăn thịt” ân nhân” của nó; và ngày mai, khi nó đói bụng, thì nó vẫn đi tìm những con vật khác, hay người nào đó, để thỏa mãn cơn đói của nó.

Đó chính là bản năng sinh tồn của động vật; và con hổ đang sống đúng với bản năng của nó. Trong bản năng đó, sự sống còn của nó mới là yếu tố quan trọng nhất.

Cho nên, những cảm giác tốt như: yêu thương, hiểu biết, hay đạo đức như: thiện ác, không hề có trong phần lớn các loài động vật. Vì vậy, khi áp dụng lòng thương xót với động vật, thì chúng ta phải nên rất cẩn thận, nhất là, những loại động vật hoang dã, chưa được huấn luyện thuần tánh như gia súc trong nhà.

Chính vì vậy, khi đã quyết định thực hiện lòng “Từ Bi” thì ông phải sử dụng tuệ giác trước, để so sánh, phân tích lợi và hại. Sau đó, ông mới sắp xếp xem, giải pháp nào là tốt nhất, rồi mới thể hiện lòng Từ Bi.

Sau đây là một vài trường hợp mà ông Y sĩ có thể ứng dụng:

Trường hợp một: ông dùng thuốc tiếp tục gây mê cho con hổ. Sau đó, ông mới dùng dây trói hai chân con hổ lại, băng bó vết thương; rồi trở về làng, nhờ những người khác đóng cũi để nhốt con hổ lại, và mang về làng. Sau đó, nuôi con hổ trong cũi, để nó không đi ăn thịt những con thú khác, hay con người.

Như vậy, qua sự có mặt của Tuệ Giác, ông vừa giữ được thân mạng của ông an toàn, để ông có thể giúp cho dân làng khi có bệnh tật; và ông cũng cứu được con hổ, và cũng ngăn ngừa con hổ, sẽ không thể đi giết hại những động vật khác hay con người. Ông vừa sử dụng Tuệ giác và lòng “Từ Bi” cùng một lúc, vừa đem lợi đến cho con người và con hổ.

Dĩ nhiên, có nhiều bạn sẽ thắc mắc, nếu giải quyết như ông, thì đó có phải là Tuệ Giác không? Vì, tuy ông có thể đạt được lợi cho người, cho con hổ, và các động vật khác, nhưng ông sẽ lấy thịt đâu để nuôi con hổ mỗi ngày.

Có nghĩa là, ông cũng phải giết những con vật khác để nuôi con hổ; vậy thì lòng “Từ Bi” của ông ở đâu, khi giết những con vật khác để nuôi con hổ?

Câu hỏi của bạn rất hay, nhưng nếu bạn để ý kỹ, bạn thấy đây, chúng ta đang sống trong thế giới của tương đối chứ không phải là tuyệt đối. Trong thế giới của tương đối, cách ứng xử hay hành xử của chúng ta, bao giờ cũng có giới hạn. Trong khi, trong thế giới của tuyệt đối, thì không hề có giới hạn.

Khi chúng ta đang sống trong thế giới của tương đối, chúng ta luôn có chủ thể và đối tượng, và đối tượng ở đây chính là con người, hay vật.

Còn thể giới của tuyệt đối, là thể giới dành riêng cho cá thể đó mà thôi. Dĩ nhiên, cũng có chủ thể và đối tượng. Nhưng đối tượng ở đây là những ý niệm, tư tưởng, cảm xúc/giác của cá thể, chứ không phải là người hay vật.

Cho nên, trong cách ứng xử hay giải quyết vấn đề hoàn toàn khác nhau, chứ không phải, cách giải quyết của tuyệt đối cao hơn tương đối, hay ngược lại.

Vì vậy, trong cách giải quyết của tương đối, thì bạn chỉ có thể chọn giải pháp nào có lợi nhiều nhất, có hại ít nhất; chứ không thể nào, chỉ có lợi mà không có hại, như tuyệt đối được.

Cho nên, khi vị Y sĩ hành xử như trường hợp một, đã là cách tốt nhất, có lợi trên nhiều mặt; và cái hại là, phải giết những sinh vật nhỏ để nuôi con hổ, là chuyện không thể đặng đùng.

Đó chính là những sự thật, đang xảy ra trong thể giới tương đối, mà chúng ta chứng kiến mỗi ngày, giữa các động vật, khi sinh hoạt chung với nhau trên trái đất này.

Trường hợp hai: Ông có thể giết con hổ, vì ông ý thức được rằng, ngày nào còn có con hổ, chúa tể của sơn lâm, thì ngày đó, còn có biết bao nhiêu con vật yếu đuối khác, phải làm bữa ăn cho con hổ; trong đó, có thể có cả ông, và những người khác.

Nếu đứng trên góc độ tương đối, thì hành động giết con hổ của ông, đem đến những lợi ích cho những con vật yếu đuối, không đủ sức chống trả trước sức mạnh của con hổ; và ông cũng giúp cho những người, khi có việc đi qua khu rừng, không còn nơm nớp lo sợ, làm môi ngon cho chúa sơn lâm.

Và cái hại duy nhất, đó là, ông phải diệt đi một sinh mạng của một động vật.

Như vậy, nếu đem trường hợp hai, so với trường hợp một, thì trường hợp hai, sẽ giải quyết được vấn đề là, ông không cần mỗi ngày, phải giết một số con vật nhỏ, để cung cấp thực phẩm cho chúa sơn lâm; và ông vẫn bảo vệ được ông và con người. Ông cũng có thể bảo vệ cho nhiều động vật nhỏ, không phải chịu làm những bữa ăn cho chúa sơn lâm.

Khi đặt trên so sánh và phân tích, thì hành động trong trường hợp hai, tốt hơn trường hợp một; vì ông chỉ giết một con hổ, nhưng cứu được rất nhiều động vật khác, kể cả con người.

Trường hợp ba: Ông đánh thuốc mê cho con hổ mê lâu hơn, để ông có thể băng bó cái chân gãy của con hổ. Sau khi ông băng bó xong cho con hổ, thì bỏ đi; mặc kệ con hổ, sau khi hết thuốc mê tỉnh dậy, con hổ sẽ sinh hoạt ra sao?

Nếu đứng trên góc độ tương đối, thì có phải, ông đang “tiếp tay” cho con hổ, để nó mạnh khỏe, và tiếp tục sát hại những sinh vật yếu đuối hơn nó không?

Chắc chắn là vậy, vì khi con hổ còn sống, là nó sẽ sống theo bản năng của nó để sinh tồn. Ông Y sĩ có thể thấy thoải mái, vì vừa thực hiện được lòng thương xót, là cứu con hổ khi nó bị nạn; nhưng ông lại không có tuệ giác nhìn sâu, để thấy được sự nguy hiểm của con hổ, đối với con người và vật yếu đuối như thế nào?

Tuy việc làm, giúp băng bó vết thương cho con hổ mang đầy tính chất nhân văn, nhưng ông lại quên mất là, đối tượng

của ông đang giúp là đối tượng nào? Nếu ông không sử dụng tuệ giác để nhìn sâu, phân tích và so sánh, thì có đôi khi, ông không giết trăm họ, nhưng trăm họ cũng vì ông mà chết.

Câu chuyện của Mikhail Kalashnikov, người phát minh ra AK-47, cho quân đội Liên Xô, là một câu chuyện liên quan đến trường hợp ba.

Khi cuộc chiến tranh chống lại phát xít Đức bùng nổ, Liên Xô đã bị” ám ảnh”, trong việc, thiết kế một khẩu súng trường tự động ưu việt. Thiết kế AK-47 của Kalashnikov là điều mà thế giới đang mong đợi.

Năm 1947, phát minh của Mikhail, đã đưa ông trở thành người ưu tú ở Liên Xô, và ông đã giành được nhiều giải thưởng. Mặc dù vậy, Kalashnikov vẫn cảm thấy tội lỗi, vì sự tàn phá từ phát minh của ông, đem đến cho nhân loại. Vũ khí AK-47 của ông sáng chế ra, chính là nguyên nhân gây ra cái chết cho hàng triệu người trên toàn thế giới.

Súng AK-47 đã giết nhiều người hơn bất kỳ loại súng nào khác. Nó đã trở thành loại vũ khí, mà những người theo đạo thánh chiến lựa chọn. Tất cả đều đạt được sự vô pháp, vô thiên, giết người hàng loạt, buôn bán người, và các hoạt động tội phạm khác, đều nhờ vào phát minh của Kalashnikov.

Sau đó, ông bị dẫn vật vì tội lỗi, và đã viết bức thư đau buồn, gửi cho người đứng đầu nhà thờ chính thống Nga như sau:

“Nỗi đau trong tâm hồn tôi không thể chịu đựng được. Tôi tiếp tục tự hỏi mình, câu hỏi nan giải tương tự: Nếu khẩu

súng Ak-47 của tôi cướp đi sinh mạng của mọi người, điều đó có nghĩa là, tôi phải chịu trách nhiệm về cái chết của họ.

Tôi càng sống lâu, câu hỏi này càng thấm sâu vào não của tôi, và tôi tự hỏi, tại sao Chúa lại cho phép con người, có những ham muốn xấu xa như: ghen tỵ, tham lam, và hung hãn”.

Cho nên, khi ứng dụng trong thế giới tương đối, lòng Từ Bi không dễ dàng sử dụng, nếu như bạn không có mặt của tuệ giác theo sau.

Nếu bạn không cẩn thận, tìm hiểu định nghĩa hai chữ Từ Bi cho rõ ràng, hay bạn lại diễn dịch định nghĩa Từ Bi theo một nghĩa khác, và thêm vào đó, bạn lại không sử dụng Tuệ Giác mà là Trí Giác, thì cơ hội của bạn, giống như Mikhail rất là cao.

Vậy, nếu đứng trên góc độ của tuyệt đối, thì lòng Từ Bi và Tuệ Giác sẽ ứng xử ra sao? Dĩ nhiên, chúng tôi có thể chia sẻ với bạn, nhưng cũng chẳng có ích gì; vì đó là sự trải nghiệm của chúng tôi, mà không phải là sự trải nghiệm của chính bạn. Nếu bạn muốn biết chính xác câu trả lời, thì bạn cần phải tự trải nghiệm. Đừng tin bất cứ một ai, mà hãy tin vào chính kết quả mà bạn trải nghiệm một cách nghiêm túc, bao gồm: kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm.

“Từ Bi và Tuệ Giác

Vốn không thể tách rời

Nếu không...sẽ rời bờ

Tạo ra muôn đau khổ”

SỢ CON

Bạn thân mến,

Là cha mẹ, khi nghe đến hai chữ “sợ con”, thì không ít bạn sẽ cho là, chúng tôi quá “hèn nhát”; vì theo quan niệm phổ thông, thì làm cha mẹ, chúng ta có “quyền” “không chế” và “điều khiển” con của chúng ta, theo ý chúng ta muốn, mà con cái của chúng ta không thể không làm theo.

Khi những đứa con của bạn còn trẻ thơ, thì chúng tôi hoàn toàn đồng ý với bạn, là bạn có “quyền”; vì khi đó, những đứa con của bạn, vẫn còn đang chịu “lệ thuộc” vào cơm ăn, áo mặc, do bạn cung cấp.

Nhưng khi, những đứa con của bạn bước vào tuổi thiếu niên, nếu bạn không biết trao “quyền” lại cho những đứa con của bạn; và bạn không biết chấp nhận đóng vai trò “cố vấn”, thì cuộc đời của bạn sẽ gắn liền với đau khổ vì con.

Là một người thích tiếp xúc với sự thật, chúng tôi không đề cho những cảm giác như: mất mặt, xấu hổ, che lấp đi sự thật, đó là, làm cha mẹ mà lại “sợ con”, thay vì “sợ cha” hay “sợ mẹ” như thuở nhỏ.

Đơn giản, bởi vì, khi chúng ta là con, chúng ta không sợ cha hay sợ mẹ của chúng ta sẽ làm đường, lạc lối. Chúng ta biết, dù ít hay nhiều gì, thì cha hay mẹ của chúng ta, cũng có kinh nghiệm sống; ông, bà biết phải làm sao, để có thể sống tốt, và có an lạc hạnh phúc hơn.

Dĩ nhiên, ở đây, chúng tôi đang nói đến đa số những người

Cha hay mẹ tốt, những người cha hay mẹ có tinh thần trách nhiệm, chứ không hề, đề cập đến những người cha hay mẹ vô trách nhiệm, sống ích kỷ, hành hạ vợ/chồng con, vẫn đang có mặt trên cuộc đời.

Nhưng với con của chúng ta thì lại khác. Bởi vì, nó chưa có đủ kinh nghiệm sống, nó chưa từng trải, nó lại có bầu nhiệt huyết, và háo thắng; thì khi nó ra đời, chắc chắn nó sẽ bị đời quật cho tơi tả.

Chúng ta trước khi làm cha mẹ, chúng ta cũng có tuổi trẻ; chúng ta cũng có những suy nghĩ giống như con cái của chúng ta; và chúng ta cũng đã “thăm dò” với những sự háo thắng, hay nông nổi trong tư duy và ứng xử.

Chính vì, chúng ta đã trải qua; nên khi, chúng ta thấy con của chúng ta có những suy nghĩ, có những cách ứng xử tương tự như chúng ta, thì chúng ta biết, con cái của chúng ta sẽ gặp rất nhiều khổ đau, nếu tiếp tục đi trên con đường đó.

Biết con mình sẽ vấp ngã, nhưng lại không thể cản ngăn con mình; cho nên, chúng ta lại càng “lạm quyền”; thay vì, chia sẻ, khuyên răn, thì chúng ta lại “cưỡng ép” hay “bắt buộc”, và cuộc “chiến” giữa cha mẹ và con cái đã bắt đầu.

Khi đã bắt đầu có sự xung đột giữa con cái của chúng ta với chúng ta, thì cũng là lúc, Ngã thức của chúng ta, khơi mào bằng nỗi sợ. Chúng ta bắt đầu sợ, vì chúng ta không biết được, kết quả con cái của chúng ta sẽ đi về đâu? Nó sẽ ra sao, và sau này, nó sẽ khổ đau hay hạnh phúc.

Và chắc chắn, nỗi lo sợ của chúng ta sẽ gia tăng, nếu chúng

ta lại sử dụng Trí; khi chúng ta quan sát, phân tích theo dạng nông. Nhưng khổ hơn là, khi Trí lại cộng thêm tưởng tượng, và phỏng đoán, thì nỗi khổ vì con, không còn là lo sợ nữa, mà lại nâng cấp lên thành sợ hãi.

Khi sự sợ hãi có mặt, thì cơ thể của chúng ta co cụm lại, cứng lại; chúng ta rơi vào thế bị động; và chúng ta tiếp tục bị con cái của chúng ta “đắt” chúng ta đi trên những con đường đầy chông gai, đau buốt.

Cho nên, làm cha mẹ, mà sợ con, là chuyện “thiên kinh địa nghĩa”, chẳng có gì gọi là hèn nhát, hay xấu hổ, hay mất mặt cả.

Chúng tôi còn nhớ, khi đưa con gái thứ hai của chúng tôi rơi vào tuổi thiếu niên (teenager). Đây có thể nói, là lứa tuổi, mà làm đau đầu những nhà tâm lý nhất; vì với họ, đây là tuổi của “nổi loạn”, tuổi của chống đối, tuổi “coi trời bằng vung”.

Với những gia đình, mà cha mẹ và con cái có thể san bằng khoảng cách gia cấp, giữa con cái và cha mẹ, thì còn đỡ một chút. Nhưng nếu gia đình, mà cha mẹ đã “lạm quyền”, khi con cái còn ấu thơ, thì những phản ứng của con cái với cha mẹ sẽ thật là “khốc liệt”.

Đưa con gái thứ hai của chúng tôi, tuy không rơi vào trường hợp chúng tôi “lạm quyền”, nhưng nó lại có tính giống chúng tôi, là thích tự mình học trải nghiệm, hơn là, học từ kinh nghiệm chia xẻ của chúng tôi. Cho nên, khi chia xẻ và khuyên răn nó, chúng tôi cũng gặp những sự chống đối.

Để giải quyết sự chống đối này, chúng tôi chấp nhận cho

con của chúng tôi tự trải nghiệm, khi con của chúng tôi vừa tròn 18 tuổi; và luôn mở rộng vòng tay, chào đón nó trở về, sau khi trải nghiệm.

Trong những ngày tháng con bé tự trải nghiệm, nếu bạn hỏi chúng tôi, có sợ không; câu trả lời chắc chắn là sợ. Nhưng nỗi lo sợ của chúng tôi, không phải sợ, con của chúng tôi sẽ học hư, hay trở thành người xấu; mà chúng tôi chỉ sợ, con bé nghĩ không thông, thấy xấu hổ, mất mặt, sau khi tự trải nghiệm, nên không dám về nhà.

Và để giải quyết nỗi lo sợ này, thay vì, ngồi chờ đợi trong thế bị động, “cắt đứt dây chuông” như Lan và Diệp, chúng tôi chủ động liên lạc với cháu thường hằng.

Chính vì, thiết lập được “cầu nối” với con của chúng tôi, cho nên, nỗi lo sợ của chúng tôi không còn tồn tại; mà ở đó, chúng tôi lại trở thành nhà “cố vấn” cho con của chúng tôi, khi nó gặp những rắc rối, trong tiến trình tự trải nghiệm của nó.

Có một lần, nó muốn trải nghiệm về uống rượu, nên quán bar nào nó cũng đến, mỗi đêm. Khi chúng tôi liên lạc với con của chúng tôi, chúng tôi chỉ nói với cháu một câu như sau:

-Trải nghiệm để học hỏi và tiếp xúc với sự thật là một việc nên làm, nhưng trước khi thực nghiệm, thì phải nên biết mình là ai. Nếu mình là rượu thì càng để lâu càng thơm ngon, nhưng nếu mình là sữa, thì càng để lâu càng chua, và sinh ra hôi thối.

Câu nhắc nhở này, đã làm thay đổi ý muốn con của chúng

tôi, và nó quyết định, không trải nghiệm về rượu nữa. Cho đến tận bây giờ, tuy năm nào, vợ chồng nó cũng đi dự hội tiệc bia tại Đức, tổ chức mỗi năm một lần, vào tháng 10, nhưng nó chẳng bao giờ uống một giọt bia nào.

Có những lúc, khi mẹ con ngồi tâm sự, nó nói, cho đến bây giờ, câu nói đó, vẫn còn như in trong đầu, nhờ câu nói đó mà nó biết nó là ai, và không cần phải tự trải nghiệm qua những việc không cần thiết.

Câu chuyện thứ hai, là câu chuyện liên quan đến người hàng xóm, sống cạnh nhà của chúng tôi.

Chị có cô con gái 17 tuổi, vừa xinh đẹp, học hành cũng khá. Nhưng cô bé này, chỉ có một tội, là thích cặp bồ.

Lúc đó, chị lo sợ con của chị sẽ bị kẻ xấu lợi dụng, nên chị tìm mọi cách, để nhốt cô con gái của chị trong nhà.

Chị càng “lạm quyền” làm cha mẹ bao nhiêu, thì sự phản kháng của cô bé càng mạnh bấy nhiêu. Để cấm con gái của chị đi chơi khuya, ngoài khóa chặt các cửa, ngay cả cửa sổ phòng của cô bé, chị cũng đóng những cây chắn lại, để cho cô bé không thể leo ra ngoài, đi chơi, vào ban đêm.

Dĩ nhiên, cô bé đâu có chịu thua mẹ, chỉ chờ chị đi ngủ, là cô bé gọi cho bạn trai, đem đồ đến tháo những cây chắn xuống, và đi chơi đến hai ba giờ sáng mới về.

Xui cho cô bé là, có một tối, chị giật mình thức giấc, nên chị mới phát giác ra, những cây chắn ngang nơi cửa sổ của cô bé, đã nằm gọn dưới đất. Khi vào phòng cô bé, chị mới hỏi ôi, con của chị, không có mặt trong phòng.

Thế là chị lo sốt vó, chị ngồi trên chiếc ghế sofa, mà giống như chị như đang ngồi trên đống lửa. Ngồi một mình trong bóng đêm, nước mắt chị rơi lã chã. Đến hơn 2 giờ sáng thì cô bé mới về nhà.

Như thường lệ, cô bé leo cửa sổ vào, và leo lên giường nằm, mà không biết, bên ngoài phòng khách, mẹ của cô bé đang ngồi đợi cô. Cô bé yên trí là, mẹ của mình không biết, nên nhắm mắt ngủ.

Đột nhiên, phòng của cô bé đèn sáng lên, và khuôn mặt mẹ của cô bé đầy nước mắt. Mở mắt ra nhìn thấy mẹ, cô bé đã đoán ra được, việc cô trốn đi chơi đã bị “lộ tẩy”. Cô bé lộ một chút hoảng sợ, nhưng khi chị đến, nắm cổ áo cô bé, lôi cô bé ngồi dậy, thì cô bé bắt đầu hết hoảng sợ, và bắt đầu phản kháng lại.

Cuộc “khẩu chiến” của hai mẹ con, không những làm mọi người trong nhà thức dậy, mà ngay cả chúng tôi, ở sát vách nhà chị (duplex), cũng thức giấc luôn.

Khi cơn giận của chị đã lên đến cao trào, chị đã thốt lên những lời như sau:

-Thứ của mày, thì chỉ có đi làm gái đứng đường, chứ có làm được gì, mau hãy cút khỏi nhà tao.

Sau đó, chị gom một mớ đồ của cô con gái vào chiếc vali, và chị đẩy con chị ra khỏi nhà, và đóng cửa lại.

Nằm ở trên giường trong nhà, khi nghe chị nói với con của chị xong, chúng tôi mới bước xuống giường, và ra mở cửa xem sao. Khi thấy cô bé đi ra, chúng tôi đã kéo tay cô bé

lại, dẫn vào nhà của chúng tôi, và sắp xếp cho cô bé ngủ chung phòng với mấy đứa con của chúng tôi.

Sáng hôm sau, khi chị phát giác ra, con gái của chị đang sống tạm trong nhà của chúng tôi, thì chị mới tạm yên tâm, nhưng vẫn tỏ thái độ như “bất cần”.

Lúc đó, chúng tôi phải “bắt cầu” cho chị đi xuống, nên chúng tôi đã nói với chị:

-Chị đã đuổi nó đi, thì em nhận nó làm con nuôi, và em nuôi nó. Chuyện của nó sống thế nào, là trách nhiệm của em, chị không cần bận tâm đến.

Sống gần với chúng tôi một khoảng thời gian khá dài, chị biết, khi chúng tôi đã nói, thì chúng tôi sẽ làm đến nơi đến chốn. Cho nên, khuôn mặt của chị thư giãn hơn nhiều.

Sau ba bốn ngày, đợi cho chị bình tâm, chúng tôi mới sang nhà của chị để nói chuyện. Chị rất hối hận, vì lúc đó, chị quá nóng giận, nên không thể kiềm chế được; vì thế, chị đã đuổi con của chị ra khỏi nhà, giữa đêm khuya.

Chị xin lỗi chúng tôi, vì chuyện gia đình của chị, đã lôi kéo gia đình của chúng tôi vào cuộc; và chị xin chúng tôi, cho con của chị về lại nhà.

Chuyện trả lại con cho chị là chuyện tất nhiên; nhưng trong câu chuyện của chị nói với chúng tôi, chúng tôi chỉ thấy, chị nhận ra sự lo sợ con gái của chị học hư, và muốn răn đe cô bé, nên chị mới đuổi con chị ra khỏi nhà, giữa đêm khuya; nhưng chị lại không nhận ra, trong lúc chị nóng giận, chính chị, lại là người, đang “vẽ đường cho hươu chạy”.

Con của chị có hư trong tương lai hay không thì chưa biết, nhưng chính chị lại đang “ám thị” hay đang “cố vấn” cho con chị,” làm gái đứng đường”.

Với một cô gái, vừa có nhan sắc xinh xắn, bị mẹ đuổi ra khỏi nhà trong đêm, trong tay không một đồng bạc; vậy, cô bé sẽ đi đâu, và làm sao để sống?

Cô bé chỉ vì tuổi trẻ ham chơi; chứ chắc gì, cô bé đã có ý nghĩ, đi “làm gái đứng đường” để mưu sinh. Vậy mà, vì sự lo sợ con gái của mình học hư, chị lại “vẽ đường cho hươu chạy”.

Thật lòng, thì chị chỉ muốn răn đe cô bé, nhưng chị không ý thức được rằng, chị đang “mở rộng” con đường cho con gái của chị, thành gái đứng đường.

Rồi đến khi, vì hoàn cảnh để sinh tồn, cô bé phải làm gái đứng đường, như chị “gợi ý”, thì chị lại “tự hào” về kinh nghiệm sống của chị rất dồi dào, đến độ nói đâu trúng đó.

Nhưng chị không biết rằng, chị mới là người “đầu nêu” cho con chị thực hiện; cũng như, chị “tiếp tay” tạo duyên cho con của chị, trở thành gái đứng đường.

Một câu chuyện với người quen khác của chúng tôi, về sự lo sợ của người mẹ với đứa con.

Chị mở ví ra, lấy một xấp tiền năm đồng, để bỏ vào bao lì xì. Thấy chị ngồi xếp tiền bỏ vào bao, chúng tôi cũng hơi lạ, vì chỉ mới là tháng bảy, đã đến tết đâu, mà chị lại chuẩn bị xa đến thế. Nên chúng tôi mới hỏi chị:

-Còn lâu mới tới tết, sao chị lại chuẩn bị tiền lì xì sớm thế?

Chị trả lời:

-Không phải tiền lì xì dành cho tết đâu chị, mà đây là tiền em chuẩn bị, để khi đi đường, khi thấy người vô gia cư (homeless) thì em cho.

Nếu chúng tôi chỉ dừng lại ở đây, thì hành động của chị rất là đẹp, đầy tính nhân văn. Nhưng vì đã sinh hoạt chung với chị một thời gian dài, chúng tôi biết, đằng sau việc làm đó của chị, chắc còn một “án ý” gì nữa, nên chúng tôi lại hỏi tiếp:

-Tại sao chị lại phải cho tiền những người vô gia cư?

-Tại vì, em sợ, mai lỡ con của em có chuyện gì, mà trở thành người vô gia cư, thì con của em, cũng gặp được những người như em, cho tiền con em. Hơn nữa, em cũng đang thực tập phương pháp “bố thí ba la mật”.

Nghe xong câu trả lời của chị, chúng tôi ngạc nhiên vô cùng, không hiểu tại sao, chị lại có ý nghĩ “kỳ lạ” này. Cho nên, chúng tôi mới chia sẻ lại với chị.

-Này chị, chị thương con và lo cho con là đúng; nhưng tại sao, chị lại mong cho con của chị sau này, trở thành người vô gia cư, trong khi, con của chị bây giờ, đang có công ăn việc làm đàng hoàng, cháu vẫn đang cố gắng làm việc để tiếp tục thăng tiến.

-Tương lai con của chị như thế nào thì chưa biết; nhưng nếu, chị cứ tiếp tục “ám thị” chị, là sau này, con của chị sẽ trở

thành người vô gia cư; và nếu chị cứ tiếp tục làm việc này, và biến trở thành thói quen, thì chị đang tạo ra một nguồn năng lượng tiêu cực, gởi ra ngoài không gian, và nguồn năng lượng này, sẽ ảnh hưởng đến con của chị, có thể là trực tiếp hay gián tiếp.

-Giúp đỡ người hoạn nạn là việc làm tốt, nhưng khi giúp người, mà có điều kiện, thì chỉ có hại, mà không có lợi. Chị giúp đỡ người vô gia cư thì hoàn toàn đúng, nhưng khi chị kèm theo vào, lỡ như mai sau, con của chị là người vô gia cư, để chờ người khác giúp, là điều mà chị nên chĩnh lại.

-Hon nữa, 5 chữ “bố thí ba la mật” không phải có ý nghĩa như vậy. Đức phật, khi nói về bố thí ba la mật, Ngài đã dạy rằng: khi chúng ta hiến tặng hay cho (bố thí) người nào đó, dù là về vật chất hay tinh thần, thì chúng ta nên hiến tặng, hay cho, với tâm không điều kiện.

-Khi mà tâm của chúng ta đã có điều kiện, thì cho dù, điều kiện đó là, tích tụ công đức, hay làm phước, thì sự hiến tặng, hay cho đó, cũng trở thành vô nghĩa, không còn giá trị.

-Ông bà ta cũng dạy rằng “thi ân bất cầu báo” có nghĩa là, khi hiến tặng hay cho ai vật gì, hay điều gì, thì chẳng cần phải có sự báo đáp, hay trả lại. Hay nói gọn hơn là, cho, hay hiến tặng không điều kiện.

Qua ba câu chuyện kể trên, chúng ta thấy, cả ba bà mẹ đều lo và sợ cho con, nhưng mỗi người lại có cách hành xử khác nhau.

Lo và sợ cho con là việc làm chính đáng của bất cứ bậc cha mẹ nào có trách nhiệm. Đó không phải là việc làm hồ thẹn,

hay xấu hổ, khi chúng ta là những bậc cha mẹ, nói mình “sợ con”. Bởi vì, đó là sự thật.

Luân lý và đạo đức được đặt ra cho con người, không phải giúp chúng ta dựa vào đó để né tránh, sống xa rời sự thật, hay không sống đúng với sự thật; mà luân lý và đạo đức được lập ra, để giúp chúng ta sống hoàn thiện, và sống đúng với sự thật hơn.

Ngày nào, chúng ta là những bậc cha mẹ, còn cảm thấy xấu hổ, hay mất mặt, khi nghe người khác nói chúng ta “sợ con”, thì ngày đó, chúng ta đang sống xa rời sự thật.

Vậy, khi chúng ta “sợ con” thì chúng ta nên ứng xử như thế nào cho có lợi nhất?

Có vài điều, mà chúng ta có thể suy ngẫm và lựa chọn để ứng dụng, như sau:

Thứ nhất: Trao quyền. Trao quyền là biết nhường lại quyền quyết định cho con của mình, khi nó đủ khả năng phân tích, so sánh lợi hại cho mỗi việc làm, và có khả năng giải quyết vấn đề một cách rót ráo, để có thể kéo dài được an trong cuộc sống.

Muốn làm được điều này, thì ngay khi đưa con của chúng ta bắt đầu phát triển ý thức (từ 5 đến 7 tuổi), chúng ta phải tập cho con của chúng ta, áp dụng phương pháp bốn bước để giải quyết vấn đề.

Khi con của chúng ta thực tập giải quyết vấn đề, chúng ta không nên dùng quyền làm cha mẹ, để bắt ép con của mình, phải làm theo ý mình; mà chúng ta chỉ nên đóng vai trò cố

vấn, đặt ra những câu hỏi, hướng về sự thật, để cho con của chúng ta, học và quen với cách đặt câu hỏi, sao cho đúng trọng tâm.

Khi con trẻ đã biết ứng dụng, và biến trở thành thói quen tốt rồi, thì tiếp tục giúp con kiến toàn những góc độ nhìn, và cách ứng xử. Đến khi, con có thể tự lập, thì trao quyền quyết định cuộc đời của con mình cho nó.

Thứ hai: Làm gương. Có thể nói, trong tất cả các phương pháp dạy con, thì phương pháp làm gương là tốt nhất. Không những vừa dạy cho con, mà ngay cả bản thân chúng ta, cũng phải liên tục học hỏi, và sửa sai để hoàn thiện.

Chính vì, đặt mục đích làm gương cho con, mà chúng ta tạo ra cho chúng ta, một kỷ luật vững chãi; giúp cho chúng ta, khi gặp những vấn đề, không trốn chạy, hay tìm cách đê nén chúng, mà đi giải quyết chúng một cách triệt để.

Nếu con của chúng ta, nhìn thấy cha mẹ nó hành xử như thế, để đem lại sự an lạc và hạnh phúc, khi chung sống với nhau, thì nó, cũng sẽ học cách giải quyết vấn đề, khi nó gặp, một cách triệt để. Nó Biết phân tích rõ ràng, đâu là lợi, và đâu là hại; nó biết làm sao giải quyết khổ đau của nó, khi nó phải gặp phải vấn đề.

Thứ ba: Chủ động. Nắm lấy quyền chủ động là việc làm vô cùng quan trọng khi làm cha mẹ. Thông thường, chúng ta nghĩ rằng, mình làm cha mẹ, thì mình luôn nắm quyền chủ động; vì con cái của mình, vẫn còn đang lệ thuộc vào mình.

Nhưng sự thật, thì không phải vậy. Ngay cả khi, con cái của chúng ta đang lệ thuộc vào chúng ta, thì chúng ta, nhiều lúc

cũng rơi vào thế bị động như thường.

Nếu chúng ta không biết dùng sự quan sát và nhìn sâu, thì chúng ta, nhiều khi đang ở trong thế bị động, mà lại tưởng rằng, chúng ta đang nắm thế chủ động.

Thí dụ, đứa con nhỏ của bạn bị dị ứng khi ăn kem, và bạn dẫn con của bạn đi chợ. Đứa bé vừa nhìn thấy cây kem thì nằng nặc đòi mua, mà nó quên là nó bị dị ứng.

Bạn biết con của bạn bị dị ứng, nên bạn không mua. Nhưng con của bạn, bắt đầu sử dụng vũ khí duy nhất của nó là, gào khóc, thét lên. Những người đi chợ, nhìn bạn với ánh mắt tò mò, soi mói; và bạn cảm thấy xấu hổ, khi con của bạn cứ gào thét to. Cuối cùng, vì muốn tránh những ánh mắt soi mói của người khác, bạn đã mua cây kem cho con của bạn ăn, và nó bị dị ứng nổi ngứa, cả ngày.

Ban đầu, rõ ràng, bạn ở thế chủ động, vì bạn biết, con của bạn bị dị ứng với kem, nên bạn đã không mua. Nhưng vì sự xấu hổ, mất mặt, hay muốn tránh những ánh mắt soi mói, khó chịu của người khác, mà bạn đã từ chủ động biến thành bị động.

Nghĩa là, đứa con của bạn, ban đầu đang ở thế bị động; nay con của bạn, biến thành thế chủ động, qua việc, gào, thét, khóc to, để đạt được ý muốn ăn kem của nó.

Cho nên, khi nói về chủ động và bị động thì rất dài, vì giữa chủ động và bị động, đôi khi, chỉ khác nhau trong vài giây. Nếu chúng ta không cẩn thận, không sử dụng sự quan sát và nhìn sâu liên tục, chúng ta sẽ rơi vào thế bị động liên tục trong một ngày.

Dĩ nhiên, chúng ta có muôn ngàn cách để giải quyết, và mỗi người trong chúng ta, ai cũng có quyền, chọn cách nào tốt nhất, và thích hợp nhất với mình.

Nhưng, cho dù, chúng ta chọn cách nào, thì chúng ta cũng phải có những chuẩn, rồi dựa vào những chuẩn đó, mà kiện toàn hay sửa sai. Vậy cái chuẩn đó là gì?

Đó là An kéo dài, chứ không phải An ngắn hạn.

Nếu phương pháp ứng dụng nào, mà không đem đến cho chúng ta An kéo dài; hay khi ứng dụng, mà sinh ra nhiều hậu quả, thì chúng ta biết, chúng ta phải bắt đầu chỉnh sửa lại.

Nếu chúng ta không chịu chỉnh sửa ngay, mà cứ thoái thác, trốn chạy, thì chúng ta đang bắt đầu nhận chìm cuộc đời của chúng ta, và những người thân của chúng ta, trong khổ đau, phiền muộn.

Chúng tôi thì rất tự hào, khi nói rằng, chúng tôi đang rất “sợ con”, còn bạn thì sao? Bạn có “sợ con” không? và bạn có tự hào về việc bạn “sợ con” không? Hay bạn đang xấu hổ và mất mặt vì bạn đang “sợ con”.

CỔ KIM HÒA ĐIỀU

Bạn thân mến,

Chủ đề liên quan đến con cái và cha mẹ là chủ đề bất tận, nói hoài, không bao giờ dứt. Câu chuyện hôm nay chúng tôi muốn chia sẻ với bạn, là câu chuyện về một người bạn thân của chúng tôi, khi chúng tôi có cơ hội được sống chung với gia đình của anh, và đã học hỏi được những gì.

Chúng tôi quen biết nhau khi còn rất trẻ. Anh và chúng tôi lúc đó, có cùng chung một mục đích muốn giữ gìn và phát huy nền văn hóa Việt. Cũng như, đem áp dụng đạo Phật vào trong đời sống hàng ngày.

Cuộc đời của anh, nếu muốn viết thành một phim truyện, hay một cuốn tự truyện, thì chắc sẽ hấp dẫn với người xem, và người đọc. Bởi vì, trong cách ứng xử của anh vừa khôi hài lại vừa gây cười.

Không biết có phải vì cuộc đời của anh đã sớm học ở trường đời hơn trường học hay không, nhưng nhân sinh quan sống của anh thì rất khác lạ so với người bình thường. Anh chỉ sống với hiện tại, mà không sống với quá khứ và tương lai.

Chúng tôi với anh thì như những con chim cánh cụt, nên cứ “lông bông”, hết chỗ này đến chỗ khác. Cho nên, có những khoảng thời gian, chúng tôi không sinh hoạt chung với nhau, nhưng tình nghĩa giữa chúng tôi với anh, chưa bao giờ bị đứt đoạn.

Thế nên, khi chúng tôi có cơ hội về sống chung với gia đình của anh thì chúng tôi có nhiều thời gian hơn để ngồi hàn huyên, tâm sự.

Cái lạ trong gia đình của anh, đó là, cách anh cư xử với những đứa con của anh. Hễ nơi nào có anh ngồi, là những đứa con của anh, bu quanh anh như “ruồi gặp mật” vậy.

Chúng tíu tíu đùa vui, nói cười cùng anh, giữa anh và các con của anh, hình như, không có khoảng cách giữa cha và con, mà ở đó, chỉ là những người bạn thân, luôn chia sẻ với nhau những buồn vui trong cuộc sống.

Mỗi khi cha con anh ngồi nói chuyện với nhau, thì anh thường kể cho các con của anh nghe về tuổi thơ, đi quây làng, quây lớp của anh. Nếu một tháng có 31 ngày, thì ba má của anh đã nhận đến 32 lời “mắng vồn” gay gắt từ xóm giềng và của các thầy cô.

Câu chuyện mà các con anh, rất “tâm đắc” hay đem ra chọc anh là “trẻ hư – bad boy” liên quan đến câu ca dao, tục ngữ, mà ai trong chúng ta cũng biết, “nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò” như sau:

Vì không ưa cô giáo ngoài miền bắc đã bắt phạt anh vô có hôm trước, cho nên, anh nhất định “trả thù” cho bằng được. Thế là ngày hôm sau, anh đã mang trái mắt mèo vào lớp, trảy lên bàn và ghế của giáo viên này.

Kết quả thế nào thì chắc bạn cũng có thể hình dung ra được. Khoảng 3 phút, sau khi ngồi vào bàn để điểm danh sĩ số của học sinh, cô giáo đã gãi lia lịa ở hai cườm tay nghe sột sột.

Ở đời, đúng là gieo nhân nào thì gặt quả đó. Cuối cùng, anh bị đuổi học, và “hân hạnh” được ngồi lại lớp sáu thêm một năm nữa.

Cái lạ là, tuy anh đem những chuyện quậy phá xóm làng, phá trường, phá lớp, hay những thói xấu của anh khi còn nhỏ, kể lại cho các con của anh nghe, thì chúng chỉ phá ra cười. Nhưng những đứa con của anh, thì bao giờ cũng “chê” anh là “trẻ hư – bad boy”, mà chẳng bao giờ học theo những gì anh đã làm. Ngược lại, qua những câu chuyện kể xấu về anh, thì con của anh lại học được rất nhiều điều từ điều xấu ấy.

Trong khi, không ít những bậc phụ huynh khác thường “lên lớp” dạy anh rằng: anh không nên làm như vậy, vì sẽ khiến cho con cái của anh không còn kính trọng anh, sẽ xem thường anh, và không chịu làm theo những gì anh dạy dỗ.

Anh nghe xong chỉ cười, không đáp trả. Vì, với anh, ai cũng có quyền lựa chọn cách sống của mình. Riêng anh, anh quan niệm rằng, học tốt thì dễ. Nhưng học từ những điều xấu để có thể nhận ra đó là xấu và không bao giờ làm theo điều đó, mới là khó.

Cho nên, khi anh đem những kinh nghiệm xấu của anh khi còn trẻ kể cho các con nghe, với anh, đó là cách giáo dục tốt nhất.

Bởi vì, con của anh có thể hiểu về anh nhiều hơn, gần gũi với anh hơn; và cũng qua sự gần gũi và những câu chuyện xấu đó, mà anh mới hiểu được con anh sâu sắc, nên anh có thể hướng dẫn cho con của anh những góc độ nhìn khác nhau, mà con anh chưa có kinh nghiệm.

Chính vì quan niệm như vậy, cho nên, anh không bao giờ kể cho các con của anh nghe về những việc làm tốt của anh trong xã hội.

Mặc dù, có rất nhiều lần, chỉ vì đi giúp cho những người con lai mới qua, không biết tiếng Anh, bị ăn hiếp, mà anh đang đi làm, cũng bỏ về, để đi giúp họ, khiến anh bị khiển trách và bị đuổi việc bao lần. Nhưng hễ nơi nào, những người Việt bị ức hiếp mà cần đến anh giúp, thì dù ngày hay đêm, anh cũng đều có mặt.

Có nhiều người, cho rằng anh dễ bị lợi dụng, nhưng với anh, có lẽ, anh cũng quan niệm như chúng tôi, “Hãy làm Lợi cho người khác dụng” và anh luôn vui vẻ, khi đã giúp họ xong, thì chẳng bao giờ thấy anh phàn nàn hay than thở gì cả.

Gia đình anh thì khá đông con, nhất là trên xứ Mỹ. Anh có năm đứa con, bốn trai và một gái. Đứa lớn nhất đã gần tốt nghiệp đại học. Đứa thứ hai thì mới vào đại học, còn hai đứa thì cũng sắp sửa tốt nghiệp trung học.

Cái lạ trong gia đình của anh đó là, các con của anh lúc nhỏ, chỉ ở trong nhà, anh em chơi với nhau, mà không ra ngoài giao du với các bạn khác.

Tuy rằng, anh đã khuyến khích và tạo điều kiện cho con của anh, đi giao du với bạn bè bên ngoài, nhưng các con của anh đều cho rằng, chơi với anh em trong nhà, vui hơn là chơi với bạn khác. Cho nên, cứ đi học về là anh em lại vây quanh chơi đùa với nhau.

Mặc dù, đó là lựa chọn của con anh, và anh tôn trọng điều đó, nhưng làm cha mẹ, anh vẫn cảm thấy như các con của

anh đang sống “thiếu tự do”, cả ngày các con của anh chỉ quay quần bên trong bốn bức tường.

Vì vậy, những buổi chiều, lúc anh cần ngủ để lấy sức làm việc cho ca ba của anh, thì cũng là lúc mà sinh hoạt trong nhà của anh sôi động nhất.

Những tiếng cười to, hét lớn, tranh đua nhau, vẫn vang lên mỗi ngày. Nếu là những bậc cha mẹ khác, chắc phải “tức điên lên” và dùng quyền làm cha mẹ, để bắt chúng ngồi yên, không gây ra tiếng động.

Nhưng với anh lại khác, anh ngủ ngon lành, như đang ngủ trong thiên phòng, nơi âm thanh chỉ là những tiếng chim hót, suối reo.

Có nhiều người rất ngạc nhiên về cách anh ứng xử này, họ cho rằng, chắc anh đã đạt đến trình độ “Thống tay vào chợ” như 10 bức tranh chặn trâu, nhưng anh chỉ cười rồi nói:

“Làm gì có thống tay hay thống chân, chỉ vì, thấy tội nghiệp mấy đứa con, cả ngày học tập ở trường đã quá mệt mỏi rồi, nên khi về nhà, cho tụi nhỏ giảm stress một tí. Chỉ cần nghĩ như vậy là ngủ ngon lành thôi, chứ đâu có gì “đao to búa lớn” thống tay hay thống chân vào chợ”.

Có một lần, anh dành dụm được tiền, để mua cái ti-vi 55” về để hát karaoke mỗi cuối tuần với bạn bè, và cũng để cho các con của anh giải trí trong những ngày thường.

Khi đi học về, những đứa con của anh, sau khi làm bài tập xong thì chia phe đá banh trong phòng khách. Chúng hăng say tranh giành banh và đá vào cái ti-vi mới mua được vài ngày.

Cái ti-vi ngã xuống đất, nứt toang màn ảnh. Những đứa con của anh cũng hơi sợ, nên dọn dẹp lại phòng khách, và đi vào phòng. Khi anh thức dậy chuẩn bị đi làm thì những đứa con của anh chạy ra, thấy anh đang đứng trong phòng khách, chúng xin lỗi anh, nhưng anh chỉ cười rồi nói:

Các con đâu có lỗi gì, ba mua ti-vi về, để cho các con giải khuây khi bị căng thẳng. Nay các con đã vui chơi không căng thẳng, thì đâu cần ti-vi để làm gì.

Sau đó, mấy cha con vui vẻ phụ nhau khiêng cái ti-vi bỏ ra ngoài thùng rác, mà xem như, chưa có chuyện gì xảy ra.

Vì nhà khá đông con, nên nhà anh có đến 3 chiếc xe. Cứ cuối tuần, anh lại đảo vòng vòng xem chiếc xe nào cần sửa chữa hay bảo trì. Thông thường, anh hay tự một mình làm, trừ khi xe bị hư nặng, thì anh mới cần đến con anh giúp.

Nhưng cách thức anh nhờ con anh giúp cũng rất lạ, đó là, anh chỉ nhỏ nhẹ nói với con anh, là anh cần nó giúp. Nếu con của anh tự nguyện vui vẻ ra giúp thì ra, nhưng nếu chúng không tự nguyện, không vui vẻ, và không ra giúp, thì anh cũng không bao giờ mắng hay chửi cả, anh vẫn vui vẻ ra làm tất cả những gì trong sức của anh có thể làm được.

Theo quan niệm của anh, giáo dục con cái thời nay, không phải là la hét, hay đòn, roi như ngày xưa nữa. Nhất là ở xã hội Tây phương, nơi trẻ em được giáo dục bằng phương pháp suy luận, bằng sự tự do phản biện theo chính quan điểm riêng của mình (mặc dù, chưa biết là quan điểm đó đúng hay sai?).

Nhưng sự thật đã chứng minh, trong quá trình tiến hóa của

đời sống và xã hội, thì mỗi thời đại, đều có những nét riêng và chung, những nét tương đồng và dị biệt, với những thời đại khác.

Từ thời cha mẹ cho đến thời con cái thì sự tương đồng hay dị biệt cũng đã khác nhau khá nhiều, hướng hò chi, nói đến thời ông bà và thế hệ cháu nội, hay ngoại. Rõ ràng, sự dị biệt lại “nâng cấp” hơn nhiều.

Vậy mà, ba thế hệ này, có nhiều lúc, vẫn phải sống chung trong một gia đình, và lại bắt buộc phải sống theo phong tục tập quán của người Á Đông, như thế, tránh sao khỏi những va chạm và bất đồng quan điểm.

Chẳng hạn như, nếu đứng tên góc độ của tuổi trẻ thời nay, khi đọc thơ “Lục Vân Tiên” của cụ Nguyễn Đình Chiểu, đoạn Vân Tiên cản ngăn không cho Nguyệt Nga vén rèm kiệu bước ra tạ ơn cứu nạn:

” Khoan khoan ngồi đó chớ ra,

Nàng là phận gái, ta là phận trai.”

thì tuổi trẻ bây giờ, không khỏi ôm bụng cười lăn trước cách cư xử của người xưa. Nhưng vào thời xưa, thuyết “nam nữ thọ thọ bất tương thân” là biểu hiện của sự giữ Giới của con nhà nho giáo, đáng quý trọng. Bởi vì, chính nhờ sự giữ giới này, mà xã hội ngày xưa, lại sống ít có bạo hành, tội ác hơn ngày nay.

Nhưng cái giới đó, nếu đem ứng dụng trong ngày nay thì không còn thích hợp. Vì xã hội ngày nay, đòi hỏi sự giao tiếp trực diện giữa nam và nữ, nếu không có sự giao tiếp

trực diện này thì chẳng đạt được sự thành công.

Cho nên, cái đúng của thời xưa, chưa chắc đã đúng với thời nay, vì thế, đối với anh, vấn đề không phải là ai đúng hay sai, mà là, anh có biết cách giải quyết vấn đề một cách trọn vẹn hay không, mới là quan trọng nhất? Nếu chỉ vì đúng, mà gia đình tan nát, cha con xa lìa, thì đúng để làm gì?

Chính vì hiểu được điều đó, cho nên, mỗi khi cần giải quyết một vấn đề với con của anh, anh thường lắng nghe tâm tư, và diễn đạt tư tưởng của các con anh, hầu có thể tìm ra phương pháp để giải quyết vấn đề cho vẹn toàn.

Thế nên, mỗi ngày, khi gia đình ngồi quây quần ăn uống, trò chuyện, tâm tình, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau thì các con, cháu, được phép tranh luận với cha mẹ, ông bà, nhưng cách nói phải ôn tồn lễ độ, và phải biết lắng nghe suy gẫm từ mọi phía, tìm ra chỗ đúng sai cho thật chính xác để cùng nhau học hỏi và sửa sai.

Khi đã biết thương yêu nhau đúng cách, thì sự chăm sóc, nhường nhịn sẽ có mặt, và tự nhiên mang đến hạnh phúc và an lạc trong gia đình.

Biết rằng, dù rất khó để dung hoà giữa ba thế hệ, nhưng nếu chúng ta là “bậc bề trên” mà chỉ cần chúng ta chịu “lùi bước”, bằng cách: lắng nghe, quan sát, nhìn sâu, để giảm tối đa giai cấp “gia trưởng”, và hòa đồng cùng con cháu, và nếu chúng ta có thể dung hoà được ba thế hệ, theo phương pháp “Cổ không phụ, Kim không chê” thì tự nhiên “Cổ – Kim sẽ hoà điệu”.

NHẬN LỖI

Bạn thân mến,

Nói đến hai chữ Nhận Lỗi, là nói đến một việc gì đó, mà chúng ta đã làm, nhưng không đúng với một ai đó, hay với chính mình, khi đã vượt quá những ranh giới mà chúng ta đã quy định.

Nhận lỗi là một chủ đề lớn, mà rất nhiều các nhà hiền triết trên thế giới, đã cố gắng trao truyền và giảng giải cho con người, từ xưa cho đến nay. Các Ngài đang cố gắng tận hết sức mình để giúp người, giúp đời. Nhưng cho đến nay, muốn nói đến hai chữ “nhận lỗi” thì không ít người trong chúng ta, vẫn cảm thấy đó, là việc vô cùng khó khăn để thực hiện. Vì sao?

Vì, khi chúng ta nhận lỗi với một ai đó, cũng đồng nghĩa với việc, chúng ta đã làm sai điều gì, hay chúng ta đã tin sai, nên mới đưa đến hành động, hay lời nói sai.

Nói sai hay làm sai thì cũng chẳng có gì là to tát cả; nhưng điều đó sẽ trở nên to lớn hơn, khi lời nói, hay hành động sai, trong Ngã thức của chúng ta, bắt đầu kích hoạt những vùng cảm xúc/giác như: xấu hổ, mất mặt, tự ty, tự tôn, v.v.

Khi những nguồn cảm xúc/giác này bắt đầu “không ché” Ngã thức của chúng ta, và sử dụng Ý thức để làm công cụ “biện minh” cho lời nói, hay hành động sai; thì lúc đó, cho dù, qua sự phân tích của Ý thức, chúng ta có biết là chúng ta sai, nhưng nguồn năng lượng tiêu cực nêu trên, nhất là nguồn năng lượng của tự tôn, sẽ không bao giờ cho Ngã

thức của chúng ta chấp nhận, chúng ta sai.

Chính vì vậy, tuy học thuyết “nhận lỗi” rút gọn từ “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân” đã có cả ngàn năm, nhưng có bao nhiêu người trong chúng ta chịu thực tập.

Chúng ta chỉ thích ca tụng, tán thưởng, những câu danh ngôn như trên. Chúng ta chỉ thích lý luận để phô trương kiến thức và sự hiểu của mình; nhưng tai hại nhất là, chúng ta lại không chịu thực hành.

Các nhà hiền triết đã bỏ ra bao tâm huyết, bao trải nghiệm, để rút tía ra phương pháp cho chúng ta thực hành, chứ không phải, để “tô hồng” thêm cho kiến thức của chúng ta.

Nếu chúng ta, khi học những câu danh ngôn này, mà chỉ học để “tô hồng” thêm cho kiến thức của chúng ta, thì há chẳng phải là, chúng ta đang lãng phí đi, những tinh hoa mà cha ông của chúng ta, đã tích lũy lại cho chúng ta hay sao.

Danh ngôn ngày nay, thì lan tràn trên internet. Đâu đâu cũng thấy nhan nhản những câu danh ngôn, được trang hoàng lộng lẫy trên những nền rất đẹp, và đăng đầy rẫy trên những diễn đàn, hay mạng xã hội.

Người đăng, có khi bỏ công ra trang trí những câu danh ngôn, hay đi sưu tầm những câu của người khác làm, rồi đăng lên trên mạng xã hội, mỗi giờ, mỗi ngày. Nhưng nếu chúng ta hỏi người đăng, có Biết những gì họ vừa đăng, và có thực hành theo những điều đó không; thì chắc chắn, câu trả lời là: Không.

Vậy, cho dù những câu danh ngôn có hay bao nhiêu, có

hiều bao nhiêu, thì có ích lợi gì. Hay, cho dù, kiến thức của chúng ta có cao bao nhiêu, có thuộc lòng bao nhiêu, thì cũng thành vô dụng. Vì sao?

Vì khi chúng ta gặp vấn đề cần phải giải quyết, thì chúng ta chẳng có chút xíu kinh nghiệm nào để sử dụng cả.

Mớ kiến thức mà chúng ta tự hào, huyền thuyên, khi chưa có vấn đề kia, chẳng giúp ích gì cho chúng ta, trong việc giải quyết vấn đề của chúng ta, một cách rất ráo; và khi giải quyết vấn đề, chúng ta cũng chẳng sử dụng đến những câu danh ngôn, mà chúng ta đã tán tụng, ngợi khen.

Sự thật là, nếu chúng ta nghiêm túc thực hành, thì đôi khi, chỉ một câu danh ngôn, cũng khiến chúng ta phải dành cả một đời mới thực hiện được.

Cho nên, chúng ta không cần thiết phải đi sưu tầm cả ngàn câu danh ngôn để làm gì. Chỉ cần, chúng ta chọn một câu mà chúng ta tâm đắc nhất; và đi thực hành câu đó, cho đến khi, đạt được kết quả mới thôi. Như vậy, xem ra có lợi ích cho chúng ta nhiều hơn là, hiểu cả ngàn câu, nhưng không biết câu nào cho ra hồn.

Trở lại chủ đề “Nhận Lỗi” hay “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”. Tiên trách Kỷ, có nghĩa là, trước tiên hãy trách mình (kỷ), còn Hậu trách Nhân, nghĩa là, sau đó (hậu) mới trách người (nhân).

Trách mình thì trách gì đây? Chữ Trách là động từ, theo định nghĩa là: vạch ra và tỏ ý chê bai, bắt lỗi, đổ thừa chỗ sơ hở của người khác.

Khi học định nghĩa này trong cuốn Việt Nam Tự Điển của tác giả Lê Văn Đức, chúng tôi thấy có chỗ không ổn; thí dụ, “đổ thừa chỗ sơ hở của người khác” chẳng hạn. Nếu dùng định nghĩa vào câu, “tiên trách kỷ”, có nghĩa là, trước tiên, chúng ta nên đi đổ thừa chỗ sơ hở của người khác, trước khi nói về lỗi của mình.

Nếu định nghĩa là như vậy, thì đây không thể nào là câu danh ngôn được; vì hành động đó, không được đẹp chút xíu nào; mà còn dạy chúng ta, nên trốn tránh trách nhiệm, không cần gánh lấy hậu quả, do chính chúng ta gây ra.

Cho nên, ngay cả khi học trực tiếp từ trong tự điển, thì chúng ta cũng phải rất cẩn thận, khi xem phần giải nghĩa có đúng không.

Chẳng hạn định nghĩa chữ trách như trên, nhưng khi chúng ta nói hai từ: trách nhiệm (cũng là động từ), thì lại mang một ý nghĩa khác, là gách vác công việc (nhiệm) và nhận mọi hậu quả hay kết quả từ công việc ấy (trách).

Như vậy, chữ trách trong trách nhiệm, lại mang một ý nghĩa hoàn toàn trái ngược, với định nghĩa của chữ trách là, đổ thừa lỗi sơ hở của người khác.

Thế nên, khi chọn lựa câu danh ngôn này để thực tập trong đời sống hàng ngày, chúng tôi lại diễn dịch chữ “trách” thành nhận lỗi và xét lỗi.

Qua sự diễn dịch này, chúng tôi thấy định nghĩa của chữ “trách”, có thể ứng dụng được cho câu danh ngôn “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”, và hai chữ trách nhiệm khá chính xác, có nghĩa là, trước tiên nhận lỗi về mình, rồi sau đó mới đi

xét lỗi người.

Chữ Xét ở đây, có nghĩa là, nghiệm lại, suy nghĩ lại, tìm ra lẽ phải. Và với hai từ “trách nhiệm”, thì nhờ chúng ta nhận ra lỗi gây ra hậu quả, nên chúng ta mới gánh chịu hậu quả.

Khi diễn dịch lại định nghĩa xong, chúng tôi mới đem câu danh ngôn thực tập vào trong đời sống hàng ngày. Trong tiến trình ứng dụng này, chúng tôi lại thấy, khi chúng tôi đã nhận lỗi về mình, thì chúng tôi cũng chẳng cần phải suy xét về lỗi của người kia để làm gì.

Vì trong cách ứng xử của hai người, nếu như một người đã có lỗi, và nhận lỗi, thì người kia đương nhiên trở thành vô tội, hay không có lỗi.

Cho nên, chúng tôi rút gọn cả câu danh ngôn “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân” lại, chỉ còn hai chữ “nhận lỗi” là vậy.

Vậy, khi chúng ta nhận lỗi về chúng ta, thì chúng ta sẽ có được những lợi ích gì?

Khi chúng ta biết nhận lỗi về chúng ta, thì chúng ta có được ít nhất 8 điều lợi lớn như sau:

Thứ nhất: Chúng ta sẽ sửa sai và ít khi tái phạm vào những sai lầm đó thêm lần nữa.

Thứ hai: Chúng ta sẽ không phải chịu sự khổ đau lâu dài, vì chờ đợi người kia nhận lỗi hay tha thứ cho chúng ta.

Thứ ba: Chúng ta có nhiều cơ hội hơn để hiểu về chính chúng ta.

Thứ tư: Chúng ta dễ dàng tha thứ cho chính chúng ta.

Thứ năm: Chúng ta luôn được người khác quý mến hơn, vì chúng ta luôn là người chấp nhận lỗi về chúng ta.

Thứ sáu: Chúng ta sống có tự chủ hơn, có thể tự giải quyết vấn đề hay khổ đau của chúng ta mà không lệ thuộc vào ai.

Thứ bảy: Chúng ta là người có dũng khí và đảm lược nên chúng ta sẽ dễ thành công hơn.

Thứ tám: Nơi nào có mặt của chúng ta là nơi đó có hạnh phúc, bình an.

Thứ nhất: Chúng ta sẽ sửa sai và ít khi tái phạm vào những sai lầm đó thêm lần nữa.

Không cần phải bàn rộng về việc này, vì ai trong chúng ta, khi chịu nhận lỗi và chịu sửa sai lỗi của mình, thì chúng ta sẽ ít tái phạm vào cùng một lỗi, hay những lỗi tương tự.

Dĩ nhiên, cũng có nhiều khi, chúng ta lại tái phạm, và những lần tái phạm như thế, thường lương tâm của chúng ta sẽ khiển trách chúng ta, và chúng ta cũng biết được, chúng ta đã làm sai và có lỗi. Chứ không như trường hợp, chúng ta không nhận sai, hay thấy không có lỗi. Vì sao?

Vì lúc đó, Ngã thức của chúng ta sẽ “chống đối kích liệt”, và sẽ loại bỏ những phân tích của Ý thức, khi cho rằng, chúng ta sai.

Cho nên, nếu chúng ta cần bàn, thì chúng ta nên bàn xem, cách thức nào, để chúng ta sẽ không thể tái phạm thì hay hơn.

Vậy làm sao chúng ta có thể đạt được sửa sai một lần mà dùng cả đời?

Muốn làm được điều này, thì chúng ta phải biết được, gốc rễ của lỗi lầm mà chúng ta gây ra từ đâu? Nếu chúng ta không thể biết được gốc rễ, mà chỉ nhận lỗi “trên ngọn”, thì khi gốc rễ phát triển, hoa trái của lỗi lầm mà chúng ta không muốn thấy, hay có, sẽ tiếp tục trở ra.

Cho nên, việc đi tìm ra gốc rễ của vấn đề là quan trọng nhất, và phương pháp cũng như cách ứng dụng của việc tìm ra gốc rễ của vấn đề, đã được chúng tôi trình bày trong rất nhiều bài viết như: Tứ Diệu Đế, chẳng hạn.

Nếu cần tóm gọn thì đây là bốn bước:

1. Xác định mình có lỗi
2. Nguyên nhân tạo ra lỗi
3. Phương pháp giải quyết lỗi
4. Thời gian giải quyết lỗi

Chỉ cần chúng ta thực tập phương pháp bốn bước này, chúng ta có thể giải quyết được lỗi của mình, và làm sao sửa sai cho đúng cách, mà không bao giờ tái phạm.

Thứ hai: Chúng ta sẽ không phải chịu sự khổ đau lâu dài, vì chờ đợi người kia nhận lỗi, hay tha thứ cho chúng ta.

Khổ đau trong cuộc sống của con người thì vô vàn, không sao kể xiết. Nếu chúng ta không nhận lỗi, và cứ lại chất chứa thêm những khổ đau từng ngày, thì cuộc sống của chúng ta rơi vào khổ đau triền miên, cũng đâu có gì là lạ.

Rõ ràng, chẳng phải từ kiếp trước hay nghiệp lực nào, đem đến cho chúng ta khổ đau, mà nếu chúng ta chịu khó quan sát và nhìn sâu, chúng ta thấy, chính vì chúng ta không học cách nhận lỗi về chúng ta, đã chiếm hơn 80% những khổ đau trong cuộc sống của chúng ta rồi.

Trong sự khổ đau này, cái đau nhất, chính là thời gian chờ đợi. Thời gian chờ đợi càng dài bao nhiêu, thì chúng ta càng khổ đau nhiều bấy nhiêu.

Có nhiều khi, chúng ta chờ đợi đến ngày chúng ta chết đi, mà người kia cũng không chịu nhận lỗi về phần họ; hay họ sẽ không tha thứ cho chúng ta, khi họ đã “quyết định”, đó là lỗi của chúng ta.

Chính vì vậy, thay vì, chúng ta hoàn toàn bị lệ thuộc, bị bị động, rơi vào thế đợi chờ, thì chúng ta có thể biến thế bị động đợi chờ người kia tha thứ cho chúng ta, thành thế chủ động: chúng ta tự nhận lỗi về mình.

Với thế chủ động này, chúng ta bắt đầu áp dụng phương pháp bốn bước để đi giải quyết tận gốc rễ. Khi chúng ta đã giải quyết xong, thì sự khổ đau của chúng ta chấm dứt, mà không cần phải chờ đến chết, mới được người khác tha thứ tha hay nhận lỗi.

Thứ ba: Chúng ta có nhiều cơ hội hơn để hiểu về chính chúng ta.

Khi nhận lỗi về phần chúng ta, và chúng ta đi tìm phương pháp để giải quyết cái lỗi đó, nếu chúng ta dùng đúng cách, thì chắc chắn, chúng ta sẽ có cơ hội hiểu sâu hơn về chúng ta.

Chúng ta có thể hiểu được sự vận hành của Ngũ thức. Chúng ta có thể hiểu được tại sao cảm xúc/giác lại có mặt trên Ngũ thức, và cảm xúc/giác kích hoạt hay sử dụng Ý thức như thế nào?

Chúng ta cũng có thể suy xét về những niềm tin, mà chúng ta đã thâm nhập và tích lũy trong quá khứ, nhưng chưa từng qua kiểm chứng, và thực chứng.

Chúng ta cũng có thể quan sát và nhìn sâu vào những niềm tin đó, xem đã ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta như thế nào, khi chúng ta sử dụng trong cách ứng xử với người, và với chính mình.

Như vậy, qua việc chúng ta nhận lỗi về chúng ta, chúng ta đang cho chính chúng ta những cơ hội, để hoàn thiện, để chỉnh sửa lại chính mình.

Thứ tư: Chúng ta dễ dàng tha thứ cho chính chúng ta.

Tha Thứ là hai chữ, mà chúng ta đã nghe, thấy, và cũng đã sử dụng rất nhiều lần trong cuộc sống. Thông thường, khi chúng ta nghe, thấy, hai chữ “tha thứ”, thì chúng ta liên tưởng ngay đến việc, đối tượng nào đó, đang bỏ qua một điều gì đó, mà chúng ta đã làm sai với đối tượng; và đối tượng đã không còn chấp nhất, hay bắt lỗi về việc làm sai của chúng ta nữa.

Như vậy, định nghĩa của hai chữ Tha Thứ là: bỏ qua, không bắt lỗi. Nhưng trên thực tế, thì có sự tha thứ của người nào đó cho chúng ta, mà sự tha thứ đó, có thật sự là tha thứ không?

Hay đó, chỉ là “tạm tha” trong giai đoạn, và khi chúng ta có một lỗi nào khác nữa, thì cái lỗi, mà đã được gọi là tha thứ đó, lại quay về cộng chung vào cái lỗi mới.

Người vợ đang nấu phở, nhưng thiếu củ hành tây bỏ vào cho ngọt nước, nên nhờ người chồng, đi chợ mua một củ hành tây.

Người chồng lái xe ra chợ, thấy hành tây đang giảm giá bán \$1/cho ba củ hành; trong khi, một củ bán lẻ, giá 50 xu. Người chồng, thay vì, mua một củ hành như người vợ dặn, anh lại bị hấp dẫn bởi quảng cáo hạ giá; cho nên, anh đã mua ba củ hành.

Người chồng, sau khi trả tiền và lái xe về nhà, hí hửng vào khoe với vợ, về sự “khéo tính” của mình. Người vợ, không những không khen người chồng, mà còn quay sang quạt cho anh một trận; vì tội không biết tiết kiệm và hoang phí; trong khi, vợ chồng lại ít ăn hành tây, và chỉ dùng hành tây cho nấu phở.

Người chồng, khi bị vợ mắng, thì tiu nghỉu, đi ra phòng khách, ngồi mặt bí xị. Khi người chồng bước đi, thì người vợ nói với theo sau:

-Lần này, tôi “tha” cho ông; lần sau, ông không được xài hoang phí như thế nữa.

Nửa tháng sau, người vợ, nấu bún riêu, nhưng lại thiếu cà chua, nên nhờ người chồng, đi chợ mua thêm 5 trái cà chua. Người chồng, lần này ra chợ, lại bị bảng hạ giá \$1/10 trái hấp dẫn, nên anh lại mua một đồng cà chua đem về cho vợ.

Nhìn thấy gói cà chua có hơn năm quả, người vợ quát thật to:

-Tôi đã dặn ông, đi mua 5 trái, sao ông lại mua 10 trái. Tôi càng tiết kiệm bao nhiêu, thì ông càng phá của bấy nhiêu. Lần trước, tôi nói ông đi mua một củ hành, thì ông lại vác về 3 củ hành; lần này, tôi kêu ông đi mua 5 trái cà chua, thì ông đi vác về 10 trái; bộ ông tính chộc cho tôi tức chết ông mới vừa lòng sao.”

Nửa tháng trước, người vợ đã đồng dục tuyên bố “tha cho ông”, nhưng hai tuần sau, thì cái lỗi của ông, không những không được tha, mà còn được cộng thêm vào cái lỗi mới.

Cho nên, khi mà chúng ta đã bị ghi vào sổ “bìa đen” là có lỗi; tuy người kia đã nói tha lỗi cho chúng ta; cái tha đó, không phải là “tha thứ”, không còn nghĩ đến nữa, hay bỏ qua, mà chỉ là “tạm tha” trong giai đoạn mà thôi. Hiếm khi nào, có sự tha thứ đúng như định nghĩa.

Ngược lại, khi chúng ta nhận lỗi về chúng ta, thông thường, chúng ta hay sử dụng sự tha thứ cho chúng ta, rất đúng với định nghĩa của tha thứ, đôi khi còn “quá lộ” nữa là khác.

Nửa tháng trước, khi đi khám bác sĩ về gan, bác sĩ cho anh biết, anh đã sử dụng rượu quá nhiều; cho nên, gan của anh bắt đầu có triệu chứng bị sơ.

Nghe bị sơ gan, anh rất sợ, và thấy đó là lỗi của anh, khi đã uống rượu khá nhiều. Anh quyết định cai rượu để chuộc lại lỗi lầm của mình.

Gìn giữ được mười ngày, thì người bạn thân, lại rủ anh đến

ăn tiệc thối nôi con của người bạn. Lúc đầu, anh còn giữ được kỷ luật, nên không uống, nhưng qua vài tua kích bác, thì anh đã say bí tỉ, đê mê hôm đó.

Anh không những, không giữ được kỷ luật do anh đặt ra, mà anh còn tha thứ “trộn vện” cho cái lỗi ham uống rượu, mà bác sĩ đã cảnh cáo anh, nếu anh không bỏ uống rượu, thì cơ hội gan của anh bị sơ là rất lớn.

Qua hai câu chuyện trên, chúng ta thấy, ít ai trong chúng ta có thể tha thứ cho người khác một cách trộn vện; nếu có chẳng, thì đó chỉ là “tam tha” để mai kia tính lại, chứ không phải bỏ qua, không bao giờ nghĩ đến lỗi đó nữa.

Ngược lại, tha thứ khi dùng cho chúng ta, thì mới có tha thứ một cách trộn vện và đúng nghĩa nhất.

Thứ năm: Chúng ta luôn được người khác quý mến hơn, vì chúng ta luôn là người chấp nhận lỗi về chúng ta.

Không cần nói, ai trong chúng ta, cũng nhận thấy được lợi ích này; bởi vì, khi chơi với ai, mà người đó luôn chịu gánh hay nhận lỗi, và chúng ta là người vô tội, thì ai mà chẳng muốn chơi với người đó; và ai mà chẳng yêu mến người đó chứ.

Dĩ nhiên, chúng ta yêu mến người đó, vì lợi ích của chúng ta, đã có người, sẵn sàng chịu lỗi cho chúng ta. Nhưng chắc chắn, người biết nhận lỗi kia, cũng có những lợi ích như: vừa học hoàn chỉnh họ, vừa tạo được môi trường sống không có thù hận, khổ đau. Không cần phải sống giả dối, lừa gạt nhau.

Thứ sáu: Chúng ta sống có tự chủ hơn, có thể tự giải quyết vấn đề hay khổ đau của chúng ta mà không lệ thuộc vào ai.

Đây có thể nói là lợi ích vô cùng quan trọng với chúng ta, vì chính nhờ lợi ích này, mà chúng ta có thể quyết định cuộc đời của chúng ta như thế nào?

Cho dù, chúng ta có vấn đề từ nội tâm hay do ngoại cảnh, khi chúng ta có sự tự chủ, thì chúng ta có thể thay đổi hậu quả thành kết quả. Chúng ta có thể sống ít lầm lỗi và nhiều hạnh phúc an lạc hơn.

Thứ bảy: Chúng ta là người có dũng khí và đảm lược nên chúng ta sẽ dễ thành công hơn.

Biết nhận lỗi với người, và dám gánh những hậu quả do mình gây ra, đó không phải là việc bình thường, ai cũng có thể làm được.

Muốn làm được điều đó, đòi hỏi chúng ta phải có sự quan sát và nhìn sâu rất vững chãi, mới có thể làm được. Khi đã có sự nhìn sâu vững chãi, và tiếp xúc được với sự thật, thì đạo giáo gọi đó là người có dũng khí và đảm lược.

Định nghĩa của hai chữ dũng khí là: nguồn năng lực (khí) mạnh mẽ (dũng), hay lòng can đảm. Hai chữ: can là gan, và đảm hay đờm là mật, là hai cơ quan, gánh những nhiệm vụ nặng nề trong việc bài tiết cholesterol và các chất độc thải ra ngoài cơ thể. Còn hai chữ: đảm lược, có nghĩa là, không biết sợ hãi, giỏi tính toán sắp đặt.

Như vậy, khi chúng ta nhận lỗi về chúng ta, và chúng ta biến

đó thành thói quen, thì bất cứ làm việc gì, chúng ta cũng dùng sự quan sát và nhìn sâu, để tìm ra gốc rễ của vấn đề, và đi giải quyết vấn đề đó; thì không những, chúng ta có thể đem an lạc và hạnh phúc cho chúng ta; mà yếu tố quan sát và nhìn sâu, khi ứng dụng trong tất cả mọi ngành nghề, vẫn luôn là hai chất liệu quan trọng nhất, để đưa đến thành công.

Vấn đề là, chúng ta phải tập thành thói quen sử dụng sự quan sát và nhìn sâu liên tục. Nếu không, chúng ta sẽ rơi vào tình trạng, lúc nhớ lúc quên; và hiển nhiên, quên nhiều hơn nhớ, khi va chạm với vấn đề.

Thứ tám: Nơi nào có mặt của chúng ta là nơi đó có hạnh phúc, bình an.

Lợi ích này, thì không cần phải bàn rộng ra, vì ai trong chúng ta cũng hiểu; khi chúng ta đã nhận lỗi, tìm ra nguyên nhân lỗi, và đi giải quyết cái lỗi, thì chúng ta sẽ không còn khổ đau do những lỗi mà chúng ta gây ra. Cho nên, chúng ta có bình an và hạnh phúc là chuyện tất nhiên.

Là con người, nếu chúng ta sống hướng ngoại, và đi tìm bình an và hạnh phúc từ bên ngoài, thì chúng ta thường thiếu bình an và hạnh phúc.

Cho nên, nếu chúng ta là người có bình an và hạnh phúc kéo dài, thì chúng ta có thể, đem những bình an và hạnh phúc mà chúng ta có, để chia sẻ với những người đang thiếu.

Như vậy, chúng ta đang tạo ra một môi trường sống lành mạnh; môi trường mà, con người có thể sống với nhau có bình an và hạnh phúc, hiến tặng cho nhau.

Như vậy, qua tám lợi ích kể trên, chúng ta không những làm lợi cho người, mà chúng ta cũng đang làm lợi cho mình.

Lợi cho người thì không biết là bao nhiêu, nhưng khẳng định, ít nhất chúng ta cũng đã có 8 điều lợi.

Chúng tôi thì vẫn đang học và hành nhận lỗi mỗi ngày, còn bạn, bạn có "dám" nhận lỗi về phần mình hay không?

LẬP PHÁP VÀ HÀNH PHÁP

Bạn thân mến,

Bạn đừng thấy, chủ đề hôm nay của chúng tôi có những chữ như: lập pháp và hành pháp, thì bạn nghĩ, chúng tôi sẽ chia sẻ với bạn về chủ đề liên quan đến chính trị nhé.

Không đâu, chúng tôi chỉ là những người rất bình thường. chúng tôi thích sống với sự quan sát và nhìn sâu vào trong cuộc sống; thích học và hành qua thực nghiệm, và trải nghiệm, để kéo dài cái An trong cuộc sống của chúng tôi, hơn là, làm chuyện quốc gia đại sự.

Ông bà xưa có dạy rằng: “Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, chúng tôi thấy, nội việc “tề gia” mỗi ngày, chúng tôi đều phải: vừa học, vừa hành, vừa chỉnh sửa liên tục, còn chưa xong, thì làm sao có đủ hùng tâm tráng trí, mà trị quốc hay bình thiên hạ được.

Cho nên, tuy chủ đề là lập pháp và hành pháp, nhưng câu chuyện của chúng tôi muốn chia sẻ với bạn hôm nay, liên quan đến một người quen, khi anh đến thăm nơi sinh hoạt về tâm linh của chúng tôi, và bốn chữ lập pháp và hành pháp từ đây mà có.

Anh tự giới thiệu, anh là một trong năm đại đệ tử của một vị cao tăng, rất nổi tiếng của Phật giáo. Trong năm người, vì anh có trí nhớ tốt, nên thường được đi theo vị cao tăng thuyết pháp, ghi nhớ lại, và sau đó, viết và ấn bản thành kinh sách.

Thế nên, khi nói về kinh điển của Phật giáo, thì kinh điển nào anh cũng làu thông, và ghi nhớ rất rõ ràng. Những người quen biết anh, đặt cho anh một biệt danh là “tàng kinh các”, nghĩa là, nơi lưu giữ những kinh điển của Phật giáo, hay có thể gọi là, thư viện kinh điển của Phật giáo.

Ngày anh gặp chúng tôi, thì anh đã sử dụng ngay “sở trường” của anh để thuyết cho chúng tôi nghe về tính vô thường, vô ngã của đạo Phật. Chúng tôi vẫn im lặng ngồi nghe anh thao thao bất tuyệt, trong hai tiếng đồng hồ.

Cuối cùng, anh hỏi chúng tôi, có hiểu được sự mâu nhiệm của ý kinh, không thể nghĩ bàn, của đức Phật, không?

Lúc đó, chúng tôi mới lên tiếng, trả lời anh:

-Thưa anh, anh thì đang “lập pháp”, còn chúng tôi thì đang “hành pháp”, cho nên, chúng tôi không hiểu gì cả.

Anh nghe câu trả lời “trật bàn đạp” của chúng tôi, anh không vui lắm; vì không vô đúng chủ đề của anh muốn, là phải, thán phục sự làu thông kinh điển của anh. Cho nên, anh quyết định “bắt bẻ” chúng tôi đến cùng. Anh nhìn chúng tôi một lúc, rồi nói:

-Chúng ta đang nói về kinh điển của một bậc Y Vương, thị hiện xuống cõi trần, để cứu độ muôn loài, mà sao bạn lại lái qua đề tài chính trị.

-Thưa anh, chúng tôi đâu có đổi chủ đề, chúng tôi cũng đang nói về chủ đề tôn giáo đấy chứ. Chúng tôi đáp.

-Sao, đề tài về tôn giáo ư, tôi thì chỉ thấy, liên quan đến chính trị, nếu không thì lôi lập pháp và hành pháp vào làm gì? Anh nói.

- Thưa anh, không phải, trong đạo Phật, khi nói về vô thường hay vô ngã thì đó gọi là pháp sao. Anh thì cứ lập đi lập lại những phương pháp của đức Phật, nhưng anh lại không chia sẻ về cách anh thực hành, cách anh trải nghiệm, cách anh thực nghiệm như thế nào.

-Cho nên, chúng tôi mới gọi anh là “lập pháp”, nghĩa là, anh chỉ lập đi lập lại những kinh nghiệm, những trải nghiệm hay những phương pháp của người khác, mà không phải là của chính anh.

-Còn chúng tôi, gọi chúng tôi là hành pháp; bởi vì, khi chúng tôi học được điều gì, hay phương pháp nào, thì chúng tôi sẽ bắt đầu thực hành ngay điều đó, qua sự kiểm nghiệm, thực nghiệm, và chứng nghiệm.

-Sau đó, chúng tôi đúc kết lại thành những kinh nghiệm riêng cho chúng tôi dùng trong cuộc sống, và chia sẻ lại phương pháp này với những ai, khi họ cần đến, để ứng dụng trong cuộc sống của họ.

-Khi hướng dẫn hay chia sẻ cho họ, chúng tôi luôn nhấn mạnh đến yếu tố, đừng tin vào phương pháp của chúng tôi, mà chỉ nên tin vào kết quả mà họ đạt được, khi đã trải qua sự kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm của chính họ.

-Với chúng tôi, chân lý chỉ thật sự là chân lý, khi có mặt của sự kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm, giúp cho

chúng tôi tiếp xúc được đúng với sự thật.

-Cho nên, với chúng tôi, người nào mà có những trải nghiệm này, thì chúng tôi gọi người đó là người “hành pháp – thực hành các phương pháp”, còn người nào, mà chưa trải qua, nhưng lại hay nói về những phương pháp, thì chúng tôi gọi là người “lập pháp - lập đi lập lại những phương pháp nhưng chưa bao giờ thực hành”.

Anh nghe xong biến sắc một chút, rồi nói:

-Thật lòng mà nói, nếu bạn có thể làm được như vậy, thì ngay cả các bậc cao tăng cũng ít có vị làm được.

Sau đó, anh kiêu từ ra về. Tiễn anh về xong, chúng tôi mới nghĩ, công việc mà chúng tôi đang học và đang hành, thì đâu có gì là khó đâu. Ai cũng có thể làm được, sao các bậc cao tăng lại không làm được.

Với chúng tôi, dù là người thường, hay cao tăng, thì ai tu, nấy hưởng. Các vị cao tăng tu thì các vị đạt được sự giải thoát, và có được sự An Lạc cho các vị; còn chúng tôi tu, thì chúng tôi cũng đạt được sự giải thoát và bình an như các vị, cũng là việc rất bình thường.

Bởi vì, sự an lạc và giải thoát đều có sẵn nơi mỗi người; không phải do bất cứ ai ban tặng, hay thần linh nào ban bố, mà chỉ khác nhau trong phương pháp học và hành mà thôi.

Nếu như khi học, mà học cho nghiêm túc, học cho đến nơi đến chốn, học không câu chấp, học hiểu ý quên lời. Nhất là đi tìm định nghĩa cho rõ ràng.

Sau đó, thì đem những điều học đó vào thực hành ngay trong cuộc sống mỗi ngày. Trong tiến trình thực hành, thì bắt đầu bằng cách, đem những điều học hỏi được để kiểm nghiệm lại, nghĩa là, kiểm nghiệm lại xem, từ lý thuyết đến thực hành có đúng không, hay có sự sai biệt nào không.

Nếu có, thì sai biệt thế nào, và nếu không, thì có thể ứng dụng trên góc độ nào, và không thể ứng dụng trên góc độ nào.

Kế tiếp, là qua tiến trình thực nghiệm. Tiến trình thực nghiệm là tiến trình đem những điều học, sau khi qua sự kiểm nghiệm, ứng dụng vào trong những môi trường và hoàn cảnh, hay cuộc sống, dưới sự quan sát và nhìn sâu của từng góc độ.

Trong tiến trình này, thì phải liên tục chỉnh sửa lại những điều thiếu sót, hay bổ sung thêm vào lý thuyết những điều chưa có, để tránh gây ra sự lầm lẫn, hay hiểu lầm.

Cuối cùng là chứng nghiệm. Tiến trình chứng nghiệm là tiến trình đem những kết quả của thực nghiệm, bổ sung hay sửa sai, đi so sánh lại với những kinh nghiệm của những người trải nghiệm khác, xem có những sự tương đồng hay dị biệt nào.

Nếu là tương đồng, không có dị biệt, thì giữ lại để sử dụng; và khi sử dụng thì biến thành thói quen, để có thể dễ dàng ứng phó, khi có những sự cố xảy ra quá nhanh, đến độ Ý Thức chưa kịp tìm ra cách giải quyết.

Nếu có dị biệt, thì dị biệt trên góc độ nào, và dị biệt đó có còn thích hợp, và đúng với môi trường hay hoàn cảnh trong

hiện tại hay không? Nếu những dị biệt, mà không còn thích hợp, thì loại những dị biệt đó ra, mà không cần quan tâm đến.

Thí dụ như, trong kinh điển nguyên thủy của Phật giáo, hoặc Ma Ha Bà La Đa thứ 12 do hòa thượng Thích Quảng Độ dịch, cho rằng:

“Đao Diệp Lâm Địa Ngục, là nơi đi đến của những người bỏ kinh Vệ Đà để chạy theo những đạo khác, và những người này, gọi là kẻ mê tín dị đoan”

Tuy điều này, được ghi lại trong kinh điển có cả ngàn năm của Ấn Độ giáo, cũng như của Phật giáo, nhưng không có nghĩa là, kinh điển đã hợp lý.

Trong khi, ngày nay, giáo dân của Thiên Chúa giáo đã có hơn cả tỷ người, mà những giáo dân của Thiên Chúa giáo, không hề biết, hay tin, vào kinh Vệ Đà, vậy họ đều bị đọa vào địa ngục “Đao Diệp Lâm” sao?

Như vậy, cho dù, đó là điểm khác biệt so với tiến trình chứng nghiệm, nhưng dị biệt này, không còn thích hợp, và cũng không đúng với sự thật. Cho dù, có viết trong kinh điển ngàn năm, chúng tôi vẫn loại bỏ như thường.

Với chúng tôi, không phải, cứ có trong kinh điển ngàn năm là có giá trị; mà phương pháp chỉ có giá trị, khi đem ứng dụng, hay khi thực hành, phải đem đến sự giải thoát hay đạt được An kéo dài. Nếu không, thì cũng không ích lợi gì.

Còn với những dị biệt, mà sau khi qua kiểm nghiệm, và thực nghiệm lại, thấy hợp lý, hay đúng hơn, thì chúng tôi lại tiếp

tục sửa sai, rồi thực hành lại; cho đến khi, ra kết quả, mà không phải là hậu quả.

Khi đã chứng thực được qua cách ứng dụng trên những góc độ khác nhau, mà đều đưa những kết quả giống nhau, thì mới tổng hợp lại, và lập thành một phương pháp để ứng dụng; cũng như, chia xẻ phương pháp này với những người khác, khi họ cần đến sự giúp đỡ.

Đây chính là chỗ khác biệt giữa người “lập pháp” và “hành pháp”. Trong khi, người lập pháp thì chỉ thích lập đi lập lại những phương pháp mỗi ngày, nhưng không thực hành phương pháp đó.

Còn người “hành pháp” thì không lập đi lập lại những phương pháp đó mỗi ngày, mà họ chỉ sử dụng những phương pháp đó, trong tiến trình thứ ba là chứng nghiệm, để so sánh và rút ra những sự tương đồng hay dị biệt qua tiến trình trải nghiệm của họ.

Về niềm tin, thì người “lập pháp” có thể tin vào những kinh nghiệm của những người đã trải nghiệm qua, mà không cần qua tiến trình kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm của bản thân.

Nhưng với người “hành pháp” thì những phương pháp của những người trải nghiệm khác, chỉ là những thông tin, và cần qua tiến trình kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm của bản thân, khi tiếp xúc với sự thật.

Với những người “hành pháp”, họ chỉ tin, khi họ tiếp xúc được với sự thật; và họ chỉ tin vào sự thật, chứ họ không tin vào những thông tin, hay kinh nghiệm của người khác. Tại sao?

Vì, kinh nghiệm của mỗi cá thể trước khi tiếp xúc với sự thật đều khác nhau. Cho nên, không thể lấy kinh nghiệm của người đã trải nghiệm, làm kinh nghiệm chuẩn, dùng chung cho tất cả mọi người được.

Hãy lấy thí dụ sau đây để minh họa.

Huế là một địa danh, có những thắng cảnh đẹp. Có một người, đang sinh sống ở miền Bắc, và người đó, đi từ Bắc vào Huế (từ trên đi xuống, theo địa lý). Sau khi đến Huế về, người đó đem kinh nghiệm của anh, vẽ thành lộ trình để hướng dẫn cho những ai, muốn thưởng thức cảnh đẹp của Huế, có thể đến Huế để thưởng thức.

Dĩ nhiên, nếu bạn là người đang sống ở miền Bắc, thì bạn có thể ứng dụng theo lộ trình này. Nhưng nếu bạn đang sinh sống ở miền Nam, mà bạn ứng dụng lộ trình này, thì bạn không thể nào đến được Huế, mà bạn lại có thể đến Thái Lan không chừng.

Thái Lan thì chắc chắn không phải là Huế rồi, và đó là sự thật. Nhưng vì bạn quá tin tưởng vào kinh nghiệm của người ở miền Bắc, bạn tin rằng, người đó đúng là người trải nghiệm, không phải là người giả mạo. Nhưng bạn lại quên mất một điều vô cùng quan trọng, đó là, bạn đang ở đâu?

Không sai, người trải nghiệm ở miền Bắc chỉ dẫn rất cặn kẽ, rất rõ ràng; nhưng những sự trải nghiệm đó, chỉ có giá trị, khi bạn biết rất rõ ràng, là bạn đang ở miền Bắc, chứ không phải bạn đang ở miền Nam.

Nếu bạn thật sự đang ở miền Nam, mà lại tin theo sự hướng dẫn đó, và kiên trì đi theo lộ trình đó, thì bạn sẽ chẳng bao

giờ đến đúng được địa danh mà bạn muốn đến.

Tệ hại hơn là, khi bạn đến được Thái Lan, mà bạn lại cứ khẳng khẳng định, đó là Huế, vì bạn đã đi, và làm đúng với lộ trình mà người trải nghiệm kia đã chia sẻ lại, và bạn đã tin là đúng.

Trong khi, Huế đích thực, thì càng xa bạn hơn, vì bạn đã đi chệch hướng, lộn đường.

Còn một người có kinh nghiệm về địa lý, thì họ biết, họ đang ở đâu, và Huế đang ở đâu, so với chỗ của họ. Tuy họ chưa đến Huế; chưa biết phong cảnh của Huế đẹp như thế nào? Nhưng có một điều, họ biết chắc chắn, là họ không thể dựa vào lộ trình của người trải nghiệm ở miền Bắc để đi theo.

Họ phải đi theo lộ trình do chính họ tìm ra (từ dưới đi lên, theo địa lý), và họ chỉ sử dụng sự trải nghiệm của người miền Bắc, khi cần phải xác định địa điểm họ đến, có giống như người trải nghiệm đã tả về phong cảnh của Huế hay không?

Khi họ đã tiếp xúc và đến được Huế, đúng như những gì mà người từng trải ở miền Bắc đã diễn tả, thì họ mới tin là họ đã tìm đúng địa danh, mà không có sự tưởng tượng hay phỏng đoán nào cả.

Câu chuyện này, ai nghe xong cũng biết được, ai đi đúng hướng, ai đi chệch đường. Nhưng trên thực tế, chúng ta đang là người ở miền Nam, nhưng vẫn đang kiên trì đi theo lộ trình do người miền Bắc hướng dẫn.

Chúng ta càng đi, thì chúng ta càng xa rời sự thật, nếu chúng ta chỉ thích “lập pháp” hơn là “hành pháp”.

TU HỌC VÀ TU HÀNH

Bạn thân mến,

Tu Học và Tu Hành là bốn chữ, mà chúng ta nghe rất nhiều lần trong cuộc đời, nhưng tu học là gì? và tu hành là gì? Chính là chủ đề của hôm nay mà chúng tôi muốn mời bạn, hãy cùng chúng tôi quan sát và nhìn sâu.

Theo định nghĩa, Tu có nghĩa là: sửa, sửa chữa, trau giồi; Học là: nhận sự dạy dỗ của người khác; và Hành có nghĩa là: làm, việc làm, trải qua, di chuyển, v.v.

Như vậy, Tu Học có nghĩa là, nhận sự dạy dỗ của người khác để trau giồi, hay sửa chữa lại những cái chưa hay, chưa đúng của mình; và Tu Hành là sửa chữa lại những việc làm, nhưng hành động đã trải qua, mà chưa được đúng, hay chưa được đẹp.

Nếu chúng ta tách riêng bốn chữ tu học và tu hành ra, thì chúng ta còn lại ba chữ là: tu, học và hành.

Học thì ai trong chúng ta cũng phải học. Nếu nói rộng nghĩa hơn, thì không phải chúng ta chỉ học bằng sự dạy dỗ của người khác, mà đôi khi, chúng ta cũng chẳng cần ai dạy dỗ, chúng ta cũng học được qua sự quan sát và nhìn sâu.

Chẳng hạn, khi chúng ta nhìn một chiếc lá vàng rơi vào mùa thu, qua sự quan sát và nhìn sâu, chúng ta cũng có thể học được tính vô thường của vạn pháp. Chiếc lá không hề có ý định dạy dỗ chúng ta. Chiếc lá chỉ đang làm đúng bản phận, theo đúng quy luật của tự nhiên.

Nhưng qua chiếc lá vàng rơi, dưới sự quan sát và nhìn sâu, chúng ta lại học được bài học về tính vô thường; để khi, chúng ta có những niềm đau nỗi khổ, chúng ta có thể dùng bài học vô thường này, để giải quyết những khổ đau, và đạt được An.

Nếu chúng ta chỉ “cắm đầu” vào học không thôi, mà khi chúng ta có khổ đau, lại không ứng dụng được bài học đó, thì giá trị của bài học đó, chỉ là con số không, tròn trĩnh.

Cho nên, cái quan trọng không phải là chúng ta học được gì, hay học có thâm sâu không, mà quan trọng là, khi chúng ta ứng dụng qua hành, có đem đến đúng như kết quả chúng ta muốn hay không?

Nếu như, qua phần thực hành, mà không đem đến cho chúng ta kết quả, nhưng lại đem đến cho chúng ta những hậu quả, thì chúng ta phải “tinh táo” để chỉnh sửa lại cái học của chúng ta.

Nói đến học thì có nhiều cách học. Phần đông chúng ta, thường dựa vào định nghĩa của chữ học, là phải có người dạy dỗ chúng ta thì chúng ta mới gọi đó là học.

Cho nên, chúng ta nghĩ, muốn học thì phải đến trường, đến lớp, có thầy, có cô, là những người có bằng cấp, để dạy dỗ cho chúng ta. Khi vào trường để học, thì chúng ta lại lệ thuộc vào sự phân chia thứ tự trước sau, để đánh giá trình độ học của mỗi người.

Thí dụ, với trẻ lên năm hay sáu tuổi, thì bắt đầu từ lớp mẫu giáo, rồi lên lớp một, lớp hai, tiểu học, trung học, rồi đại học.

Người có bằng đại học, thì trình độ học của họ cao hơn người trung học, và người có trình độ trung học thì cao hơn tiểu học v.v.

Từ đó, đưa chúng ta đến suy luận và tin rằng, nếu muốn giỏi thì phải học, mà muốn học thì phải có lớp, có trường. Nếu nơi nào, không có trường, có lớp, thì nơi đó, chúng ta sẽ không có gì để học.

Quan niệm này, đã khiến cho biết bao sinh viên, sau khi tốt nghiệp ra trường, rơi vào thế “lao đao”, khi tiếp xúc với những công việc trong trường đời.

Vì trong trường đời, thì học không phải chỉ thu gọn trong lớp, có thầy, có cô, có bằng cấp dạy dỗ; mà trong trường đời, thì không có lớp, và ai cũng có thể là thầy cô, mà không cần bằng cấp.

Không những, chỉ có con người, mà ngay cả động vật, thực vật, hay những sự vận hành tự nhiên của trời đất, cũng trở thành thầy, cô, để dạy cho chúng ta những bài học, đáng giá nghìn vàng.

Không ít những nhà tiên sĩ (cấp cao nhất trong hệ thống giáo dục), khi ra trường đời, mới “bé cái lằm” rằng, thì ra, họ còn có muôn ngàn điều ở trường đời, mà họ, vẫn chưa học được trong trường học.

Như vậy, không phải cứ tốt nghiệp trong trường học, thì sẽ có đủ mọi kiến thức, và cách ứng xử trong trường đời. Sự thật là, trường đời mới là trường, mà con người phải học suốt cả một đời, mà vẫn không thể tốt nghiệp.

Cho nên, trong trường đời, đòi hỏi người học, phải có sự quan sát và nhìn sâu, để tiếp cận được với sự thật. Nếu không, sẽ gây ra khổ đau cho người và cho mình; chứ không như trường học, là học để mở mang kiến thức.

Với một người nông dân, việc các nhà khoa học, du hành đến sao Hỏa, hay sao Kim, cũng chẳng có gì là quan trọng. Bởi vì, đối với người nông dân, bài học quan trọng nhất với họ, chính là, đồng ruộng: lúa, đất, nước, phân.

Thiếu những bài học này, thì khổ đau sẽ có mặt ngay trong gia đình của họ. Con cái họ sẽ đói ăn, và tài chánh gia đình của họ sẽ trở nên “giật gấu vá vai”.

Có nhiều bạn sẽ cho rằng, nếu không có trường học, thì làm sao có những kỹ sư, để chế ra những máy móc, hay phân bón, để làm ra lúa gạo nhanh hơn.

Đồng ý với bạn là, với những máy móc và phân bón vô cơ mới, sẽ giúp cho tiến trình phát triển của cây lúa nhanh hơn, và khi cây cấy, hay thu hoạch, thì đỡ tốn công hơn. Nhưng sự thật cũng đã chứng minh rằng, chính những phân bón mới, giúp cây lúa trở nhanh hơn, lại tạo ra những gen (gene) đột biến, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

Các nhà khoa học có tự trọng, khi nghiên cứu qua lâm sàng, đã đưa ra những chứng minh về sự tai hại khi tạo ra gen (gene) đột biến, và tiếng nói cảnh tỉnh của họ đã có không ít người hưởng ứng.

Những người tiêu thụ trong thời đại mới (new age), họ đòi hỏi những thực phẩm cung cấp cho họ, phải được trồng theo phương pháp hữu cơ (organic), và giá cả của thực phẩm hữu

cơ thì cao gân gấp đôi, so với giá do máy móc, và những phát minh đột biến tạo ra, nhưng họ vẫn vui lòng tiêu thụ.

Như vậy, với nhà khoa học, thì họ thích nghiên cứu học hỏi về không gian vũ trụ; nhưng ngược lại, người nông dân lại thích học về: lúa, đất, nước, phân.

Vậy thì cái học nào cao hơn cái học nào? Vốn dĩ, chẳng có sự học nào cao hơn sự học nào cả; mà là, sự học đó, có giá trị hay không, mới là quan trọng. Nếu điều học đó, mà không thể đem ứng dụng được, thì điều học đó, trở nên vô dụng.

Bắt một khoa học gia xuống làm ruộng, thì không khác gì, chúng ta đang bắt bỏ tù họ vậy; hay ngược lại, bắt bác nông dân lên điều khiển chiếc tàu vũ trụ, thì chỉ khiến bác chết, không toàn thân.

Cho nên, trước khi học, chúng ta cần phải xác định rõ ràng chúng ta học gì, và chúng ta phải học như thế nào cho đúng cách.

Nếu không, chúng ta chỉ phí thời gian vào hý luận; mà khi gặp sự cố, chúng ta lại chẳng ứng dụng được gì cho việc chúng ta giải quyết vấn đề, hay sự cố, một cách chuẩn không cần chỉnh.

Sự thật đã chứng minh, cái chúng ta cần học thì vô hạn, nhưng sức học của chúng ta thì lại hữu hạn. Chúng ta không thể đem cái hữu hạn để “đuôi theo” cái vô hạn được.

Chính vì vậy, chúng ta cần phải có sự lựa chọn trong cái vô hạn kia, xem cái học nào, có thể giúp cho chúng ta giải quyết

những vấn đề trong cuộc sống của chúng ta, một cách toàn vẹn, không để lại những di chứng về sau.

Nếu chúng ta không cẩn thận lựa chọn, chúng ta không có mục đích rõ ràng, thì chúng ta sẽ học miên man, học lang bang, học trường kỳ; rồi cuối cùng, chúng ta chỉ ôm một mớ kiến thức vụn vặt, không đầu vào đâu cả.

Chúng ta vừa tốn tiền, vừa tốn thời gian, mà còn tạo ra biết bao cảm xúc/giác tiêu cực, khi không thể sử dụng mớ kiến thức đó vào đâu cho hợp lý.

Cho nên, khi học, chúng ta nên đặt cho chúng ta những câu hỏi chính xác như:

- Chúng ta học để làm gì?
- Có đúng với mục đích của chúng ta không?
- Có giúp cho chúng ta giải quyết vấn đề của chúng ta một cách trọn vẹn không?
- Có đem đến an vui và hạnh phúc cho người và cho chúng ta không?
- Có giúp cho chúng ta tiếp xúc được với sự thật không v.v.

Dĩ nhiên, chúng ta có thể đặt ra muôn ngàn câu hỏi, nhưng chỉ cần chúng ta hỏi chúng ta, những câu hỏi như trên, cũng đủ giúp cho chúng ta xác định được, chúng ta nên học gì, và học ra làm sao cho có kết quả.

Khi đã lựa chọn xong những gì chúng ta muốn học, thì chúng ta đừng tin ngay vào những trải nghiệm, hay kinh nghiệm của những người đi trước, hay tiền nhân; mà chúng ta chỉ xem đó như là những thông tin, và bắt đầu từ những

thông tin đó, chúng ta đi kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm, qua sự quan sát nhìn sâu vào bản thân của chúng ta, hay qua đối tượng, hay những hiện tượng.

Sau khi, chúng ta đã trải qua những tiến trình đó, và tiến trình đó, giúp chúng ta tiếp cận được đúng với sự thật, thì lúc đó, chúng ta mới tin. Chúng ta chỉ nên tin vào kết quả, chứ không tin vào sự trải nghiệm hay kinh nghiệm của bất cứ một ai.

Nếu chúng ta làm được như vậy, thì những gì chúng ta học mới có giá trị, mới có chiều sâu, mới có sự tinh tế. Chính nhờ sự tinh tế và có chiều sâu này, mới giúp chúng ta giải quyết được những vấn đề của chúng ta một cách trọn vẹn.

Như vậy, khi thêm chữ tu vào trước chữ học, thành tu học, thì chúng ta mới biết, chúng ta cần sửa, hay sửa chữa cái gì trong tiến trình chúng ta học.

Nếu không, thì chữ tu đặt vào đầu câu, cũng trở nên vô nghĩa; vì chính cái chúng ta học, chúng ta còn không hiểu chúng ta đang học gì, thì chúng ta làm sao biết chỗ nào sai đâu mà tu với sửa. Vậy nên, khi chúng ta sử dụng hai từ tu học chúng ta phải rất cẩn thận.

Ngày xưa, ở miền nam Việt Nam, những người kỹ sư cơ khí, muốn nâng cao trình độ về kỹ thuật máy móc, thì thường đi tu học tại các quốc gia tiên tiến về kỹ thuật như Mỹ, Anh hay Đức, v.v.

Có nghĩa là, họ đã học và biết về máy móc và kỹ thuật rồi, nhưng với những phát minh, hay những sự bổ sung trong kỹ thuật sửa chữa mới, họ chưa được cập nhật; cho nên, họ cần

phải đến các quốc gia tiên tiến, học tiếp, để sửa chữa hay trau dồi thêm những kinh nghiệm trong ứng dụng.

Nhưng ngày nay, hai chữ tu học thường được gắn liền với tôn giáo. Mỗi tháng, ít nhất chúng tôi cũng nhận được, từ hai đến ba lá thư gửi về, kêu gọi chúng tôi, ghi danh đi tham dự khóa tu, hay tu học, được tổ chức khắp mọi nơi, không những trong nước Mỹ, mà có khi, tới tận cả trời Âu.

Tu học về vật chất thì còn đỡ, vì chúng ta còn có vật để sờ, để mó, để chạm. Nhưng tu học về tâm linh, thuộc về vô hình, vô ảnh. Chúng ta không thể sờ hay mó vào được, mà chỉ nương tựa vào nhận thức và niềm tin của chúng ta.

Nếu như, những nhận thức hay niềm tin của chúng ta không may bị lệch lạc, mê mờ, thì chắc chắn, con đường tu học của chúng ta sẽ dần dần về ngõ cụt.

Cho nên, trước khi chúng ta muốn Tu thì chúng ta phải biết rất rõ mục đích của chúng ta học để làm gì. Chúng ta đã nắm rõ được những gì chúng ta học chưa? Nhận thức của chúng ta đã rõ ràng chưa? và sự rõ ràng đó, chúng ta dựa trên tiêu chuẩn nào để đáng giá.

Đó chính là những nét căn bản của việc học. Sau đó, chúng ta mới dựa trên những căn bản đó, để tiếp tục trau dồi hay tu sửa lại những chỗ chưa đúng hay chưa chính xác.

Trong tiến trình tu sửa việc học này, chúng ta không phải chỉ dùng tư duy không mà thôi, mà chúng ta phải đem những điều chúng ta đang tu học, ứng dụng trong thực hành. Chúng ta phải thực hành, không những trên một góc độ, mà chúng ta còn phải thực hành trên nhiều góc độ.

Như vậy, bắt đầu từ học đến tu, rồi từ tu qua hành, và từ hành tiếp tục tu, rồi từ tu lại bắt đầu học. Tiến trình này gọi là tiến trình tu học và tu hành.

Nếu muốn dễ hiểu hơn, chúng ta sẽ đặt lại theo thứ tự như sau: học, tu, hành, tu, học, v.v. Trong tiến trình tu hành và tu học này, chúng ta phải cần đến thêm ba yếu tố hỗ trợ khác, bao gồm: kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm.

Thiếu ba yếu tố này, thì chúng ta sẽ dễ phiêu lưu trong thế giới của suy luận, phỏng đoán, và tưởng tượng.

Khi mà chúng ta để nhận thức, hay niềm tin của chúng ta “dính” đến phỏng đoán hay tưởng tượng, thì nhận thức hay niềm tin của chúng ta sẽ không còn gắn với sự thật, mà chúng ta đang bắt đầu rời xa sự thật.

Cho nên, trong tiến trình học hay hành, thì chúng ta cũng phải luôn sử dụng ba yếu tố này. Được như vậy, thì việc chúng ta tu học hay tu hành mới có kết quả.

Còn nếu không, thì chúng ta chỉ phí thời gian cho cái học vô bổ; không những, đã không giúp ích gì cho chúng ta trong việc tiếp cận sự thật, mà cái học đó, đôi khi lại trở thành một rào cản, một “nhà tù”, nhốt chúng ta vào trong những cuộc tranh luận, hay tranh cãi, gây nên sự thù hận, oán ghét, lẫn nhau.

Tệ hại hơn là, chúng ta tiếp tục “nâng cấp” sự tự tôn của chúng ta lên tận mây xanh, và xem như đó là một thành quả mà chúng ta đáng tự hào. Nhưng khi có những vấn đề của chúng ta cần phải giải quyết tận gốc rễ, thì chúng ta lại trốn

chạy, hay đè nén vấn đề đó xuống.

Tu học hay tu hành là một việc vô cùng cần thiết cho tất cả những ai muốn thăng tiến, muốn đạt được thành công hơn thất bại, dù trong cuộc đời hay đời sống tâm linh. Nhưng nếu chúng ta không cẩn thận trong việc tu học và tu hành thì chúng ta sẽ tạo ra những kiến chấp (chấp vào những kiến thức mà mình học được), những nhận thức sai lầm, sẽ gây ra khổ đau cho người và cho mình.

Có một người quen, anh rất tự hào về kiến thức mà anh học được trong kinh điển của đạo Phật, và anh thường cho rằng, anh đã hiểu đúng với những gì đức Phật dạy; vì anh đã đi tu học với biết bao vị cao tăng. Cho nên, mỗi khi gặp anh, anh luôn dạy chúng tôi làm sao phát triển lòng Từ Bi và Trí Tuệ.

Theo lời anh “học lại”, thì các vị cao tăng đã dạy:

“Từ Bi là thương cao thượng bất vụ lợi, thương tất cả mọi loài không vì bản ngã của mình.

Còn trí tuệ được phân ra làm hai loại: Trí thế gian và trí xuất thế gian. Trí thế gian là thấy biết đúng tinh thần nhân quả, và Trí xuất thế gian là người biết rõ mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ, là cái nhân đưa tới đau khổ, thì tránh không làm, không nói, và không nghĩ.

Như vậy, Từ Bi và trí tuệ đi đôi và gắn liền với nhau, vì từ nguồn Trí Tuệ mà suối Từ Bi tuôn chảy, nhờ suối Từ Bi cho nên cây Trí Tuệ trở hoa.”

Khi nghe lời anh dạy cho chúng tôi, chúng tôi mới hỏi anh: “thương cao thượng là gì, và thương bất vụ lợi ra sao”, thì

anh lại không giải thích được.

Nếu nói Từ Bi là thương cao thượng, thì thương thế nào mới là thương cao thượng; và thương thế nào mới là không cao thượng. Quả thật, chúng tôi nghe xong, cũng không thể nào hiểu được; mà nếu chúng tôi không hiểu được, thì làm sao chúng tôi hành.

Nếu chúng tôi không thể hành, thì có phải, những gì chúng tôi học, chỉ là một mớ kiến thức vô bổ; vì khi chúng tôi muốn phát khởi lòng Từ Bi, thì chúng tôi biết dựa vào đâu để thực hành.

Còn câu: “Từ Bi và Trí Tuệ đi đôi và gắn liền với nhau, vì từ nguồn Trí Tuệ mà suối Từ Bi tuôn chảy, nhờ suối Từ Bi cho nên cây trí tuệ trở hoa.” Có nghĩa là gì?

Nếu chúng tôi không biết được lòng Từ Bi, thì chúng tôi không thể có Trí Tuệ, đúng không? Bởi vì, Từ Bi là gốc rễ, nên mới có thể sinh ra hoa trái là Trí Tuệ. Như vậy, nếu không có lòng Từ Bi thì sẽ không có Trí Tuệ.

Trong khi, qua thực nghiệm, kiểm nghiệm, và chứng nghiệm thì tuệ giác mới là gốc rễ để sinh ra hoa trái là Từ Bi. Nếu không có Tuệ Giác, thì Từ Bi có thể sẽ dẫn đến khổ đau như thường.

Dĩ nhiên, ở đây, chúng tôi không đem ra xét nét sự tu học hay tu hành của anh, là đúng hay sai; mà chúng tôi chỉ muốn chia sẻ lại với bạn, khi chúng ta học một điều gì, thì chúng ta phải đem điều chúng ta học và thực hành ngay với sự kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm trên bản thân của chúng ta.

Chỉ khi, trải qua ba yếu tố đó, và kết quả ra đúng với định nghĩa đó, thì chúng ta mới tin vào định nghĩa đó; chứ không nên, đi học thì nhiều, nhưng hành lại chẳng bao nhiêu. Đến khi có chuyện cần giải quyết, thì chúng ta lại không hề sử dụng đến những gì chúng ta đã học.

TIÊU CHUẨN KÉP

Bạn thân mến,

Chắc không ai trong chúng ta lạ gì ba chữ “tiêu chuẩn kép”, Vì sao? Bởi vì, chúng ta sử dụng ba chữ này, quá nhiều lần trong cuộc đời. Nhưng tại sao chúng ta lại thích dùng tiêu chuẩn kép hơn tiêu chuẩn đơn, là chủ đề hôm nay chúng tôi muốn chia sẻ với bạn.

Định nghĩa của hai chữ Tiêu Chuẩn là căn cứ, đúng, hay mẫu dùng để đo lường, cân nhắc sự vật, hay việc; và kép là đôi, cặp, hay ghép vào.

Như vậy, tiêu chuẩn kép là một mẫu mực đúng, được ghép vào với một tiêu chuẩn khác, mà tiêu chuẩn thứ hai, lại thường khác với tiêu chuẩn đầu tiên.

Một người vợ đi mua sắm, thấy chiếc ví đắt tiền rất thích, nên quyết định mua chiếc ví đó. Người chồng đi kế bên, thấy vợ mua chiếc ví, nên cũng chọn cho mình một chiếc cà vạt. Nhưng khi ra trả tiền, người vợ lại lấy chiếc cà vạt của chồng bỏ ra, và chỉ trả tiền chiếc ví mà người vợ chọn.

Trên đường lái xe về nhà, người chồng bất mãn lên tiếng:

-Sao lúc nãy em không mua luôn cái cà vạt cho anh.

Người vợ trả lời:

-Anh còn cả đồng cà vạt ở nhà, sao không đeo, mà mua chi cho tốn tiền, trong khi, tài chính của chúng ta cũng đang eo hẹp.

Người chồng nghe xong âm ức, nhưng không nói. Anh không phục, vì vợ của anh, cũng có cả đồng ví, đang để trong tủ quần áo, mà vợ anh có dùng đâu, sao lại đi mua cái mới.

Hơn nữa, giá tiền của cái ví, đắt hơn gấp chục lần cái ca vạt. Nếu là tài chính eo hẹp, thì vợ của anh nên mua cái cà vạt, ít tiền hơn để tiết kiệm; chứ sao, lại mua chiếc ví đắt tiền hơn, rồi lại cho rằng, vì tài chính eo hẹp, nên không thể mua cái cà vạt cho anh.

Cách ứng xử của người vợ với người chồng trong câu chuyện trên, chúng ta gọi là tiêu chuẩn kép. Có nghĩa là, khi chị mua sắm thì được, nhưng khi chồng chị mua sắm thì không được.

Hay qua quan sát và nhìn sâu, chúng ta thấy, tuy cùng làm một việc, nhưng với mình thì đó là đúng, còn với người khác thì lại là sai.

Trong khi tiêu chuẩn đơn, có nghĩa là, nếu đúng với mình thì đúng với người, mà hề sai với mình thì sai với người. Trong tiêu chuẩn đơn không có sự tham gia của ngụy biện, bào chữa; mà chỉ có một nguyên tắc để tuân theo làm chuẩn mực.

Vậy tại sao chúng ta lại thích sử dụng tiêu chuẩn kép? Bởi vì, khi sử dụng tiêu chuẩn kép, chúng ta có thể thỏa mãn cho sự ham muốn của chúng ta một cách dễ dàng.

Như câu chuyện nêu trên, nếu người vợ sử dụng tiêu chuẩn đơn, nghĩa là, chị có quyền mua sắm, thì chồng chị cũng có quyền mua sắm.

Nếu chị cảm thấy tài chính gia đình của chị bị eo hẹp, thì chị cũng không nên mua chiếc ví đắt tiền để làm gì, mà chị nên sử dụng những chiếc ví, mà chị đã mua, và cất trong tủ quần áo ra để xài. Như vậy mới là tiết kiệm.

Nhưng ở đây, chị lại cho chị cái quyền, mua những gì chị thích. Chị muốn thỏa mãn cho Ngã thức của chị, mà không hề quan tâm đến sự thỏa mãn về Ngã thức của chồng chị.

Chị đã không ý thức được rằng, khi chị bắt đầu sử dụng tiêu chuẩn kép, cũng có nghĩa là, chị đang “rước” khổ đau vào trong gia đình của chị.

Sự ám ức và không phục của chồng chị, có thể tùy theo định nghĩa, mà anh diễn dịch về sự chịu đựng, yêu thương, như thế nào.

Nếu chỉ một lần thì không sao, vì nguồn năng lượng bất mãn còn nhỏ; nhưng nếu cứ tiếp tục lập đi lập lại, thì nguồn năng lượng kia sẽ được tích tụ lại, và khi nguồn năng lượng đó kết hợp với những nguồn năng lượng khác như: giận, tức, bực, và trở thành nguồn năng lượng không tên, không chế Ngã thức, thì lúc đó, sự bùng nổ, tan vỡ, sẽ trở nên tàn bạo và khốc liệt hơn.

Một đám cháy rừng, không phải bắt đầu bằng một đốm lửa lớn, mà có thể, bắt đầu sự nhen nhúm từ một môi thuốc lá vô tình.

Phần đông chúng ta, cứ quá ý y là, chúng ta hiểu người kia rất rõ ràng. Cho nên, chúng ta cho phép chúng ta, sử dụng tiêu chuẩn kép, mà bắt người kia phải sử dụng tiêu chuẩn đơn.

Nếu có ai đụng chạm đến tiêu chuẩn kép của chúng ta, thì chúng ta sẽ “xù lông” như con nhím, để sẵn sàng làm tổn thương đối phương. Nhưng cũng thật là lạ, nếu ai đó dùng tiêu chuẩn kép, và ép chúng ta phải dùng tiêu chuẩn đơn, thì chúng ta cũng “xù lông” chống trả không kém.

Nghĩa là, chúng ta không chấp nhận chúng ta bị người khác ép chúng ta dùng tiêu chuẩn đơn, nhưng chúng ta lại muốn dùng tiêu chuẩn kép với mình, và bắt người khác phải dùng tiêu chuẩn đơn, và người đó không có quyền phản kháng hay “xù lông” chống lại mình.

Chúng ta đang sống trong thế giới của tương đối, nhưng cách hành xử của chúng ta ứng dụng lại là tuyệt đối. Chính vì vậy, chúng ta không những đã tạo ra khổ đau cho chính chúng ta, mà chúng ta cũng đang tạo ra biết bao khổ đau cho những người chung quanh chúng ta.

Chúng ta thích nói về lòng từ bi, lòng yêu thương, lòng lân mẫn; nhưng trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, chúng ta lại luôn sử dụng tiêu chuẩn kép, chúng ta luôn tạo ra những khổ đau cho mình và cho người.

Vậy thì, những chất liệu như từ bi, yêu thương kia, có “đắt” đâu mà lớn mạnh; trong khi, những chất liệu khổ đau do chính chúng ta, cứ tiếp tục tích lũy, qua cách ứng dụng tiêu chuẩn kép của chúng ta mỗi ngày; và tệ hại hơn, những khổ đau mà chúng ta trao tặng cho người khác, họ cũng “đáp lễ” lại cho chúng ta, đâu có kém hơn chút nào.

Chính vì vậy, cuộc sống của chúng ta luôn “đón nhận” hai nguồn năng lượng của khổ đau. Một do chính chúng ta tạo

ra, và hai, khổ đau của người khác vẫn tiếp tục hiện t ng cho chúng ta mỗi ngày.

Khi sự khổ đau trong chúng ta được tích tụ và lớn mạnh, chúng ta không thể đổi đầu, thì chúng ta lại tìm cách trốn chạy, hay tìm cách đè n n, và một trong những cách chúng ta hay sử dụng nhiều nhất, đó là: đổ lỗi cho người.

Cuộc đời của chúng ta, nếu cứ tiếp tục vướng vào sự trốn chạy, đè n n, và đổ lỗi cho người, thì chúng ta sẽ sống trong khổ đau phiền n o triền mi n, đâu có gì là lạ.

Có một chị, trước những ngày bầu cử tổng thống Hoa Kỳ, chị chọn lựa vị tổng thống đương nhiệm, và cho rằng, vị ứng cử viên tổng thống kia, không xứng đáng.

Thế nên, chị đã cùng với nhóm của chị, tuần hành mỗi cuối tuần, để đi vận động cho vị tổng thống, mà đối với chị, là vĩ đại nhất.

Dĩ nhiên, chúng ta đang sống trong thế giới của tương đối, nếu chị ủng hộ người này, thì cũng có những người khác, ủng hộ người kia. Thế là, đôi bên biến thành hai chiến tuyến, đi công kích và nói xấu lẫn nhau. Họ bàn luận sôi nổi, và tin tưởng rằng, vị tổng thống đương nhiệm nhất định sẽ thắng cử.

Không may cho vị tổng thống đương nhiệm, trong lúc ông đang điều hành quốc gia, thì nước Mỹ lại rơi vào trận đại dịch lớn, trên toàn cầu.

Có lẽ, vì thiếu kinh nghiệm đương đầu với đại dịch, cho nên, vị tổng thống đương nhiệm đã đưa ra những nhận xét

thiếu chính xác về đại dịch, nên đã khiến cho rất nhiều con dân của ông đã chết trong cơn đại dịch.

Khi được phỏng vấn trên các đài ti-vi và báo chí, người ta hỏi ông, tại sao lại đưa ra những thông tin hay nhận xét không đúng với sự thật về đại dịch.

Ông đã trả lời: vì ông không muốn quần chúng lo sợ về dịch, nên ông đã dùng những thông tin trên, để “trấn an” quần chúng. Đối với ông, ông không tin có con vi khuẩn tạo ra đại dịch.

Không may cho ông, sau đó, chính ông lại là người bị con vi khuẩn mà ông không tin đó “thâm nhập” vào trong cơ thể của ông. Với một đội ngũ Y khoa giỏi, chuyện ông vượt qua sinh tử cũng khá dễ dàng.

Chỉ khoảng hai tuần chữa trị, thì ông đã bình phục, và tiếp tục cuộc vận động tranh cử cho chức vụ tổng thống nhiệm kỳ hai của ông.

Mặc dù, ông được sự ủng hộ khá đông của quần chúng, nhưng vì số người chết vì đại dịch quá nhiều; nên kết quả cuối cùng, ông thất cử; và vị ứng cử viên tổng thống, chính thức trở thành tổng thống.

Khi vị tổng thống mà chị yêu quý và kính phục bị thất cử, thì chị rất đau buồn, nên chị cùng nhóm của chị, quyết định, chống lại vị tổng thống mới đến cùng.

Khi vừa nắm quyền tổng thống, vị tổng thống mới đã dồn mọi nguồn lực của quốc gia cho việc chống dịch. May cho ông, lúc đó, đã có những viện bào chế tìm ra được vắc xin

(vaccine) chống dịch.

Tuy vị tổng thống mà chị yêu quý không kêu gọi trực tiếp, là không nên chích vắc xin; nhưng trong những thông điệp

của ông, thì gián tiếp nhắc đến điều đó. Cho nên, phần lớn những người ủng hộ vị cựu tổng thống, nhất định không chịu chích vắc xin (vaccine); mặc dù, chích ngừa hoàn toàn miễn phí.

Cũng xui cho chị, là chị bị trúng dịch. Cho nên, cả chị và gia đình chị phải đi chích ngừa. Tuy vậy, chị vẫn không tin là con vi khuẩn có thật, mà chỉ do chính quyền đặt ra để không chế quân chúng.

Vài tháng sau, đứa con của chị, sống ở tiểu bang khác gọi cho chị, và báo sẽ về thăm chị, vì tiểu bang nơi con chị sinh sống, là tiểu bang ủng hộ vị cựu tổng thống, nên không chịu chích ngừa. Vì thế, nên anh và vợ của anh, không thể đi làm được.

Khi gọi điện thoại cho chúng tôi, chị lên án những người không chịu chích ngừa, nên mới ảnh hưởng đến sự nghiệp của con và dâu của chị. Chị gọi những người không đi chích ngừa, tin vào vị cựu tổng thống, là nhưng kẻ “cực đoan”; trong khi, ngày xưa, khi đối lập với nhóm khác, họ gọi chị là “cực đoan”, thì chị lại cho, chị là chính nghĩa.

Nhưng lạ thay, nay, cũng với những người “trung thành” với vị cựu tổng thống như chị lúc xưa, khi ảnh hưởng đến gia đình của chị, lại biến thành kẻ “cực đoan” trong suy nghĩ của chị.

Những câu chuyện về tiêu chuẩn kép, chúng ta gặp trong đời, nếu có thể ghi chép lại, có thể thành một thư viện khổng lồ; vì ai trong chúng ta, không ít thì nhiều, cũng đều sử dụng tiêu chuẩn kép trong cuộc đời của mình.

Chúng tôi cũng như bạn, cũng đã từng sử dụng tiêu chuẩn kép, trong cuộc đời của chúng tôi. Nhưng từ ngày chúng tôi bắt đầu sử dụng sự quan sát và nhìn sâu, để thấy được những hậu quả, mà tiêu chuẩn kép đã để lại cho chúng tôi, thì chúng tôi bắt đầu chấm dứt sử dụng tiêu chuẩn kép.

Còn bạn thì sao, bạn vẫn còn đang tiếp tục sử dụng tiêu chuẩn kép trong cuộc đời của bạn, và bạn tiếp tục tích lũy khổ đau cho bạn, và những người chung quanh bạn; hay bạn lựa chọn, cách đem đến hạnh phúc và an lạc cho bạn, và cho người, qua cách sử dụng tiêu chuẩn đơn?

Dĩ nhiên, chỉ có bạn mới có thể đưa ra quyết định cuối cùng là gì. Nhưng có một điều bạn luôn ghi nhớ, nếu bạn đã đưa ra quyết định lựa chọn nào, thì bạn phải chịu trách nhiệm với quyết định đó.

Bạn đừng đòi hỏi có quyền quyết định, nhưng khi xảy ra hậu quả, thì bạn lại bắt người khác phải gánh chịu hậu quả do bạn gây ra, và coi đó là chuyện tất nhiên.

Trên đời này, khó có ai có thể chấp nhận cách sống đó của bạn; và nói chi xa, chính bạn, bạn cũng sẽ không chấp nhận một người nào đó, sống với bạn, mà họ ra quyết định, còn bạn thì đi gánh hậu quả cả.

6 GIAI ĐOẠN TỈNH THỨC

Bạn thân mến,

Trong những ngày qua, chúng tôi có nhận một số điện thư của một số độc giả, sau khi đọc qua những tập Mỗi Ngày Một Chuyện, có những thắc mắc gởi về. Chủ đề hôm nay chúng tôi muốn chia sẻ với bạn về những câu hỏi qua điện thư như sau:

Chào Anh/Chị,

Không biết vì nhân duyên nào đó đẩy đưa, mà em được đọc những tập Mỗi Ngày Một Chuyện của anh và chị chia sẻ. Càng đọc, em lại thấy sao quen quen, mà cũng rất xa lạ.

Quen vì nó gần gũi như hình với bóng, nó thật như những gì đang xảy ra trong cuộc sống hiện tại, nhưng cũng rất xa lạ, vì những gì anh chị chia sẻ, thì hoàn toàn mới lạ, hoàn toàn khác với những gì em đã học trước đây.

Em cảm thấy rất phân vân, không biết đâu mới là sự thật. Chẳng hạn như, khi em học về tỉnh thức thì có 6 giai đoạn như:

1. Lập trình
2. Giác ngộ ban đầu
3. Tỉnh thức – sáng suốt
4. Gỡ nghiệp
5. Sụp đổ
6. An Lạc và thâm nhuần An Lạc

Nhưng trong Mỗi Ngày Một Chuyện, em chưa thấy anh hay chị chia sẻ về từng giai đoạn, nên em không biết đâu mới là đúng để thực hành.

Nếu anh hay chị có chút thời gian, xin vui lòng chỉ dẫn cho em, để em có thể hiểu rõ, và thực hành trong đời sống hàng ngày.

Rất cảm ơn anh chị đã chia sẻ những kinh nghiệm quý báu của anh chị, và xin chúc anh chị một ngày an lành.

Thân Kính

K.

Chào bạn K,

Rất cảm ơn bạn đã bỏ thời gian để đọc những chia sẻ của chúng tôi. Qua điện thư của bạn, chúng tôi cũng xin hỏi đáp lại bạn một số kinh nghiệm của chúng tôi trong tiến trình tỉnh thức và tĩnh thức.

Chúng tôi thì chưa nghe qua về 6 bước tỉnh thức này, nên không biết nội dung như thế nào. Nếu đứng trên góc độ của kiến thức thì sự phân chia đó, cũng rất chuẩn.

Bởi vì, nếu muốn hướng dẫn cho người khác, thì chúng ta phải có phương pháp; nghĩa là, phải phân chia ra từng phần một thì người thực tập mới biết để làm theo.

Nhưng đứng trên góc độ của nhận thức hay trải nghiệm của một cá thể, đi từ bản ngã đến bản thể, thì lại tạo ra vấn đề. Vấn đề gì đây? Vấn đề là, chúng ta sẽ chấp vào những bước,

những thỏa mãn với những tầng lớp, hay phương pháp mà chúng ta đặt ra.

Thí dụ, trong phương pháp của bạn có 6 bước, thì bước đầu tiên là lập trình, bước thứ hai là giác ngộ ban đầu, v.v.

Chúng tôi không biết diễn giả dùng từ “lập trình” ở đây là gì? Có thể, đó là những niềm tin, mà chúng ta đã tích lũy bấy lâu, mà chưa được kiểm chứng. Chính những niềm tin này, là chỗ dựa của Ngã thức để hành xử trong cuộc đời.

Vì niềm tin chưa được kiểm chứng, đa phần đều là những sản phẩm từ sự phỏng đoán hay tưởng tượng từ Ý thức. Cho nên, niềm tin của chúng ta, mới không nhìn đúng với sự thật. Vì vậy, khi chúng ta dựa trên niềm tin đó, chúng ta hay rơi vào những quyết định sai lầm; và từ đó, tạo ra những khổ đau trong cuộc sống.

Nếu chúng ta, khi có mặt của những khổ đau, và biết cách đi giải quyết những sự khổ đau đó một cách rít ráo, thì chúng ta sẽ có được sự bình an. Sự bình an này, có thể dài bao lâu, tùy thuộc vào mỗi chúng ta, có đặt bình an là mục đích sống của chúng ta hay không?

Nếu chúng ta không đặt an làm mục đích sống của chúng ta, thì sau khi chúng ta giải quyết được một vấn đề xong, và có an, thì khi vấn đề khác đến, mà chúng ta lại trốn chạy, hay đè nén, thì cho dù, chúng ta có giải quyết vấn đề kia một cách rít ráo, cũng không đem đến cho chúng ta được an lâu dài như chúng ta nghĩ.

Sự thật, trong cuộc sống của chúng ta, có muôn ngàn vấn đề, mà chúng ta phải đương đầu liên tục; chứ không phải,

chúng ta chỉ có một vấn đề.

Dĩ nhiên, nếu chúng ta chỉ có một vấn đề để giải quyết, thì khi giải quyết vấn đề đó một cách triệt để, chúng ta sẽ có an liên tục hay an tuyệt đối là chuyện đương nhiên.

Vì vậy, nên diễn giả mới cho rằng, có bước giác ngộ ban đầu. Có nghĩa là, khi chúng ta chấp nhận chúng ta có vấn đề, thì chúng ta mới bắt đầu đặt những câu hỏi để tìm lại chính mình.

Có thể, đối với diễn giả, khi đang sống quay cuồng trong khổ đau, nhưng đột nhiên, chúng ta dừng lại; và sau đó, đặt câu hỏi cho chính chúng ta, khiến chúng ta phải suy nghĩ đến những nhận thức sai lầm của chúng ta.

Chúng tôi thật không hiểu rõ định nghĩa của bốn chữ “Giác Ngộ ban đầu” ở đây là gì theo ý diễn giả. Nếu dựa trên tiến trình, thì chúng tôi tạm diễn dịch là tiến trình nhận dạng.

Tiến trình nhận dạng là tiến trình qua sự trải nghiệm của khổ đau, mới phát hiện ra sự khổ đau đang có mặt, và đang tàn phá cuộc đời của chúng ta, và chúng ta không muốn điều đó xảy ra cho chúng ta nữa, nên chúng ta muốn đi tìm ra phương pháp để giải thoát.

Chính vì, có quyết tâm đi tìm con đường giải thoát; cho nên, chúng ta, thay vì, cứ quay cuồng theo khổ đau, thì chúng ta dừng lại, và bắt đầu tập quan sát và nhìn sâu vào vấn đề. Chính vì có quan sát và nhìn sâu, nên chúng ta có thể biết được nguyên nhân tạo ra vấn đề.

Bốn chữ “tỉnh thức – sáng suốt” của diễn giả ở đây, có thể đang muốn diễn đạt cách tìm ra gốc rễ của vấn đề, và sau đó, đi giải quyết vấn đề qua hai chữ “gỡ nghiệp”.

Chúng tôi thật sự cũng không hiểu được định nghĩa chữ “nghiệp” của diễn giả là gì, nên không thể diễn giải được.

Sau khi đã “gỡ nghiệp” rồi, thì đến “sụp đổ”. Chúng tôi cũng không biết sẽ “sụp đổ” cái gì. Có thể là, sự sụp đổ những nhận thức sai lầm trong quá khứ, mà chúng ta đã tin theo, mà không qua kiểm chứng.

Nhưng vì, nay qua tiến trình kiểm chứng, thực chứng, thì chúng ta biết được niềm tin đó hoàn toàn sai sự thật. Cho nên, niềm tin đó sụp đổ, và được thay thế bằng một niềm tin mới chẳng?

Dĩ nhiên, khi chúng ta đã giải quyết vấn đề một cách rõ ràng, và trong Ngã thức của chúng ta, không còn bất cứ một sự lo âu, phiền não, hay khổ đau nào, thì chúng ta có được an và sau an là lạc.

Còn việc, “thâm nhuận An Lạc” thì chúng tôi cũng không hiểu định nghĩa hai chữ “thâm nhuận” là gì, nên không biết diễn giả đang muốn diễn đạt vào phần nào.

Nếu đứng trên góc độ đi từ bản ngã đến bản thể, thì 6 bước mà bạn học, cũng có thể gọi là những phương pháp để giúp cho bạn nhận ra được lộ trình của bạn đang đi. Đó gọi là cái lợi; nhưng cái hại là, nếu bạn dựa vào lộ trình này, mà tu tập hay để nâng cấp trình độ, thì bạn sẽ không có khả năng để tiếp cận với bản thể.

Một cá nhân thật sự muốn đi từ bản ngã đến bản thể, thì phải tự trải nghiệm, chứ không thể nương tựa trên bất cứ phương pháp nào. Đây là sự khác biệt đầu tiên giữa kiến thức và nhận thức.

Đứng trên góc độ của kiến thức, thì chúng ta phải phân chia thành từng giai đoạn; bởi vì, giai đoạn này là nền tảng căn bản cho giai đoạn kia.

Thí dụ, bạn muốn giải được phương trình bậc hai, thì bạn phải biết căn bản về bốn phép tính: cộng, trừ, nhân, chia. Nếu bạn không có căn bản, và không thật sự hiểu rõ về bốn phép tính trên, thì bạn không thể nào học được cách giải phương trình bậc hai.

Cho nên, khi đứng trên góc độ về kiến thức, sự phân chia giai đoạn, hay những phương pháp từ cơ bản đến cao cấp, là việc làm rất cần thiết. Bởi vì, nếu không có sự phân chia này, chúng ta sẽ bị choáng ngợp trước một rừng kiến thức trộn lộn vào nhau.

Nhưng đứng trên góc độ về nhận thức, thì sự phân chia giai đoạn, hay nâng cấp trình độ, lại hoàn toàn không thể áp dụng.

Thí dụ, khi bạn nhìn con chó và chúng tôi hỏi bạn, bạn đang nhìn con gì đó? Bạn chỉ có thể trả lời là, bạn đang nhìn con chó, chứ bạn không thể trả lời là, chúng tôi đang nhìn con gì đó, mà có tai giống con chó, vì chúng tôi chỉ mới học để nhận dạng được, đó là tai con chó.

Trong nhận thức thì rất đơn giản và rõ ràng, một là bạn nhận ra sự thật, hai là bạn không nhận ra sự thật, chứ không có

giai đoạn chung chung ở chính giữa, là bạn nhìn được một nửa sự thật, hay hai phần ba sự thật.

Cho nên, trong nhận thức, nhất là nhận thức về sự thật của một cá thể, đi từ bản ngã đến bản thể, người đó không thể nương tựa trên bất cứ phương pháp nào, hay của bất cứ một người trải nghiệm nào; mà cá thể đó, phải tự chính mình đi kiểm nghiệm và thực nghiệm trên chính bản thân mình.

Chúng ta, chỉ nên dùng những phương pháp hay kinh nghiệm, trải nghiệm của người khác để chúng nghiệm khi chúng ta đã tiếp xúc được với sự thật.

Mục đích của Mỗi Ngày Một Chuyện, không phải là những chia sẻ về tiến trình, đi từ bản ngã đến bản thể. Vì chúng tôi biết được rằng, mỗi cá nhân đều có những kinh nghiệm, và cách diễn dịch định nghĩa riêng.

Cho nên, chỉ có chính người đó, mới tìm ra phương pháp thích hợp nhất cho người đó. Ngoài người đó ra, không ai có thể có phương pháp nào đúng nhất cho người đó.

Dĩ nhiên, chúng ta có quyền tham khảo những kinh nghiệm hay trải nghiệm của người khác; nhưng đó, chỉ là những thông tin, mà không phải niềm tin, hay sự thật, mà chúng ta nên chú trọng vào.

Phần lớn ngày nay, khi chúng ta học một điều gì từ ai đó, thì chúng ta hay sử dụng những phương pháp, được phân chia theo kiến thức, mà không phải là nhận thức.

Cho nên, chúng ta phí rất nhiều thời gian để trải qua nhiều giai đoạn. Mỗi giai đoạn, chúng ta trải qua, chúng ta đặt cho

nó một giá trị; và chúng ta tự hào về những giá trị mà chúng ta đã trải qua.

Chúng ta không biết được rằng, khi chúng ta chấp vào những giai đoạn chúng ta đã trải qua, thì chúng ta đang tạo ra những rào cản, không cho chúng ta tiếp xúc với sự thật.

Không ít những người trong chúng ta, thay vì, đi tiếp tới sự thật, thì chúng ta dừng lại nơi những thành quả đó, và phóng tưởng, đó chính là sự thật.

Chúng ta càng học nhiều bao nhiêu, thì Ý thức của chúng ta càng phân tích rộng bấy nhiêu, thì niềm tin trong Ngã thức của chúng ta càng tin sâu sắc bấy nhiêu.

Khi niềm tin trong Ngã Thức của chúng ta càng tin sâu sắc hơn, thì niềm tin trong Ngã thức của chúng ta sẽ tiếp tục củng cố thành trì thêm kiên cố bấy nhiêu.

Cho nên, khi niềm tin trong Ngã thức của chúng ta đã xây vững thành trì vững chắc, thì cuộc đời của chúng ta sẽ bị giam cầm trong thành trì đó suốt đời, khó mà thoát ra được.

Trong Mỗi Ngày Một Chuyện, sở dĩ, chúng tôi không đưa ra những phương pháp hướng dẫn bạn đi từ bản ngã đến bản thể, có vài lý do, như sau:

- 1- Mỗi người chúng ta, nếu muốn đi đến bản thể của mình, thì phải tự đi bằng chính đôi chân của mình, mà không thể sử dụng đôi chân của người khác.
- 2- Chỉ khi, chúng ta đi bằng chính đôi chân của chúng ta, chúng ta mới biết đích chúng ta muốn tới là gì; và

chỉ như thế, chúng ta mới kiên trì để đi đến cùng, mà không bỏ cuộc nửa chừng.

- 3- Đã có quá nhiều diễn giả chia sẻ kinh nghiệm, hay trải nghiệm, trên tiến trình đi từ bản ngã đến bản thể; cho nên, nếu có thêm phần chia sẻ của chúng tôi hay không thì cũng không cần thiết.
- 4- Trong khi, tiến trình ứng dụng của dụng nghiệm (đi từ bản thể về lại bản ngã) thì lại có rất ít diễn giả chia sẻ.

Cho nên, Mỗi Ngày Một Chuyện chỉ tập trung chia sẻ với bạn, những gì chúng tôi đang học và hành trong đời sống hàng ngày, để kéo dài An, hơn là, chia sẻ những phương pháp giúp bạn tiếp xúc với bản thể của bạn.

Đi tìm về bản thể của chính mình, là một hành trình dài hay ngắn, tùy theo kinh nghiệm tích lũy của mỗi người. Nói đến việc đi từ bản ngã đến bản thể, thì Thiền là một trong những phương pháp khá độc đáo.

Đây là câu chuyện đã xảy ra với chúng tôi khoảng hơn ba mươi năm về trước, khi có một bậc thức giả đến để tham vấn về Thiền.

Khi vị thức giả gặp chúng tôi hỏi "Tâm là gì?", chúng tôi nói: Xin ngài đặt câu hỏi, rồi tự trả lời. Sau đó, chúng tôi xin góp ý.

Thức giả: Tâm?

Thức giả trả lời: Âm

Góp ý: Trâm

Thức giả: Tâm?

Thức giả trả lời: Lâm

Góp ý: Lâm

Thức giả: Tâm?

Thức giả trả lời: Câm

Góp ý: Câm

Một người khách khác ngồi ngoài nghe đôi thoại bỗng thốt:

HÂM

Nếu chúng tôi dừng lại câu chuyện ở đây, thì sẽ khiến cho rất nhiều bạn sẽ “điên đầu” để hiểu cuộc đôi thoại của chúng tôi với vị thức giả kia là gì.

Nhưng nếu bạn đọc tiếp những lời giải thích của chúng tôi thì bạn sẽ thấy, cũng không có gì là “bí hiểm” lắm.

Ngày xưa, những người khao khát học đạo, đến gặp thiền sư, chỉ mong duy nhất có một điều, đó là, được thiền sư điểm đạo.

Khi họ đến, họ mang theo những kiến thức, những tư tưởng, suy nghĩ, so sánh của riêng mình, và cho đó là đúng nhất.

Nên trong sách thiền, gọi họ là thức giả, nghĩa là, những người chỉ biết lý thuyết, mà không bao giờ biết thực hành.

Trái với thức giả, là Tuệ giả, người giỏi cả lý thuyết lẫn thực hành.

Câu chuyện bắt đầu, khi vị thức giả hỏi tâm là gì?, và ông thao thao bất tuyệt, chứng minh hết sách này đến sách kia, để chứng minh là ông biết thế nào là Tâm. Ông dùng âm thanh để diễn tả nên có chữ “Âm”.

Sau khi, nghe xong vị thức giả trình bày, chúng tôi mới góp ý bằng chữ “Trầm”, có nghĩa là, hôn trầm/u mê.

Vị thức giả, sau khi nghe, và biết mình chưa chuẩn, nên tiếp tục lý luận.

Nếu không thể dùng âm để giải được tâm thì người tu đạo phải lên rừng (Lâm) để tu tập. Vì thế gian này, ô trọc quá, không xứng đáng để ở lại, tìm tâm.

Nghe xong, chúng tôi mới góp ý, bằng chữ “Làm”, vì Tâm vốn ở khắp mọi nơi, chứ chẳng phải cứ lên rừng ở, mới có Tâm, còn ở giữa chợ thì không có Tâm.

Sau khi nghe chúng tôi góp ý, vị thức giả cũng hỏi Tâm là gì? nhưng không dùng kiến thức để lý luận so đo nữa, ông Câm = im lặng, và nhìn sâu vào trong tâm thức của mình, và nhận diện được Tâm ở khắp nơi.

Trạng thái im lặng và nhìn sâu vào nội tâm của người thức giả này, đã tự mình trả lời được câu hỏi tâm là gì? nên chúng tôi mới góp ý bằng chữ “Cầm”.

Chữ “Cầm” ở đây, có nghĩa là, chúng tôi đã trao cho người thức giả chiếc chìa khoá, để mở ra cánh cửa Tâm. Trong

Thiền học, gọi đó là "trao truyền tâm ấn".

Có một người khách khác, mà người này không bao giờ khát khao tìm đạo; nên khi chứng kiến hành động đối đáp của vị thức giả với chúng tôi, thì cho là Hâm = khùng.

Chúng tôi ghi lại bài thơ này, để diễn tả về các trạng thái tâm lý của ba nhân vật: thức giả, chúng tôi và người khách khác.

Cùng một vấn đề, mà 3 người có những nhận thức khác nhau, và đều đưa ra ba trạng thái hay kết quả khác nhau.

Tuy cả ba đều là Tâm, nhưng Tâm bất tận không cùng. Khi tâm ở người thì là tâm người. Khi Tâm ở thú thì thành tâm thú, và khi ở hoa thì thành tâm hoa.

Nên mới có câu: "một là tất cả - tất cả là một" là vậy. Người thức giả thì phân chia tâm ra có cao, có thấp, có tử, có sinh, có thanh, có trọc... rồi đắm chìm trong so đo; mà bỏ tâm lại cho riêng mình. Nên khi thấy mất đi thì tiếc, lấy được thì mừng.

Ngược lại, người thực nghiệm và dụng nghiệm vì biết tâm ở khắp mọi nơi, nên sống hay chết, mất hay được, cũng là chuyện tự nhiên, như hoa và rác.

Phân rác, không vì mình có mùi hôi mà coi thường mình, ngược lại, vẫn toàn tâm toàn ý, biến thành những chất dinh dưỡng để nuôi hoa.

Hoa cũng không vì mình có hương sắc, mà dám coi thường phân rác; vì hoa biết, ngày mai kia, mình cũng sẽ là phân

rác, để tiếp tục công hiến dinh dưỡng cho những bông hoa kế tiếp.

Thiền là thế. Không phải dùng kiến thức để tranh luận, so đo, đâu cao đâu thấp, mà dùng sự nhìn sâu để biết được mình.

Nhưng với ngày nay, Thiền lại khác. Có muôn ngàn cách trình bày, hướng dẫn. Mục đích cuối cùng thì cũng giống nhau, nghĩa là tiếp cận được với bản thể.

Cho nên, nếu bạn cần một lời góp ý, thì chúng tôi chỉ xin góp ý với bạn là, bạn hãy tự mình thấp đuốc mà đi. Vậy bạn sẽ thấp đuốc như thế nào?

Có vài điều bạn có thể suy ngẫm:

- Hãy tìm hiểu kỹ càng về định nghĩa của bạn, nhất là những định nghĩa liên quan đến cảm xúc/giác
- Hãy xác định lại mục đích sống của bạn có phải là an lạc và hạnh phúc không, và nếu bạn có mục đích an thì mục đích đó là dài hạn hay ngắn hạn?
- Dù bạn lựa chọn phương pháp nào để đi theo, thì bạn phải đem điều bạn học, áp dụng vào trong thực hành, chứ đừng có học, hay ôm đồm cả đống phương pháp, mà bạn không thực hành gì cả.
- Khi học bất cứ một phương pháp nào thì bạn chỉ xem những bài học đó là những thông tin, và bạn cần phải đi kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm.

- Sau khi, trải qua ba tiến trình trên, mà kết quả ra đúng với những bài học mà bạn học, thì lúc đó bạn mới tin. Bạn chỉ nên tin vào kết quả, qua sự kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm trên bản thân của bạn.
- Sau đó, bạn phải thực tập liên tục phương pháp mà bạn đã trải nghiệm, để trở thành một thói quen; và bạn sẽ sử dụng thói quen này, trong sự sinh hoạt của bạn với những người chung quanh bạn.

Nếu bạn có thể làm được những điều nêu trên, thì bạn có thể tiếp xúc với bản thể, hay sự thật, cũng không có gì là khó khăn lắm.

Đuốc thì đã có trong tay của bạn, mỗi lửa thì cũng có sẵn trong tay của bạn, bạn có muốn thắp đuốc cho bạn đi hay không thì chỉ có bạn mới biết, bạn thật sự cần hay không cần ánh sáng mà thôi.

Mong thay, với sự thực hành nghiêm túc của bạn, bạn sẽ sớm tiếp xúc được với bản thể của bạn. Thật mong lắm thay.

AI CẦN AI?

Bạn thân mến,

Chủ đề hôm nay chúng tôi muốn chia sẻ với bạn cũng hơi lạ, đó là, ai cần ai?

Nếu nhìn về thưở hồng hoang của con người, thì con người có thể là loại động vật yếu đuối nhất, nếu đem so với những chú khỉ long, hay những con voi, tê giác, khổng lồ.

Còn nếu đem so khả năng của con người với các loài động vật khác trong hiện tại, thì mũi của con người không thính hơn mũi của con chó. Hay mắt của con người thì không tinh bằng mắt con chim đại bàng, từ trên không, cách cả cây số, vẫn có thể nhìn thấy rõ con mồi, và có thể lao nhanh xuống đất để bắt con mồi.

Thậm chí, nếu đem so con người với con kiến bé li ti, thì con người cũng thua luôn con kiến. Vì sao? Vì con kiến có khả năng nâng được một vật nặng hơn cả chục lần so với cơ thể của kiến, còn con người thì lại không.

Cho nên, vì sự sinh tồn, con người của ngày xưa, đã biết sống theo bầy đàn, để hỗ trợ lẫn nhau, chống lại những loài động vật khác. Tinh thần bầy đàn này, vẫn được tiếp tục trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, và vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Vì vậy, là con người, chúng ta luôn sống và cần đến những người khác. Cho nên, ai cần ai, cũng là một đề tài khá thú vị mà chúng ta ít khi để ý đến.

Trong sinh hoạt về tâm linh, có một chị, nhà của chị có rất nhiều vấn đề, nên đến nhờ chúng tôi giúp cho chị cách giải quyết vấn đề, mà chị đang bất an.

Chị than thở đủ điều, từ đứa con lớn của chị đã làm dược sĩ, đến đứa con nhỏ của chị, đã tốt nghiệp đại học, nhưng vẫn lông bông chưa thích đi làm.

Chúng tôi vẫn ngồi yên lặng và lắng nghe những tiếng thở dài và than thở của chị. Sau khoảng bốn tiếng thở than thì chị bắt đầu ra điều kiện cho chúng tôi, nếu muốn giúp chị giải quyết sự bất an của chị.

Điều kiện của chị là, chúng tôi phải bảo đảm sẽ giải quyết sự bất an của chị một cách rất ráo; nếu không, chúng tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự bất an của chị.

Nghe xong những điều kiện của chị, chúng tôi chỉ cười; vì không biết phải nói gì với chị. Hình như chị đang quên mất là ai cần ai?

Chị đến sinh hoạt tâm linh với chúng tôi, thì hoàn toàn miễn phí. Ngay cả những khi chúng tôi đóng vai trò cố vấn, thì cũng không tính tiền. Vậy, tại sao chúng tôi lại phải chịu trách nhiệm cho việc giải quyết sự bất an của chị, và phải bảo đảm là chị có an.

Rõ ràng, sự thật, chị đang cần chúng tôi giúp chị, có những góc độ nhìn mới, để giải quyết vấn đề của chị; nhưng cách hành xử của chị, lại biến chúng tôi thành người, cần sự bất an của chị để giải quyết.

Cho nên, chúng tôi phải bảo đảm với chị là, giải quyết được vấn đề của chị; nếu không, chị sẽ không đưa sự bất an của chị cho chúng tôi giải quyết.

Mặc dù, nhân sinh quan sống của chúng tôi là, làm Lợi cho người khác Dụng, nhưng không có nghĩa là, chúng tôi có thể làm bất cứ gì, ngoài tâm với của chúng tôi.

Chị bất an thì có vô vàn nguyên nhân; mà ngay cả chính chị, còn không biết rõ; thì làm sao, chúng tôi có thể làm được chuyện “phi thường” này. Thế mà, chị lại bắt chúng tôi phải thực hiện, nếu muốn giúp chị.

Chúng tôi thật sự đâu có muốn giúp chị. Vì đâu phải, chỉ có chị mới có bất an không đâu; mà chúng tôi cũng có, và vẫn đang nỗ lực giải quyết từng ngày.

Cho nên, chúng tôi không cần thêm sự bất an của chị. Điều mà chúng tôi có thể làm cho chị là, chia xẻ lại những phương pháp, mà qua ứng dụng, chúng tôi đã rút tĩa lại cho chúng tôi sử dụng; và chính chị, phải là người đích thân đi giải quyết vấn đề bất an của chị, chứ không phải là chúng tôi.

Chị phải ý thức được ai cần ai? Nếu chị không hiểu được rõ ràng điều này, thì cuộc đời của chị sẽ kéo dài trong bất an và trong đau khổ. Vì sự thật, sự đòi hỏi của chị là không tưởng, và không ai có thể làm được cho chị, trừ chính chị.

Tiếc thay, chị lại không muốn gánh trách nhiệm về sự bất an của chị; mà chị lại đi bắt người khác phải gánh lấy sự bất an của chị; và phải chịu trách nhiệm về sự bất an của chị, nếu như chị không giải quyết được.

Lại là một câu chuyện khác về ai cần ai?

Có một cặp vợ chồng, không biết do ai giới thiệu, nên biết nơi sinh hoạt tâm linh của chúng tôi, và đã đến thăm. Khi vợ chồng nhấn chuông, chúng tôi đang bận việc, nên không ra mở cửa.

Anh chị tiếp tục nhấn chuông liên tục; cho đến khi, chúng tôi giải quyết xong việc, mới ra mở cửa. Vừa gặp mặt chúng tôi, anh chị đã lớn giọng nói:

“Sao nơi sinh hoạt về tâm linh mà cửa lại đóng, và khi chúng tôi đã nhấn chuông nhiều lần thì mới ra mở cửa. Có biết, thời gian của chúng tôi thật quý lắm không?”

Chúng tôi nghe xong chỉ mỉm cười, vì chúng tôi biết, anh chị này chưa biết gì về nơi sinh hoạt tâm linh của chúng tôi. Nơi sinh hoạt này, ban đầu, do chúng tôi lập ra như một phương tiện giúp chúng tôi thực hành trong đời sống hàng ngày.

Sau đó, những thân hữu của chúng tôi thấy được giá trị từ sự bình an nơi sinh hoạt của chúng tôi, nên mới xin chúng tôi đến sinh hoạt cùng. Chúng tôi chưa hề công bố, đó là nơi phục vụ cho công cộng; cho nên, chúng tôi không nhất thiết phải đáp ứng mở cửa cho anh chị vào.

Điều thứ hai, anh chị biết thời gian của anh chị quý, chẳng lẽ thời gian của chúng tôi không quý sao. Trong khi, anh chị đang cần đến nơi sinh hoạt của chúng tôi để giải quyết vấn đề của anh chị; nhưng anh chị lại biến chúng tôi trở thành, đang cần anh chị, nên phải phục vụ cho anh chị.

Thế nên, sau khi chào hỏi anh chị xong, chúng tôi cũng cho anh chị biết, nơi sinh hoạt tâm linh của chúng tôi không phải là nơi công cộng, và là chốn riêng tư. Vì vậy, chúng tôi không nhất thiết phải mở cửa cho anh chị vào, và cũng yêu cầu anh chị, nếu anh chị có việc muốn đến chỗ sinh hoạt tâm linh của chúng tôi, thì làm ơn phải lấy hẹn trước, chứ không phải, cứ tự động đến, là chúng tôi sẽ mở cửa đón tiếp, và phải phục vụ cho anh chị.

Anh chị có vẻ không hài lòng với câu trả lời của chúng tôi, rồi nói:

“Chúng tôi không phải chỉ đến để xin giải quyết vấn đề, mà không có trả lễ, chúng tôi sẽ cúng dường số tiền lớn.”

Nghe anh chị nói xong, chúng tôi mỉm cười rồi đáp:

Cơ sở sinh hoạt tâm linh của chúng tôi, vốn không hề nhận bất cứ một sự cúng dường nào; dù chỉ là một xu hay một cắc. Cho nên, anh chị có cúng dường cả triệu đô, đối với chúng tôi cũng vô nghĩa, vì chúng tôi không cần đến.

Anh chị nghe xong không vui ra vẻ; không biết, khi anh chị về, anh chị có nghĩ đến ai cần ai không?

Đời sống của chúng ta, không ít thì nhiều, chúng ta luôn cần đến người khác. Chúng ta có thể cần đến sự giúp đỡ của họ trong vấn đề này, hay trong vấn đề khác.

Có đôi khi, chúng ta không cần đến sự giúp đỡ của họ, mà chúng ta chỉ cần sự có mặt của họ, cũng đem đến cho chúng ta sự bình an.

Vì vậy, khi chúng ta cần một ai đó, thì chúng ta phải xác định rõ ràng, chúng ta là người đang cần người khác giúp, và chúng ta đừng nên, đặt những điều kiện với người chúng ta cần họ giúp; vì họ không có bổn phận hay trách nhiệm phải giúp chúng ta.

Nếu chúng ta muốn làm theo cách của chúng ta, thì chúng ta nên tự mình làm lấy; vì chỉ có chúng ta, mới biết chúng ta cần gì nhất, và chính xác nhất.

Chúng ta đừng cho chúng ta có cái quyền là, muốn giúp chúng ta, thì phải làm theo những điều kiện của chúng ta.

Đây không phải là cách ứng xử của người đi cần người khác giúp, mà chúng ta đang là người ban phát sự giúp cho người khác.

Lầm lẫn trong việc đi nhờ người khác, thành người ban phát cho người khác, thì sự thiệt thòi chắc chắn sẽ thuộc về chúng ta.

ÁM THỊ

Bạn thân mến,

Mỗi ngày, không ít thì nhiều, chúng ta đều sử dụng đến sự ám thị, mà ngay cả chính chúng ta cũng không biết, hay không để ý đến.

Vậy Ám Thị là gì? và công dụng của ám thị như thế nào? chính là chủ đề hôm nay chúng tôi muốn mời bạn cùng quan sát và nhìn sâu.

Theo định nghĩa, Ám Thị là dùng phương pháp gián tiếp, hàm súc để biểu đạt ý tứ; hay theo tâm lý học, là dùng ngôn ngữ, khiến cho Ý thức không còn biết suy xét mà tiếp nhận ý kiến, hoặc làm việc gì từ một ai đó.

Thí dụ, khi chúng tôi còn nhỏ, chưa hề biết ma là gì, nên chúng tôi không hề sợ ma. Có những lần, người hàng xóm họ đem những câu chuyện về ma và kể cho chúng tôi nghe.

Hình ảnh của những con ma được họ “vẽ” trong Tiềm thức của chúng tôi bắt đầu có mặt, và bắt đầu được đưa vào trong kho của Ngã Thức, hình thành cảm xúc sợ ma. Ma thì luôn được “đánh đồng” với những gì u ám, đen tối, nên màn đêm trở thành thế giới sinh hoạt của ma.

Thế là, từ ngày có những hình ảnh ma trong Tiềm thức, và Ngã thức, thì chúng tôi bắt đầu sợ ma. Không những chúng tôi sợ ma, mà chúng tôi còn sợ cả bóng đêm.

Vì thế, cứ mỗi đêm đi ngủ, chúng tôi tìm mọi cách để nằm ngủ chung với các chị em, và thường hay chọn nằm chính giữa.

Hình ảnh những con ma này, đeo bám chúng tôi “dai dẳng”; cho đến khi, chúng tôi rơi vào thế, không còn sự lựa chọn, phải nằm trên những ngôi mộ để ngủ thì mới chấm dứt.

Sau này, khi có dịp nghiên cứu về lĩnh vực ám thị, chúng tôi mới biết, thì ra, chúng tôi đã bị người hàng xóm ám thị chúng tôi, mà chúng tôi chẳng hề hay biết gì cả.

Người hàng xóm của chúng tôi không phải là người xấu, muốn đi hại chúng tôi; nhưng vì, người hàng xóm đó, không biết ám thị là gì, nên đã vô tình sử dụng ám thị trên chúng tôi, mà không hề hay biết.

Ngày nay, nếu nói đến Google thì không ai trong chúng ta xa lạ gì cả. Google, ban đầu chỉ là tên gọi của một công ty; nhưng nay, Google đã có riêng cho mình một định nghĩa, là công cụ tìm kiếm thông tin về ai đó, hoặc điều gì đó, trên internet.

Có nhiều người ở Việt Nam, lại còn ví von cho rằng, “muốn biết gì, thì cứ lên hỏi bác Google thì biết”. Nói như vậy, để thấy, Google đã trở thành một thư viện mở; mà khi chúng ta muốn biết gì, thì cứ lên thư viện đó để kiếm tìm.

Thư viện của Google, nếu đem so với tất cả các thư viện khác, thì không có thư viện nào có thể sánh được. Vì trên Google, chúng ta có thể có rất nhiều thông tin; thật có, giả có, trên mọi góc độ, mà chúng ta muốn tham khảo, hay kiểm chứng.

Cái hay của Google ở chỗ đó, và cái dở của Google cũng ở chỗ đó. Nếu chúng ta là người thích quan sát và nhìn sâu nhiều góc độ, thì Google đúng là một công cụ hữu ích, giúp cho chúng ta, có nhiều thông tin để có thể kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm.

Nhưng cái dở của Google là, những thông tin thật giả lẫn lộn với nhau, mà không hề có sự sắp xếp; đâu là tốt, là đúng; đâu là sai, là xấu, lại khiến cuộc đời của chúng ta thêm khổ đau. Vì sao?

Vì những thông tin đó, sẽ tạo ra những kiến chấp, khi chúng ta sử dụng Google bằng Trí; nghĩa là, khi chúng ta nhìn nông; chúng ta không đi kiểm nghiệm, thực nghiệm, mà lại tin ngay vào những thông tin đó, và coi đó là sự thật.

Sở dĩ, chúng tôi phải dài dòng một chút về Google, vì trong Google, có một chức năng gọi là “Auto-Suggest” tạm dịch là, gợi ý tự động, hay đúng hơn là, ám thị. Có nghĩa là, khi bạn bắt đầu đánh chữ bạn muốn tìm, thì Google sẽ gợi ý cho bạn thêm những chủ đề khác.

Có đôi khi, thay vì, chúng ta chú tâm vào việc tìm đúng chủ đề chúng ta muốn tìm, thì chúng ta lại theo những sự gợi ý, hay ám thị của Google, và phiêu lưu vào trong chủ đề gợi ý, mà quên mất đi chủ đề, mà chúng ta đang muốn kiếm tìm.

Cho nên, khi chúng ta sử dụng Google để tìm kiếm các thông tin, thì chúng ta nên cẩn thận; và phải rất ý thức vào những chủ đề, mà chúng ta muốn kiếm tìm; nếu không, chúng ta sẽ bị Google “ám thị” chúng ta, và có thể dẫn chúng ta xa rời mục đích của chúng ta, lúc nào không biết.

Khi một người quen của bạn, có những khổ đau trong cuộc sống, có những suy nghĩ tiêu cực, và muốn tìm đến cái chết, để giải quyết những cảm xúc tiêu cực.

Khi tiếp xúc với bạn, bạn gợi ý, và hướng dẫn cho người đó giải quyết những khổ đau của người đó, và người đó làm theo sự gợi ý của bạn, thì bạn đang sử dụng ám thị với người quen của bạn.

Trong cuộc sống của chúng ta, chúng ta đã và đang sử dụng ám thị; cũng như chúng ta bị ám thị bởi người khác, một cách trực tiếp hay gián tiếp, mỗi ngày. Nếu chúng ta không cẩn thận, hay bị người khác ám thị, thì chúng ta sẽ trở thành con rối lúc nào không hay.

Vậy, làm sao chúng ta có thể tránh trở thành con rối của người khác; hay do tự chính những nguồn năng lượng tiêu cực, khi sử dụng Ý thức để dẫn chúng ta đến những nhận thức sai lầm.

Muốn làm được điều này, chúng ta cần phải hiểu rõ về sự vận hành của các thức. Trong Chín thức có ba thức liên quan đến ám thị, và cách thức sử dụng ám thị, gồm: Ý thức, Ngã thức và Tiềm thức.

Chức năng của Ý thức là khả năng: quan sát, phân tích, so sánh, nhận dạng, tổng hợp, phỏng đoán, tưởng tượng theo chiều nông và sâu.

Chức năng của Tiềm thức là bộ nhớ lâu dài, là kho chứa những thông tin, dữ liệu, có khả năng nối kết các thông tin và dữ liệu lại với nhau.

Chức năng của Ngã Thức là nơi dung chứa những cảm xúc giác, đạo đức, niềm tin, v.v.

Như vậy, khi chúng ta có một ý niệm khởi sinh từ Ngã thức, thì Ngã thức sẽ sử dụng Ý thức để phân tích, so sánh... ý niệm đó.

Muốn phân tích và so sánh, thì Ý thức phải dùng đến kho dữ liệu của Tiềm thức để lấy những thông tin, hay dữ liệu cần thiết cho việc so sánh, quan sát, phân tích, theo chiều nông hay sâu. Chiều nông hay sâu sẽ do Ngã thức muốn chọn chiều nào.

Nếu Ngã thức muốn đột giai đoạn, mà nhìn theo chiều nông, thì Ý thức sẽ sử dụng thêm chức năng phỏng đoán hay tưởng tượng vào để đưa ra kết quả.

Nếu Ngã thức muốn theo chiều sâu thì Ý thức sẽ ứng dụng sự kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm để tìm ra kết quả.

Như vậy, nếu muốn ám thị một người, hay tự ám thị chính chúng ta, thì chúng ta phải tìm cách ngăn chặn sự có mặt của Ý thức.

Nếu chúng ta không thể ngăn chặn được Ý thức, thì Ý thức với khả năng phân tích, so sánh... sẽ không để cho những gợi ý, hay những ý kiến của người khác, tác động; trừ khi, lúc đó, Ngã thức đã chấp nhận, hay tin tưởng người kia, thì Ngã thức mới ra lệnh cho Ý thức vắng mặt, và để cho Ý thức của người kia có mặt, để phân tích hay so sánh dùm cho chúng ta.

Nếu như Ngã thức của chúng ta không chấp nhận, hay không tin người kia, thì Ngã thức sẽ ra lệnh cho Ý thức tìm mọi cách để chống trả lại những sự gợi ý, hay ám thị, của người kia.

Thí dụ, chúng ta tin, nếu trong ba ngày tết, mà chúng ta quét nhà, thì chúng ta sẽ quét hết tiền bạc của chúng ta, trong một năm, ra bên ngoài; và cả năm, chúng ta sẽ gặp khó khăn về tài chính, hay mất mát về tiền bạc.

Mặc dù, chúng ta đã có rất nhiều những chứng minh rằng, chẳng có chứng cứ nào, cho việc quét nhà trong ba ngày tết, sẽ ảnh hưởng đến tài chính của chúng ta cả.

Nhưng đó là niềm tin nơi Ngã thức đã dựa trên đó; nên tuy có những chứng minh theo khoa học, nhưng Ngã thức của chúng ta sẽ ra lệnh cho Ý thức của chúng ta, đi tìm những lý lẽ, để củng cố cho niềm tin của Ngã thức thêm vững chắc, và Ngã thức không chịu thay đổi.

Như vậy, nếu muốn thay đổi sự lựa chọn từ Ngã thức, thì chúng ta có thể sử dụng ám thị, để thay đổi niềm tin nơi Ngã thức.

Muốn thực hiện được sự ám thị có hiệu quả cao, thì người thực hành ám thị, phải biết cách đánh lừa Ý thức của người bị ám thị.

Với những người có kinh nghiệm về ám thị, thì họ sẽ lựa chọn vào lúc ban đêm. Vì sao? Vì lúc đó, Ý Thức và Ngã Thức đã tạm ngưng hoạt động, thì mới dùng những lời ám thị, đưa vào trong Tiềm thức, và lợi dụng chức năng nối kết của Tiềm thức để thay đổi niềm tin.

Thí dụ, nếu chúng ta có đứa con thích quậy phá, và không nghe lời, và chúng ta muốn thay đổi đứa con đó thành đứa trẻ ngoan và dễ bảo, thì chúng ta phải đợi, khi đứa con đó ngủ, thì chúng ta mới bắt đầu ám thị những gì chúng ta muốn đứa con sẽ trở thành.

Chẳng hạn như: “Con là đứa con ngoan, hiếu thảo, có đạo đức, và biết thương người. Mỗi ngày, lòng thương yêu của con sẽ phát triển và hoàn thiện hơn.”

Ngôn ngữ sử dụng trong cách ám thị phải dùng, đó là, những ngôn ngữ không theo dạng phủ định, gồm những chữ như: không, đừng, đừng, phải v.v, mà nên lựa chọn những từ ngữ, đúng như chúng ta mong muốn, mang chiều hướng tích cực hơn tiêu cực.

Tiếc thay, phần đông những người thực hành phương pháp ám thị, vì thiếu kinh nghiệm, nên hay dùng sai cách. Vì vậy, nên thường không ra kết quả, mà lại ra hậu quả. Đơn giản là, họ không hiểu được sự vận hành của các thức một cách rõ ràng.

Thay vì, dùng những ngôn ngữ như thí dụ trên, thì chúng ta lại ám thị như sau:

“Con là đứa con quậy phá và không nghe lời, mẹ muốn con, từ nay sẽ không quậy phá nữa, và phải biết nghe lời. Khi mẹ nói thì con phải làm theo, nếu không con là đứa trẻ hư.”

Nếu đứa con “được” người mẹ ám thị với những lời này, thì đứa con sẽ trở nên càng quậy phá, càng không nghe lời; không những chống đối lại người mẹ, mà còn trở thành đứa con hư như bà mẹ đã ám thị. Vì sao?

Đơn giản, vì trong Tiềm Thức, vốn không có so sánh, hay phân tích, nên trong đó, không có thể phủ định, bắt đầu bằng những chữ như: không, đừng, phải, đừng v.v.

Cho nên, khi bà mẹ ám thị đứa con, mà dùng những từ như: không, đừng, phải, đừng v.v, trước những từ ngữ tiêu cực, thì Tiềm thức sẽ chọn những từ ngữ tiêu cực, và tiếp tục phát triển thành thói quen trên đó.

Bạn thấy đứa con nhỏ của bạn đang đưa bàn tay nhỏ bé của nó vào ngọn lửa nóng, và bạn quát lên:

-Đừng đưa tay vào lửa.

Khi bạn chưa kịp phản ứng để giúp con của bạn, thì đứa con của bạn, đã đưa tay vào lửa rồi; vì Tiềm thức của con bạn, không biết gì về “đừng” cả; mà chỉ biết, lấy hành động theo sau chữ “đừng” để kích động.

Cho nên, Tiềm thức con của bạn sẽ diễn giải câu mệnh lệnh của bạn như sau: “đưa tay vào lửa”. Thế là, đứa con trẻ của bạn, đưa tay vào lửa, là chuyện tất nhiên.

Nếu bạn không biết về sự vận hành của các thức, và bạn cũng không biết về sự hoạt động của ám thị, thì bạn sẽ cáu, giận, tức, tại sao con của bạn lại “ngu” như vậy; vì bạn đã bảo nó “đừng”, mà nó cứ tiếp tục làm.

Bạn có biết không, khi một người cha hay người mẹ, mắng đứa con là đồ ngu, đồ vô dụng, hay quân phá hoại, không biết nghe lời, thì chính người cha hay người mẹ, đang trực tiếp ám thị đứa con của mình, và “bắt” nó trở thành người ngu hay người vô dụng.

Khi đứa con của bạn đã trở thành người ngu, hay vô dụng, như lời ám thị của bạn, thì bạn trách móc, ghét bỏ đứa con; mà bạn lại không biết rằng, bạn mới chính là tác nhân gây ra hậu quả, mà đứa con phải gánh chịu, chứ không phải, tự đứa con tạo ra.

Thật đáng buồn thay, chúng ta ám thị con của chúng ta mỗi ngày, bằng những ý niệm tiêu cực, sai trái; mà ngay cả chúng ta cũng không biết; và khi chúng ta không biết, hay không thể giải thích được, thì chúng ta lại có thói quen đổ lỗi cho người, hay tin vào những lời ngụy biện, để chứng minh rằng, đó không phải lỗi của chúng ta.

Trong văn hóa Việt, có một đức tính mà chúng ta hay sử dụng đó là sự khiên tôn, thí dụ:

Một người khác thấy con của bạn giỏi, và khen con bạn. Cách đáp trả của bạn thông thường sẽ là:

Ôi, cái thằng con của chúng tôi, nó có làm được gì đâu. Tôi ngày cứ cắm đầu vào học, chẳng biết cái gì cả. Hay, nó thì có giỏi gì, ngoài chuyện học ra thì việc gì làm cũng hư hỏng, lười biếng vô cùng, v.v.

Hay, ôi nó làm sao mà so với thằng B con của ông A, thằng B mới là giỏi; cái gì cũng làm được; chứ con của chúng tôi, có đi xách dép cho thằng B cũng không xứng.

Chúng ta cứ nghĩ, khi chúng ta đang “hạ bệ” con của chúng ta xuống, là chúng ta đang thể hiện sự khiêm tốn; nhưng chúng ta lại không biết rằng, chúng ta đang ám thị xấu cho con của chúng ta, chúng ta đang gieo và tưới tẩm những hạt giống xấu đó tiếp tục phát triển.

Khi những sự ám thị xấu đó được chúng ta lập đi lập lại nhiều lần trong Tiềm thức của con chúng ta, thì nó trở thành thói quen; và đứa con của chúng ta sẽ bị những thói quen đó khống chế, và hành xử trên thói quen đó, thì chúng ta trách móc, giận hờn, tức giận đứa con của chúng ta; vì nó làm cho chúng ta xấu hổ, mất mặt.

Nhưng “thủ phạm” làm cho chúng ta “mất mặt”, không phải là đứa con của chúng ta, mà chính là chúng ta đã ám thị nó mỗi ngày.

Định nghĩa của khiêm tốn là nhún nhường, hạ mình xuống. Có nghĩa là, dạy chúng ta cách để “khống chế” sự tự tôn của chúng ta; chứ không phải, để chúng ta đi hạ bệ người khác, và lý luận rằng, chúng ta đang thực hành khiêm tốn. Trong khi, hạ mình xuống, thì chỉ liên quan đến mình mà thôi.

Thí dụ, nếu người ta khen chúng ta giỏi, thì chúng ta có quyền dùng sự khiêm tốn, để “dẫn” sự tự tôn của chúng ta xuống. Chúng ta có thể đáp lại như:

-Ai trong chúng ta mà không giỏi, chúng tôi thì chỉ biết hơn một chút về vấn đề đó, vì chúng tôi có hứng thú và thích nghiên cứu về nó, còn bạn thì chưa có nhiều thời gian đầu tư vào đó thôi.

Chứ không phải chúng ta trả lời là:

-Chúng tôi thì chẳng có gì, cái mà anh cho chúng tôi giỏi đó, chỉ là may mắn, chúng tôi học được từ thầy của chúng tôi; chứ chúng tôi, chẳng có khả năng để làm được như anh nghĩ đâu.

Qua hai câu trả lời trên, chúng ta thấy, câu trả lời một, đáp ứng đúng theo định nghĩa là “hạ mình xuống”, nhưng không có nghĩa là, không công nhận kết quả.

Còn câu thứ hai, đó không phải là sự khiêm tốn, mà đó là sự tự ty. Chúng ta tự ty, vì không tin vào khả năng của chúng ta có. Tiếc thay, chúng ta lại hay diễn giải định nghĩa của sự khiêm tốn thành sự tự ty.

Như vậy, ám thị không phải là “trò đùa” mà chúng ta có thể bỏ qua. Vì ám thị, không có ảnh hưởng gì đến cuộc đời của chúng ta cả; mà thật ra, ám thị có ảnh hưởng rất quan trọng đến cuộc sống của chúng ta. Vì sao?

Vì chúng ta, không những bị ám thị bởi người khác, mà chính những nguồn năng lượng tiêu cực “không tên” của chúng ta, cũng luôn sử dụng sự ám thị trên Ngã thức, mỗi khi chúng có mặt.

Có một câu chuyện của người quen của chúng tôi, khá lý thú, như thế này:

Anh là một kỹ sư khá giỏi trong công ty; cứ mỗi lần trong công ty có thăng chức, thì tên của anh luôn có trong danh sách; nhưng cứ mỗi lần phỏng vấn, thì anh lại bị trượt. Anh không phục, vì anh biết, những người được thăng chức không giỏi bằng anh.

Anh nhiều lần tâm sự với chúng tôi, anh rất buồn, nhưng không hiểu tại sao, anh cứ bị trượt mãi. Cho đến một lần, anh mời chúng tôi đến nhà anh dùng bữa tối. Vì cũng khá thân, nên vợ của anh, cũng không còn giữ ý tứ, như với những người khách khác.

Khi anh đi lấy đá bỏ vào ly nước ngọt; vì bất cẩn, anh để những viên đá rơi xuống sàn nhà. Vợ của anh hơi to giọng nói:

-Anh thật là vô dụng, cả một việc nhỏ như lấy đá, cũng không làm xong; hèn gì, công ty anh không cho anh thăng chức cũng phải.

Chúng tôi ngồi yên, nghe chị vợ cằn nhằn anh, mới biết được nguyên nhân, tại sao anh cứ bị trượt những kỳ thăng chức. Vì anh đã bị vợ anh ám thị.

Để kiểm nghiệm việc đó, chúng tôi mới kéo anh ra ngoài sân để ngồi tâm sự. Chúng tôi hỏi anh về câu: anh “vô dụng” được vợ anh sử dụng bao giờ. Anh cho biết, gần như mỗi tuần, chỉ cần anh làm cái gì không vừa ý với vợ của anh, thì anh trở thành người vô dụng.

Sau đó, chúng tôi mới lấy hẹn với vợ của anh để gặp riêng chị. Chúng tôi chia sẻ với chị về ám thị, và sức ảnh hưởng của sự ám thị. Chị nghe xong, rất hối hận, và đề nghị chúng tôi, hướng dẫn cho chị thay đổi cách ám thị.

Sau hai tháng thực hành cách ám thị mới; may sao, công ty của anh, lại có một người cấp cao nghỉ hưu, nên anh lại có trong danh sách được đề cử. Lần này, anh được thăng chức.

Hai vợ chồng anh mới quyết định tổ chức một bữa ăn để cảm ơn chúng tôi. Sau khi ăn uống xong, chúng tôi mới hỏi anh, tại sao lần này anh lại được thăng chức? Anh trả lời:

-Anh không biết tại sao, nhưng lần này, so với những lần trước, thì anh tự tin hơn. Chính vì sự tự tin này, đã giúp anh

được thăng chức. Dĩ nhiên, chúng tôi không dừng lại ở đó, mà tiếp tục đặt câu hỏi với anh.

-Vậy so với những lần phỏng vấn trước, có khác nhau không?

Anh đáp:

-Không khác. Chỉ khác là, anh không thấy anh vô dụng, nên anh tự tin hơn thế thôi.

Có thể, anh không biết sự tự tin của anh từ đâu đến; nhưng chị vợ và chúng tôi biết, sự tự tin của anh từ đâu đến, và đến từ ai.

Hướng mắt về vợ của anh, chúng tôi thấy vợ anh mỉm cười trên khuôn mặt rạng rỡ vui mừng của chị. Chị chấp hai tay trước mặt, khẽ cúi đầu, khi chạm ánh mắt của chúng tôi; và chúng tôi cũng đáp lễ lại chị, bằng những hành động tương tự.

Câu chuyện thứ hai, xảy ra với một chị làm thợ nail, trong tiệm của một người quen của chúng tôi.

Không biết lúc xưa, khi ở Việt Nam chị sống ở đâu; nhưng mỗi khi chị bực tức ai, thì chị hay dùng từ “đao to búa lớn”: “đập chết cha nó đi”, giống như kiểu nói đê, thêm mắm dặm muối, cho câu nói thêm mặn mà, mạnh mẽ.

“Đập chết cha ai” thì chưa biết, nhưng có một ngày, hai cha con chị cãi nhau; trong tay chị, đang cầm cái chày giã tỏi, và chị cầm cái chày, đập vào đầu ông cha thật.

Ông cha bị một cú đập quá mạng của chị, lăn quay ra xỉu. Mẹ của chị sợ hãi, nên gọi xe cứu thương đưa chồng vô nhà thương.

Cũng may cho chị, khi bị cảnh sát thẩm vấn, mẹ của chị đã khai man, là cha của chị bị vấp té đập đầu vào cái chày. Nếu không, chắc cuộc đời của chị cũng rất rắc rối với chính quyền.

Cái may thứ hai cho chị là, cha của chị chỉ bị khâu hai ba mũi, nhưng không bị nứt xương sọ. Khi rước ông cha về, chị vô cùng ăn năn, hối lỗi. Chị vô cùng khổ đau, và không tha thứ cho lỗi của chị; vì dám đánh cha mình, dù ông đã nói tha lỗi cho chị.

Khi chị ngồi kể lại câu chuyện với chúng tôi, chị khóc và nói rằng, không biết chị bị “ma xui quỷ khiến” gì, mà chị lại có một hành động cực kỳ ngu xuẩn như vậy.

Chị thì không biết nguyên do, nhưng chúng tôi biết, chị đã tự ám thị chị, những khi bực tức; và khi nguồn năng lượng không tên trời dậy, cộng với sự tức giận, và ám thị của chị, thì tiềm thức của chị, đã kích động hành động đập cha của chị, mà không hề có Ý thức của chị tham gia.

Nếu cần bàn rộng về sức ảnh hưởng của ám thị, thì thật vô cùng; và sự ám thị ngày nay, đã được sử dụng một cách cực kỳ tinh vi, đến độ, ngay cả chính quyền cũng phải e sợ.

Theo thống kê của các nhà khoa học, mỗi ngày, chúng ta “bị tiếp nhận” những mẫu quảng cáo, hay tiếp thị, đến hơn 3,500 lần. Trong những mẫu quảng cáo hay tiếp thị, ngoài một số từ ngữ, kích thích sự ham muốn; thì thường, tiếp thị

hay quảng cáo, sẽ sử dụng những hình ảnh, khiến chúng ta “nhập tâm” lúc nào không hay biết.

Thí dụ, khi bạn xem một quảng cáo của Coca-Cola. Qua quảng cáo bạn thấy, những người đang vui vẻ uống cạ ly Coke với đá lạnh; thì những hình ảnh đó, được Tiềm thức của bạn, qua tiến trình sắp xếp và liên kết những thông tin và dữ liệu, giữa mới và cũ kết, thành: “uống Coke là những khoảnh khắc hạnh phúc trong cuộc sống”.

Hay khi bạn xem quảng cáo của Advil; qua quảng cáo, thuốc advil sẽ loại bỏ đi nỗi đau; thì Tiềm thức của bạn, qua tiến trình sắp xếp và liên kết những thông tin và dữ liệu giữa mới và cũ, thành: “khi dùng advil, sẽ loại bỏ đi nỗi đau, để làm những gì bạn yêu thích”.

Cho nên, khi bạn muốn có những khoảnh khắc hạnh phúc thì bạn sẽ tự động chọn dùng coke với đá lạnh. Hay khi bạn yêu thích điều gì đó, thì điều yêu thích đó, sẽ làm bạn đau và bạn sẽ sử dụng Advil.

Trong bài “Một Vốn Bốn Lờ” có đoạn nghiên cứu của ODI (Overseas Development Institute) như sau:

“Theo nghiên cứu của Robert Wood Johnson Foundation, 99% quảng cáo từ McDonald’s cho đến Burger King, nhắm đến trẻ em.

Dù các nhà quảng cáo ngày nay, dưới áp lực của xã hội, cũng đã tung ra những quảng cáo “lành mạnh hơn”, nhưng điều quan trọng, không phải là nội dung quảng cáo, mà là những **hình ảnh** này càng khiến trẻ nhỏ, đặc biệt, những em vốn đã thừa cân, hay béo phì, càng nhớ

lâu những cái tên như McDonald's, Burger King, KFC... và vôi vỉnh cha mẹ dẫn đến những địa điểm này.

Quả thực, theo báo cáo của Ủy ban Thương mại Hoa Kỳ, 45% trẻ em tiếp xúc với những quảng cáo này, tiêu thụ nhiều thức ăn hơn so với những em không xem.

Thậm chí, 5 năm sau, khi được tiếp xúc với chương trình khuyến mãi của các loại thực phẩm không lành mạnh, các nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng, trẻ em tiếp tục mua ít trái cây, rau và ngũ cốc nguyên hạt hơn, song lại gia tăng lượng tiêu thụ về thức ăn nhanh, thức ăn chiên xào và thức uống ngọt.”

Rõ ràng, những hình thức ám thị trong quảng cáo ngày nay, nhất là qua sự tiếp tay của điện ảnh, thì sự ám thị càng lúc một tinh vi hơn, và ảnh hưởng đến đời sống của chúng ta mạnh mẽ hơn.

Nếu đem so với cách dùng ngôn ngữ của ngày xưa, thì phương pháp dùng hình ảnh của ngày nay, lợi hại hơn nhiều. Vì sao? Đơn giản, vì ngôn ngữ của Tiềm thức là ngôn ngữ của hình ảnh.

Hay nói một cách rõ ràng hơn, là các nhà quảng cáo đang dùng hình ảnh, “trực tiếp nói chuyện” với Tiềm thức của chúng ta, và họ đã vượt qua được “rào cản” Ý thức của chúng ta.

Cho nên, những gì chúng ta tiếp xúc hôm nay, sẽ ám thị chúng ta, ngay khi chúng ta đang “mở mắt”, mà không cần phải chờ đến, khi chúng ta gằn rơi vào trạng thái ngủ mới ám thị.

Những khám phá mới của các nhà tâm lý cho rằng, cứ trong một giây thì Tiềm thức của chúng ta tiếp nhận ít nhất 11 triệu thông tin; trong khi, Ý thức của chúng ta, chỉ có thể nhận dạng và xử lý được có 40 thông tin.

Hay có thể nói, chỉ trong một giây, chúng ta có thể bị ám thị đến cả triệu lần, tùy theo thông tin đó là gì.

Như vậy, làm sao chúng ta có thể “chống chọi” lại các sự ám thị, luôn đang vây quanh chúng ta mỗi ngày?

Câu trả lời là rất khó; vì chúng ta không thể lúc nào cũng dùng đến Ý thức để nhận dạng và phân loại xem, cái nào là tốt, là đúng; hay cái nào là xấu, là sai.

Như vậy, có nghĩa là chúng ta sẽ bó tay sao? Dĩ nhiên, chúng ta sẽ không bó tay, vì chúng ta đang sống trong thế giới của tương đối.

Nghĩa là, nếu ám thị của người khác dùng để khống chế, hay thay đổi nhận thức của chúng ta, bằng cách dùng hình ảnh để tác động, thì khi chúng ta có cảm xúc/giác bị kích động, chúng ta sẽ chú ý đến cảm xúc/ giác, và giải quyết cảm xúc/giác đó một cách trực tiếp.

Hay chúng ta cũng có thể sử dụng tự kỷ ám thị; nghĩa là, chúng ta lựa chọn những hình ảnh đẹp, và liên tục ám thị chúng ta về những hình ảnh đó.

Với kinh nghiệm của những người làm chủ được cảm xúc/giác, thì sự ám thị không ảnh hưởng nhiều đến họ. Tại sao?

Bởi vì, những hình ảnh qua ám thị, muốn được thực hiện bằng hành động, thì phải đi qua vùng cảm xúc/giác. Nếu không có sự kích hoạt của vùng cảm xúc/giác, thì sẽ không có hành động theo sau.

Cho nên, khi Tiềm thức sắp xếp hay nối kết những hình ảnh, sẽ kích hoạt lên những vùng cảm xúc/giác; và vì quen giải quyết những cảm xúc/giác một cách rất ráo, cho nên, khi những hình ảnh có kích hoạt cảm xúc lên, thì những thói quen giải quyết vấn đề của Tiềm thức cũng được kích hoạt, và tự động giải quyết, mà không cần đến sự có mặt của Ý Thức.

Ngược lại, với những người chưa có kinh nghiệm làm chủ cảm xúc/giác, thì họ không thiết lập được hệ thống tự động giải quyết vấn đề rất ráo.

Cho nên, họ chỉ còn lại một cách duy nhất, đó là, sử dụng sự tự kỷ ám thị, hay tự mình ám thị mình, bằng những hình ảnh mà mình lựa chọn.

Phần đông chúng ta, khi dùng phương pháp tự kỷ ám thị, thường không biết dùng hình ảnh để ám thị, mà hay dùng ngôn ngữ để ám thị. Cho nên, thường chúng ta không đủ kiên nhẫn để chờ đợi kết quả, mà hay bỏ cuộc nửa chừng.

Dĩ nhiên, dùng ngôn ngữ để ám thị cũng có hiệu quả, nhưng thời gian sẽ lâu hơn, và còn tùy thuộc vào cách dùng ngôn ngữ của chúng ta.

Thí dụ: Nếu chúng ta muốn ám thị chúng ta có hạnh phúc, mà chúng ta không kèm theo một hình ảnh, để diễn tả hạnh phúc là gì, thì Tiềm thức của chúng ta sẽ không thể hiểu và

thì hành được.

Việc này, cũng giống như chúng ta không biết tiếng Mỹ, nhưng muốn bán một ổ bánh mì cho người Mỹ. Nếu chúng ta cứ chào: “mua bánh mì đi”, thì người khách Mỹ sẽ không hiểu chúng ta nói gì, và người khách đó, cũng chẳng biết họ sẽ làm gì; vì họ không hiểu chúng ta nói gì.

Nhưng nếu chúng ta nói bánh mì, và đưa ra hình ảnh bánh mì, thì người khách Mỹ kia sẽ hiểu ra ngay là, chúng ta đang muốn họ mua bánh mì.

Cho nên, khi chúng ta muốn tự ám thị mình cho có hiệu quả, thì việc đầu tiên, chúng ta cần phải làm là, chọn lựa những hình ảnh, nhất là những hình ảnh liên quan đến cảm xúc/giác, rồi dựa vào hình ảnh đó, mới thêm vào phần diễn dịch, thì Tiềm thức của chúng ta, mới biết là chúng ta muốn gì.

Thí dụ, chúng ta cầm một tấm hình chụp của chúng ta đang vui vẻ với con của chúng ta, rồi chúng ta nhìn vào hình ảnh đó, và diễn dịch thêm vào những gì chúng ta muốn.

Chẳng hạn như, tôi muốn cảm giác hạnh phúc và vui vẻ như khi đang ôm con của tôi, và tôi cũng muốn có sự hạnh phúc và vui vẻ này có mặt khi tiếp xúc với mọi người.

Việc thêm vào sau khi có hình ảnh, và diễn dịch “dùm” cho Tiềm thức, thì Tiềm thức lúc đó, sẽ dựa vào sự diễn dịch hay những thông tin, dữ liệu đó để kích hoạt, hay thi hành.

Nếu mỗi một ngày, trước khi đi ngủ, chúng ta đem những hình ảnh mà chúng ta đã lựa chọn, diễn tả về cảm xúc/giác,

và để chung vào một cuốn album, rồi lật xem từng hình, và diễn dịch thêm vào sau những hình ảnh cảm xúc/giác này, thì chúng ta có thể thay thế được những sự sắp xếp và liên kết của Tiềm thức, dưới dạng Vô Ý thức thành có Ý thức.

Dĩ nhiên, bất cứ sự thực hành nào, cũng có những khó khăn của nó lúc ban đầu; nhưng nếu chúng ta chỉ cần kiên trì thực tập liên tục trong vòng 30 đến 60 ngày, thì chúng ta sẽ biến thành thói quen; và lúc đó, Tiềm thức của chúng ta sẽ có những hành động, theo sự diễn dịch có Ý thức chủ đạo.

Theo kinh nghiệm của chúng tôi, chúng ta đừng nên lên trên internet để kiếm những hình ảnh, diễn tả về cảm xúc/giác của người khác; mà chúng ta, nên dùng những hình ảnh của những người thân; như vậy, sẽ giúp cho chúng ta cảm thấy gần gũi hơn, và cảm xúc/giác mạnh hơn.

Điểm lợi khi dùng hình ảnh của những người thân so với những người xa lạ là, chúng ta đang tiếp tục nuôi dưỡng cảm xúc/giác với những người thân của chúng ta, và phát triển những cảm xúc/giác đó.

Nếu như, khi chúng ta có những xung đột với người thân thì những cảm xúc/giác của người thân cũng được khơi dậy, có thể giúp cho Ngã thức của chúng ta không bị những nguồn năng lượng không tên không ché.

Dĩ nhiên, nếu chúng ta không có những hình ảnh của người thân, thì việc dùng hình ảnh của người xa lạ cũng tốt. Chỉ khác là, những vùng cảm xúc/giác với người thân sẽ không thể lớn mạnh; nên khi, chúng ta có xung đột với người thân, thì chúng ta không có hình ảnh của người thân trong đó, nên

không thể khơi nguồn được sự yêu thương, vui vẻ, hay hạnh phúc.

Thí dụ, một người mẹ, nhìn hình một em bé của ai đó đang cười, và hình ảnh đứa con của mình cười, thì cảm xúc/giác của người mẹ như thế nào, chắc chúng ta không cần phải giải thích thêm có phải không?

Hay như trường hợp, gặp một cô gái vui vẻ, và hình ảnh người yêu đang vui vẻ, chắc chắc cảm xúc/giác sẽ hoàn toàn khác nhau.

Cho nên, khi ứng dụng phương pháp ám thị, bạn cần phải thông minh, tùy nghi mà ứng dụng. Bởi vì, khi đã thành một phương pháp thì luôn có những giới hạn.

Nguyên do của sự giới hạn, là vì, mỗi người chúng ta, ai cũng có sự diễn dịch định nghĩa và niềm tin khác nhau. Cho nên, không có phương pháp nào hoàn hảo cả.

Nếu có chẳng, thì sự hoàn hảo chỉ có thể xuất hiện duy nhất trong bạn, khi bạn đã thỏa mãn được những gì, đúng như bạn muốn.

Bạn muốn tự bạn ám thị theo Ý thức của bạn, hay bạn muốn bị ám thị của người khác, không chế, hay qua sự sắp xếp và liên kết của Tiềm thức theo vô Ý Thức, thì bạn có toàn quyền lựa chọn.

Bạn chọn như thế nào, thì cuộc đời của bạn sẽ như thế đấy; và bạn chỉ cần nhớ, bạn phải gánh chịu trách nhiệm với sự lựa chọn của bạn, là được.

MUỐN VÀ CẦN

Bạn thân mến,

Ai trong chúng ta, cũng có cái muốn và cái cần trong cuộc sống; nhưng làm sao để đạt được cái muốn, lại là một đề tài khiến chúng ta phải động não. Vì sao?

Vì sức người thì giới hạn, mà cái muốn thì lại vô cùng. Đem cái giới hạn của con người, để đuổi theo cái vô hạn của ham muốn; thì quả thật, là việc làm vô cùng mệt mỏi, và gần như vô vọng, hay hoang tưởng. Cho dù, chúng ta có cả ngàn kiếp đi chăng nữa, chúng ta cũng không thể nào đạt đến cái vô hạn của muốn cả.

Lá điện thư này, gửi đến cho chúng tôi, liên quan đến những thắc mắc về hai chữ muốn và cần như sau:

Chào anh/chị,

Những ngày gần đây, em có tham gia khóa học về luật hấp dẫn (law of attraction), trong đó, diễn giả đã đề cập đến hai chữ muốn và cần.

Theo diễn giả, con người của chúng ta đều không biết ứng dụng hai chữ muốn và cần đúng cách. Trong một thí dụ về muốn và cần, diễn giả đã đưa ra một câu hỏi là, khi chúng ta đói thì chúng ta sẽ nói thế nào? Chúng ta muốn ăn hay chúng ta cần ăn.

Theo ông, chắc chắn, chúng ta sẽ nói chúng ta cần ăn, vì cần là điều kiện bắt buộc phải thực hiện, nếu không chúng ta sẽ chết vì thiếu dinh dưỡng.

Còn cái muốn thì chỉ có 50%, nghĩa là, có cũng được và không có cũng được. Cho nên, nếu chúng ta muốn có tài chánh dồi dào, giàu có, thì chúng ta phải biết dùng đúng ngôn ngữ, đó là, chúng ta phải nói: “chúng ta cần tiền”, chứ không nên nói “chúng ta muốn tiền”.

Theo như diễn giả trình bày, khi sử dụng chữ cần sẽ tạo ra nguồn năng lượng tích cực. Nguồn năng lượng đó, không qua ý thức của chúng ta, mà đi vào trong tiềm thức của chúng ta.

Sau đó, tiềm thức của chúng ta sẽ lắng nghe những cái mong muốn của chúng ta, và sẽ gửi cái thông điệp đó đến vũ trụ, đến với siêu nhiên, để vũ trụ và siêu nhiên chuyển hóa lại, hay tiến hành cái điều mà chúng ta mong muốn, rồi gửi điều đó đến cho chúng ta.

Cũng theo như diễn giả, đây chính là những điều bí mật để thu hút tiền bạc, vật chất, tài chính cho mình.

Sau đó, diễn giả trình bày điều bí mật thứ hai, liên quan đến Phật giáo, và cho rằng, trong đạo Phật, vốn không có cái chúng tôi, cho nên, nếu chúng ta cần tiền, thì chúng ta cần phải loại bỏ chữ chúng tôi và chữ cần, mà chỉ còn lại là có tiền, thí dụ như: “chúng tôi cần có tiền” thành “có tiền”, là đủ.

Trong khi, em đọc bài “Hậu Quả Và Kết Quả” trong Mỗi Ngày Một Chuyện, thì em thấy cách anh chị nói về hai chữ Muốn và Cần lại hoàn toàn khác biệt.

Em thật sự rất hoang mang, không biết đâu mới là đúng sự thật. Chính vì vậy, em mới mạo muội, viết đôi dòng gửi đến anh/chị, mong anh chị có thể nhún chút thời gian quý báu để giải đáp dùm cho em. Em thật sự rất mong ơn anh chị. Cuối thư, em chúc anh chị có một ngày luôn an bình và hạnh phúc.

Thân kính,

H.S

Chào bạn H.S,

Nói đến luật hấp dẫn, thì chúng tôi cũng có nghiên cứu khá sâu, nhưng chưa kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm về lĩnh vực tài chính, hay làm ra nhiều tiền của; cho nên, chúng tôi không thể chia sẻ với bạn, làm như thế nào mới đạt được kết quả.

Nhưng vì chủ đề của bạn có liên quan đến hai chữ muốn và cần, mà chúng tôi đã có trải nghiệm qua; cho nên, chúng tôi chỉ hỏi âm lại cho bạn, vấn đề liên quan đến hai chữ này mà thôi.

Nói đến hai chữ “cần” và “muốn” thì rất khó; bởi vì, mỗi chúng ta, ai cũng đều có sự diễn dịch về định nghĩa khác nhau. Có đôi khi, chúng ta diễn dịch hai chữ đó lộn nghĩa với nhau. Thay vì, đó là định nghĩa của cần thì chúng ta lại diễn dịch là của muốn, và ngược lại.

Trong bài Chín thức, chúng tôi đã phân chia chức năng của mỗi thức khá chi tiết. Cho nên, nếu bạn muốn hiểu đúng định nghĩa của muốn và cần, bạn nên đọc kỹ lại bài viết đó.

Trong tâm lý học, định nghĩa của Cần là nguồn năng lượng diễn đạt cho trạng thái điều kiện phải có, để thực hiện một điều gì đó; và định nghĩa của Muốn cũng là nguồn năng lượng, diễn đạt cho trạng thái khao khát, không có không được.

Thí dụ, bạn đi mua sắm, và thấy chiếc áo đẹp. Muốn chiếc áo đó, thì bạn cần phải có đủ tiền, để mua chiếc áo đó. Cho nên, cần chỉ xuất hiện, khi có mặt của muốn; nếu không có mặt của muốn, thì cần, khó mà có thể tự mình vận hành độc lập được.

Trong thí dụ mà diễn giả đưa ra, khi bạn đói bụng thì bạn muốn ăn, hay cần ăn; và diễn giả cho rằng, bạn phải cần ăn, vì đó là, điều kiện bắt buộc, nếu không bạn sẽ chết.

Nhưng nếu bạn quan sát và nhìn sâu hơn, bạn sẽ thấy, trước khi bạn có ý niệm “cần ăn”, thì bạn đã có cái ý “muốn sống” khởi động trước đó rồi. Nếu như bạn không muốn sống, thì bạn đâu cần ăn để làm gì, có phải không?

Có lẽ, diễn giả khi đưa ra thí dụ này, diễn giả chỉ nhìn trên góc độ là, chúng ta đang muốn sống, nên chúng ta phải cần ăn để sống. Nhưng nếu đã bàn đến bí mật của vũ trụ, thì những lý luận của diễn giả, chỉ mới trình bày được một nửa về bí mật của vũ trụ, còn một nửa kia, thì chưa thấy trình bày đến.

Có một điều, mà hình như, diễn giả đã có sự diễn dịch lầm lẫn giữa định nghĩa của chữ Muốn và chữ Thích.

Định nghĩa của chữ Thích là nguồn năng lượng diễn tả trạng thái có cũng được, và không có cũng được.

Thí dụ, bạn đi mua sắm trong một cửa hàng, bạn thấy chiếc áo khá xinh xắn, và bạn thích chiếc áo đó. Sau khi đi dạo một hồi, bạn đi về nhà, và mấy ngày sau, bạn quên hoàn toàn chiếc áo mà bạn thích. Vì đối với bạn, có chiếc áo đó cũng tốt, mà không có chiếc áo đó, cũng không sao.

Ngược lại, nếu là bạn muốn chiếc áo đó, bạn sẽ làm đủ mọi cách để bạn có được chiếc áo đó. Nếu như bạn có đủ tiền, bạn sẽ mua ngay chiếc áo đó, mà không cần phải suy nghĩ.

Nếu bạn không có đủ tiền, lúc đó, bạn mới kích hoạt đến cái cần, là những điều kiện nào, giúp cho bạn có tiền để mua chiếc áo đó, như: nhịn ăn sáng, nhịn ăn trưa, đập heo tiền tiết kiệm, hay vói vĩnh người khác mua cho.

Tệ hại hơn, khi sự muốn của bạn trào dâng, mà bạn lại không có tiền, thì bạn cũng có thể ăn cắp chiếc áo đó; mặc dù, Ý thức của bạn đã phân tích cho bạn biết, những hậu quả mà bạn sẽ phải gánh chịu, khi bạn ăn cắp, và bị bắt.

Nhưng với sự tác động mạnh mẽ của muốn và tham, thì nguồn năng lượng tham-muốn này, sẽ không chế Ngã thức của bạn, và sử dụng Ý thức để phân tích những thủ thuật ăn cắp tinh vi hơn; hay đưa ra những phỏng đoán như: không ai thấy, không bị bắt..., chứ không bao giờ, chọn sự phân tích là bạn bị bắt, và sẽ ảnh hưởng tới cả cuộc đời sau này của bạn.

Rõ ràng, khi bạn thích, thì ở đó, không có sự kích hoạt đến yếu tố cần. Nhưng khi bắt đầu bạn khởi ý niệm muốn, thì lúc đó, cần mới trở thành điều kiện phải có, để đạt được cái muốn.

Điều này, không có gì mới lạ cả. Vì ai trong chúng ta, cũng đều có kinh nghiệm, hay trải qua; chỉ cần, chúng ta chịu khó quan sát và nhìn sâu một chút, chúng ta sẽ thấy được điều này rất rõ ràng, mà không cần phải có người dạy dỗ chúng ta, mới biết cần, và muốn như thế nào.

Chỉ có điều, chúng ta ít sử dụng đến sự quan sát và nhìn sâu; cho nên, chúng ta đã diễn dịch lầm lẫn giữa thích, muốn và cần. Nhất là muốn và cần, cái nào là nhân và cái nào là quả.

Lầm lẫn trong việc nhận quả làm nhân, và làm nhân làm quả, thì chẳng bao giờ chúng ta đạt được những gì chúng ta muốn.

Như vậy, nếu bạn bị eo hẹp về tài chánh, mà muốn có dư dả thì bạn phải muốn chứ bạn không thể cần được. Bạn có thấy ai nói, chúng tôi cần dư dả đâu, mà chỉ nói, chúng tôi muốn dư dả thôi. Vì sao?

Vì khi bạn muốn dư dả, thì bạn mới cần phải tiết kiệm, làm việc siêng năng, v.v., đó là, những điều kiện để hoàn thành cái muốn dư dả, có phải vậy không?

Còn trong đoạn...

“... khi sử dụng chữ cần sẽ tạo ra nguồn năng lượng tích cực. Nguồn năng lượng đó, không qua Ý thức của chúng ta, mà đi vào trong Tiềm thức của chúng ta.

Sau đó, Tiềm thức của chúng ta sẽ lắng nghe những cái mong muốn của chúng ta, và sẽ gửi cái thông điệp đó đến vũ trụ, đến với siêu nhiên, để vũ trụ và siêu nhiên chuyển hóa lại, hay tiến hành cái điều mà chúng ta

mong muốn, rồi gửi điều đó đến cho chúng ta.”

Ở đây, hình như diễn giả chưa có nhiều kinh nghiệm về các chức năng của các thức, nhất là: Tiềm thức, Ý thức và Ngã thức. Cho nên, diễn giả đã diễn dịch không chính xác được sự vận hành của vũ trụ.

Trong Chín thức, thì ngôn ngữ của Ý thức là lời nói và chữ viết; Tiềm thức là hình ảnh, và chỉ có Thân Thể thức và Ngã thức mới có ngôn ngữ là năng lượng, tương đồng với ngôn ngữ của vũ trụ.

Cho nên, nếu muốn tương thông với vũ trụ, thì chỉ có Ngã thức và Thân Thể thức mới có cùng ngôn ngữ với vũ trụ. Nhưng vì, Thân Thể thức tạo ra năng lượng để duy trì sự sống cho con người, nên ít khi, Thân Thể thức gọi trực tiếp nguồn năng lượng, hay tương tác với vũ trụ; mà thường, sẽ tương tác với nguồn năng lượng của Ngã thức, rồi Ngã thức mới trực tiếp tương tác với vũ trụ.

Thí dụ, thân thể của bạn đang bị đói nên các bộ phận trong cơ thể mới tác động đến Thân Thể thức. Thân Thể thức lúc đó, mới tương tác với Ngã thức là thân thể cần thức ăn.

Nếu bạn đang sống trong môi trường, mà bạn có những quán ăn, hay có thực phẩm dự trữ, thì Ngã thức của bạn sẽ ra lệnh cho Ý thức đi phân tích, so sánh... xem, bạn nên làm gì để giải quyết cơn đói.

Sau khi, Ý thức phân tích như: bạn phải đi vo gạo, nấu cơm, làm thịt, làm cá, v.v. thì Ý thức mới gọi các giải pháp về kho của Tiềm thức và Ngã thức. Ngã thức sau khi nhận được những giải pháp của Ý thức, mới bắt đầu đưa ra lựa chọn

xem Ngã thức đang muốn gì.

Nếu lúc đó, Ngã thức đang mê coi phim, thì Ngã thức sẽ không cung cấp những dữ liệu hay giải pháp của Ý thức cho Thân Thể thức đi giải quyết cơn đói; mà Ngã thức sẽ ép Thân Thể thức, tiếp tục ngồi, mở mắt ra, cho Ngã thức coi phim.

Thân Thể thức khi nhận được sự phản hồi từ Ngã thức, là đói thì mặc đói, cứ ngồi coi phim, thì Thân Thể thức mới tác động đến não bộ, và các cơ quan, hoạt động theo chỉ thị của Ngã thức.

Khi các cơ quan của Thân Thể thức đã hoạt động quá tải, thì các cơ quan báo về Thân Thể thức, và Thân Thể thức ra lệnh cho các cơ quan ngừng hoạt động.

Lúc đó, Ngã thức, không có mắt mở ra để coi phim; hay vì cơn đói, gây ra mờ cả mắt, không xem được phim; thì lúc đó, Ngã thức mới đưa ra giải pháp, đi giải quyết cơn đói của thân thể.

Thân Thể thức, sau khi, nhận được những giải pháp từ Ý thức xuyên qua Ngã thức, mới bắt đầu tác động lên não bộ, và hệ thống thần kinh, để điều khiển tay, chân, hay thân thể, đi thực hiện nấu ăn, và ăn thức ăn sau khi nấu, để giải quyết cơn đói của thân thể.

Hay trong phân tích của Ý thức, thay vì, đi nấu ăn, thì có thể ra quán ăn, hay đặt thức ăn mang đến nhà..., thì Ngã thức sẽ lựa chọn giải pháp, rồi gởi lại cho Thân Thể thức.

Nhưng nếu chẳng may, bạn lại sống trong hoàn cảnh, mà

không có gì để ăn; và bạn cũng không có thực phẩm dự trữ; thì lúc đó, Ngã thức của bạn, không có điều kiện để giải quyết cơn đói của cơ thể. Cho nên, lúc đó, Ngã thức mới gọi nguồn năng lượng đó ra ngoài vũ trụ.

Nghĩa là, Ngã thức chỉ gọi ra ngoài vũ trụ, khi Ngã thức không có những điều kiện để thực hiện được cái muốn của Ngã thức, thì Ngã thức mới gọi cầu xin ra nơi vũ trụ. Chứ nếu, Ngã thức có những điều kiện có thể thực hiện được cái muốn, thì Ngã thức sẽ tự đi giải quyết, mà không cần đến sự tương tác với vũ trụ.

Thí dụ, khi bạn bị cảm cúm và bạn biết, khi bạn uống vài viên thuốc trị cảm cúm, mà bạn hết cảm cúm, thì bạn chẳng phải đi vái tứ phương hay đi bác sĩ làm gì; vì bạn có thể tự giải quyết được.

Bạn chỉ vái tứ phương, khi việc xảy ra cho bạn, đã nằm ngoài “tâm với” của bạn, thì bạn mới đi cầu xin nơi những nguồn năng lượng khác hỗ trợ cho bạn.

Trong đoạn văn trên, khi diễn giả cho rằng: “khi chúng ta tạo ra nguồn năng lượng tích cực của cái cần, thì sẽ không đi qua Ý thức, mà đi vào Tiềm thức, rồi Tiềm thức mới gọi năng lượng ra ngoài vũ trụ”, thì sự diễn dịch này thiếu chính xác. Vì sao?

Vì ngôn ngữ của Tiềm thức là bằng hình ảnh; và sự hoạt động của Tiềm thức là nối kết các dữ liệu thu thập, tạo ra những giấc mơ. Cho nên, Tiềm thức không thể nào có thể tương tác với vũ trụ được.

Điều này, cũng giống như hai người Việt và Mỹ, khi nói chuyện với nhau qua điện thoại; mà người Mỹ thì không biết tiếng Việt, và người Việt thì không biết tiếng Mỹ.

Theo như bạn, hai người Việt và Mỹ này, qua cuộc nói chuyện bằng điện thoại (tần số sóng), họ có thể hiểu được nhau không?

Không cần chúng tôi trả lời, bạn cũng có câu trả lời chính xác là: Không rồi, phải không?

Điều này, cũng giống như Tiềm thức của bạn và vũ trụ vậy; giống như hai người sử dụng hai ngôn ngữ hoàn toàn khác nhau, và không thể hiểu được nhau, cho nên, giữa Tiềm thức và vũ trụ sẽ không thể tương tác được.

Đứng trên căn bản của các thức, thì Tiềm thức là thức khởi sinh ra sự sống của con người, và là nơi lưu giữ nhân tướng bản thể của con người. Nhưng khi con người bắt đầu hình thành Ngũ thức, thì Ngũ thức mới là thức để liên lạc với vũ trụ, chứ không phải Tiềm thức.

Chính vì, Ngũ thức là “trạm thông tin”, nơi tiếp nhận và phát ra nguồn năng lượng; cho nên, khi Ngũ thức của bạn, dựa trên niềm tin là điều gì, thì nguồn năng lượng khi gửi ra vũ trụ sẽ là điều đó.

Thí dụ, bạn nói, bạn tin, bạn là người giàu có hơn cả Bill Gates; nhưng trên thực tế, bạn vẫn phải đi xin ăn từng ngày. Vậy, cho dù, bạn có gửi bao nhiêu tín hiệu ra ngoài vũ trụ, bạn vẫn nghèo, vì sao?

Đơn giản, khi bạn nói, bạn tin, bạn giàu hơn Bill Gates, là bạn đang dùng Ý thức để phân tích và so sánh, bạn có nhiều

tiền hơn Bill Gates. Dĩ nhiên, trong so sánh cộng thêm sự tưởng tượng, sau số một (1), bạn có thể thêm mấy chục con số không (0) vào thì rất dễ dàng.

Nhưng trên thực tế, bạn đang đi làm với lương là \$250, cho một ngày. Nếu bạn muốn thêm một con số không đằng sau thành, \$2,500, cho một ngày, thì không dễ một chút nào cả.

Thế nên, khi bạn dùng Ý thức để phân tích, và tưởng tượng, thì bạn tha hồ thêm bao nhiêu con số không cũng không thành vấn đề, vì ngôn ngữ của Ý thức, là ngôn ngữ của chữ, số, lời nói; nhưng bạn sẽ không thể gởi ra cho vũ trụ được, vì không đồng một ngôn ngữ.

Nếu bạn muốn gởi ra ngoài vũ trụ, thì Ý thức, sau khi phân tích xong, phải gởi về trung tâm phát, nhận, sóng là Ngã thức. Nhưng có một điều, khi tiếp nhận những dữ liệu từ Ý thức thì Ngã thức sẽ “duyet” lại “bản tin” từ Ý thức.

Khi những sự phân tích từ Ý thức này, đi ngược lại với niềm tin của Ngã thức như: Tôi nghèo không đủ ăn, tôi không có khả năng, tôi tự ty, v.v. thì những dữ liệu, hay phân tích từ Ý thức, dù có hay, có đúng bao nhiêu, cũng sẽ bị “bộ lọc” của niềm tin lược giản, từ đó, tạo ra sự nghi ngờ.

Khi sự nghi ngờ có mặt, thì đó là “bản tin” mà Ngã thức phát ra ngoài vũ trụ. Khi vũ trụ tiếp nhận tần số sóng từ sự nghi ngờ, thì cũng hồi đáp lại bạn, bằng nguồn năng lượng nghi ngờ.

Thế là, kết quả mà bạn nhận được, là sự nghi ngờ, đúng như Ngã thức của bạn mong muốn. Đó cũng là lý do tại sao, những phương pháp như sự xác quyết, xác nhận

(affirmation) với những từ ngữ tích cực như: Tôi là người tự tin; tôi là người tài năng; tôi là người có lòng yêu thương; tôi luôn sống tích cực giúp đỡ mọi người, v.v, được lặp đi lặp lại mỗi ngày, vẫn không có tác dụng, hay đưa đến sự thay đổi. Vì sao?

Bởi vì, những sự lặp lại đó, là dùng ngôn ngữ của Ý thức mà không phải là của Ngã thức. Trong khi, Ngã thức của bạn, lại tin rằng, bạn không có tự tin, bạn không có lòng yêu thương, hay bạn không giàu có.

Vì vậy, khi bạn càng lặp đi lặp lại các điều trên, thì bạn càng kích động sự phản kháng từ niềm tin, lại những điều mà cũng chính từ Ngã thức bạn mong muốn.

Trong niềm tin của Ngã thức của con người, có một chức năng đạo đức, được phân chia làm ba phần, gồm cặp đôi đái: Thiện-Ác và phần thứ ba là trung tính - không thiện và không ác.

Bình thường, trong cuộc sống của chúng ta, thì hay rơi vào trạng thái trung tính, hơn là thiên về hai cực Thiện và Ác.

Thí dụ, sáng dậy, sau khi làm vệ sinh, và ăn sáng xong, bạn đi làm. Khi bạn ra đề máy xe đi làm, mà chiếc xe không có vấn đề gì, thì bạn vẫn ở trong trạng thái của trung tính; nghĩa là, không vui và cũng không buồn.

Nhưng nếu chẳng may, sáng nào đó, bạn ra đề máy xe, mà máy xe không nổ; thì lúc đó, Ngã thức của bạn mới bắt đầu khởi sinh ra sự lo âu, hay buồn bực.

Khi trong Ngã thức của bạn có sự lo âu hay buồn bực, thì

Ngã thức của bạn mới bắt đầu sử dụng Ý thức để tìm ra những giải pháp, giúp giải quyết sự lo âu hay buồn bực, đang có mặt.

Khi Ý thức nhận lệnh từ Ngã thức, thì mới bắt đầu sử dụng kho Tiềm thức để lấy các dữ liệu, hay những kinh nghiệm đã có trong quá khứ, để phân tích và so sánh.

Chẳng hạn như, trong quá khứ, xe bạn đã bị như vậy, và bạn đã gọi cho người thợ máy bạn quen, đến sửa cho bạn; hay bạn gọi xe kéo đến chỗ sửa xe quen thuộc; hay bạn gọi xe taxi, uber để đi làm v.v. sẽ lần lượt được Ý thức sử dụng, để phân tích, xem cách nào hay và tốt nhất; hay có thể dựa trên những cách thức đó, tìm ra những cách giải quyết khác.

Sau khi, làm xong phần sự phân tích và tìm ra các giải pháp, thì Ý thức mới gửi về kho của Ngã thức trong Tiềm thức, để cho Ngã thức sẽ lựa chọn giải pháp nào thích hợp, để giải quyết nguồn năng lượng lo âu hay buồn bực đang có mặt.

Khi sự lo âu hay buồn bực được giải quyết, thì trạng thái trong Ngã thức sẽ có được là an; và sau an, thì lại trở lại trạng thái trung tính – không vui-không buồn.

Điều này, được lập đi lập lại liên tục từ ngày này qua ngày khác, hay còn gọi đó là tiến trình vận hành của Tâm thức hay Ngã thức.

Nếu có thể phân chia, thì phần đông chúng ta, sống trong sự trung tính – không vui không buồn lên đến 80%, khi không có những sự cố xảy ra như: giận hờn, bực tức, hay vui sướng v.v. tác động đến Ngã thức.

Tuy nhiên, với cuộc sống hiện tại, chúng ta sống quá hối hả, và có những mong muốn liên tục xảy ra; cho nên, chúng ta thường rơi vào trạng thái của hai cực.

Dù là thiên về tiêu cực hay tích cực (đa số chúng ta thiên về tiêu cực nhiều hơn), thì chúng ta đã tạo ra sự mất cân bằng, hay có sự thiên lệch.

Khi đã có sự thiên lệch, dù về phía nào, thì ở đó, đã có sự xáo trộn. Và khi có xáo trộn, có nghĩa là, chúng ta đã tạo ra sự bất an.

Sự bất an mà cứ liên tục xảy ra trong cuộc sống, thì chúng ta gọi đó là khổ, hay những cảm giác hay cảm xúc khó chịu.

Khi chúng ta có những cảm xúc/giác khó chịu trong Ngũ thức, thì nguồn năng lượng này, cũng tác động đến Thân Thể thức, tạo ra những sự xáo trộn các vùng năng lượng trên các cơ quan.

Các nhà tâm lý ngày nay, trong khoa tâm thần, đã cho rằng: một bệnh về thể chất được gây ra, hoặc trở nên trầm trọng hơn, phần lớn đều do sự xung đột nội tâm, hay căng thẳng đến từ yếu tố tinh thần.

Như vậy, chúng ta thấy, Thân Thể thức, Ngũ thức, và vũ trụ, có cùng chung một ngôn ngữ, nên có thể sinh hoạt hay tương thông với nhau; còn Ý Thức và Tiềm Thức, không phải là ngôn ngữ của vũ trụ; cho nên, không thể nào có sự tương thông với nhau được.

Ở đây, không biết, bạn có diễn tả đúng ngôn ngữ của diễn giả hay không, khi bạn viết: “Sau đó, tiềm thức của chúng

ta sẽ lắng nghe những cái **mong muốn** của chúng ta, và sẽ gửi cái thông điệp đó đến vũ trụ”. Trong khi, diễn giả lại cho rằng, chúng ta phải đổi “muốn” thành “cần” mới đúng ngôn ngữ của vũ trụ; xem ra có vẻ rất mâu thuẫn.

Mâu thuẫn là, nếu đã là cần, thì Tiềm thức của chúng ta, phải gửi cái “cần” đi, chớ sao, lại gửi cái “mong muốn” của chúng ta đi. Như vậy, có phải chẳng, chúng ta đã gửi sai tín hiệu đến vũ trụ? Cho nên, cái kết quả của chúng ta nhận lại được từ vũ trụ, cũng sẽ là kết quả, mà chúng ta không mong muốn, hay không phải cái chúng ta đang cần.

Gửi tín hiệu ra ngoài vũ trụ, hay tạo ra sự tương tác năng lượng giữa Ngã thức và vũ trụ, thì có quá nhiều thông tin, và mỗi người, lại có những cách diễn giải khác nhau, và đôi khi chống đối lại nhau. Nhưng thực tế thì như thế nào.

Có một câu chuyện liên quan đến người quen của chúng tôi về việc gửi “tín hiệu” đến vũ trụ như sau:

Có một cuối tuần rảnh rang, nên người quen của chúng tôi mới rủ chúng tôi, đi đến hãng bán xe, để xem chiếc Lexus. Sau khi đi dạo một vòng, người quen của chúng tôi đã tỏ ra rất thích chiếc xe màu vàng; nhưng vì hoàn cảnh tài chánh và điểm tín dụng không tốt, nên anh không thể mua chiếc xe đó.

Mười năm sau, đứa con của người quen của chúng tôi, có cho người bạn mượn một số tiền để làm ăn. Người bạn, vì làm ăn thua lỗ, không có tiền trả lại, nên đã đem chiếc xe dư, trả thay tiền nợ.

Người con lúc đó, nhà đủ xe dùng, nên đem chiếc xe mà

người bạn trả nợ, tặng lại cho cha của mình. Lạ thay, đó lại là chiếc xe Lexus màu vàng, đúng y như chiếc xe, mà mười năm trước, người quen của chúng tôi rất thích.

Hôm đó, chúng tôi gặp anh tại chỗ sửa xe, và thấy anh lái chiếc xe Lexus màu vàng, nên chúng tôi mới gheo anh: “cuối cùng thì anh cũng đạt được cái xe mà mười năm trước anh thích rồi nhỉ.”

Anh nhăn nhó trả lời:

-Đạt gì chứ anh, cái xe này nhận được như của nợ vậy đó, vừa mới sửa cái hộp số hết mấy ngàn, bây giờ lại phải thay đến giàn nhún, cũng tốn gần cả ngàn bạc nữa. Biết vậy, ngày xưa tôi đừng thích còn hơn; chứ thích, mà đến không đúng lúc, thì chỉ chuốc thêm khổ chứ ích lợi gì đâu anh”.

Qua câu chuyện của anh, chúng ta có thể thấy được, sự khác nhau giữa thích, muốn và cần như thế nào.

Bởi vì, mười năm trước, anh chỉ thích mà không muốn; cho nên, anh không có những động lực mạnh của muốn thúc đẩy anh tìm mọi cách (cần) để mua chiếc xe đó như: mượn người khác đứng tên; bỏ tiền đặt cọc nhiều hơn; hay đi các hãng xe khác, mà họ có những chương trình đặc biệt cho người bị điểm tín dụng kém, v.v, mà anh chỉ đem sự thích của anh, lập đi lập lại, mỗi khi có dịp nói về xe.

Sự thích của anh, nếu nói theo luật hấp dẫn, là được Ngã thức của anh gọi ra vũ trụ, mà không có thời gian cố định là thời điểm nào. Cho nên, đến mãi mười năm sau, thì cái thích của anh, mới được vũ trụ biến thành hiện thực.

Và hiện thực, khi đạt được chiếc xe không đúng thời điểm; không những đã không làm cho anh vui vẻ, hạnh phúc, mà lại là sự khổ đau và phiền não.

Bởi vậy, khi áp dụng luật hấp dẫn, chúng ta cần phải rất cẩn thận. Chúng ta phải hiểu được rất rõ ràng sự vận hành của các thức; chức năng của các thức; và nhất là ngôn ngữ của các thức. Nếu không, chúng ta không những, không đạt được kết quả, mà chúng ta sẽ nhận được nhiều hậu quả như câu chuyện tiếp theo như sau:

Một người quen khác cũng chúng tôi, cũng rất hứng thú với luật hấp dẫn, và anh muốn có thêm tài chánh, nên đã đem điều ham muốn này, gửi ra ngoài vũ trụ.

Anh mong muốn, trong vài tháng tới, anh có thêm \$20,000. Một tháng sau, những công ty về thẻ tín dụng của anh, tự động nâng cấp giá trị tín dụng của anh, lên đúng \$20,000 như anh muốn.

Cầm những thẻ tín dụng trong tay, anh xài vô tội vạ; giống như tiền từ trên trời rơi xuống vậy. Đến cuối tháng, những hóa đơn của thẻ tín dụng gửi về, bắt anh phải trả nợ số tiền mà anh đã xài qua thẻ tín dụng.

Anh không thể trả hết được nguyên số nợ, nên anh chỉ có thể trả góp giới hạn; và anh phải kèp dài đến 8 năm sau, mới có thể trả dứt được \$20,000 mà vũ trụ đã gửi cho anh.

Sau này, mỗi khi nghe ai nói đến luật hấp dẫn, là anh né tránh, và coi đó, như một sự lầm lẫn lớn nhất trong đời của anh. Bởi vì, đối với anh, khi anh học chưa đến nơi đến chốn, mà anh đã sử dụng nó một cách bừa bãi, câu thả, nên đã gây

ra biết bao hậu quả, mà anh phải gánh chịu, trong suốt một thời gian khá dài.

Đứng trên luật hấp dẫn, thì tiền nào cũng là tiền ... nghĩa là, tiền nợ cũng là tiền, chứ không phải, chỉ có tiền dư dả mới là tiền. Cho nên, khi bạn gửi nguồn năng lượng ra ngoài vũ trụ, bạn cần phải biết chính xác và rõ ràng; nếu không, bạn sẽ như người quen của chúng tôi, thay vì, có tiền dư dả, thì lại trở thành tiền nợ.

Còn về phần bí mật thứ hai, khi diễn giả cho rằng: "... trong đạo Phật, vốn không có cái tôi, cho nên, nếu chúng ta cần tiền, thì chúng ta cần phải loại bỏ chữ tôi và chữ cần, mà chỉ còn lại là "có tiền", thí dụ như: "tôi cần có tiền" thành "có tiền", là đủ."

Chúng tôi thì chưa bao giờ thấy trong đạo Phật đề cập đến luật hấp dẫn, nên không thể diễn giải theo tinh thần của đạo Phật được. Nhưng nếu diễn giả cho rằng, khi muốn gửi năng lượng ra vũ trụ, phải bỏ đi cái tôi và cái cần, thì xem ra không hợp lý cho lắm.

Thí dụ, bạn có một trạm phát thanh và phát sóng ra ngoài, thì những làn sóng đó, phải được phát ra từ đâu, chứ không thể nào, không có trạm phát thanh, mà bạn có thể phát sóng được.

Địa điểm ở đâu, hay dụng cụ phát, nhận sóng, hay tạo ra tần số sóng đó, cũng giống như thân thể, hay cái tôi của bạn vậy. Mặc dù, trạm phát, nhận sóng, hay dụng cụ phát sóng, không phải là sóng, nhưng nếu không có trạm phát, nhận sóng, và dụng cụ, thì không thể có sóng.

Nếu trạm phát, nhận sóng, và dụng cụ phát sóng, muốn nhận lại sóng, thì cũng phải từ trạm phát, nhận sóng, và dụng cụ đó, nhận sóng, chứ không thể nào, không có trạm phát nhận sóng và dụng cụ, mà bạn có thể nhận được sóng cả.

Cho nên, khi đem đạo Phật vào trong luật hấp dẫn, và dùng thuyết Vô Ngã để giải thích sự tương tác với vũ trụ, thì hình như, diễn giả đang “gượng ép” hai điều không giống nhau vào trong cùng một khuôn mẫu.

Học thuyết Vô Ngã của đạo Phật, dùng để đối trị tâm chấp trước của Ngã thức, vì cho thân này là tự có, liên quan đến góc độ về tâm lý; chứ không liên quan gì đến sự vận hành của vật chất, theo góc độ về vật lý.

Cho nên, ở đây, có một sự nhầm lẫn giữa hai góc độ nhìn; vì thế, cách ứng dụng trở nên không đúng cách và không hợp lý.

Thí dụ, bạn đang cần có tiền, mà bạn lại chỉ dùng 2 chữ: “có tiền”, thì bạn không thể “có tiền” được. Vì sao?

Vì hai chữ “có tiền” thuộc về ngôn ngữ của Ý thức, nơi có sự phân tích, so sánh... mới tạo ra sự phân biệt có-không.

Trong khi, ngôn ngữ của vũ trụ là năng lượng, thì ngôn ngữ của Ý thức lại là lời nói, và chữ viết; cho nên, chẳng hề có sự tương tác nào.

Nếu bạn thật sự cần có tiền, thì chữ cần mới là ngôn ngữ của Ngã thức, và chỉ có Ngã thức mới có thể tương tác với vũ trụ.

Nếu như Ngã thức chỉ gọi ra ngoài vũ trụ “cần”, thì vũ trụ chẳng biết ai cần cái gì để đáp ứng. Thế nên, Ngã thức mới phải giải thích thêm cho rõ nghĩa là “tôi cần”. Nhưng chúng cần cũng không đủ, vì “tôi cần” thì cần gì.

Chẳng hạn như: cần có tiền, cần có người yêu, hay cần có sức khỏe v.v. Mỗi một cái cần khác nhau sẽ tạo ra những tần số rung động khác nhau. Chính vì, có những tần số rung động khác nhau, nên mới tạo ra những sự giao hưởng trong vũ trụ tương ứng với nhau, và tạo ra những hiện tượng khác nhau, đáp ứng với sự giao hưởng.

Cho nên, nếu bạn bỏ đi hai chữ “tôi cần”, thì bạn bỏ đi sự giao tiếp với vũ trụ. Cho dù, bạn có gào khản cổ “có tiền” “có tiền”, thì vũ trụ vẫn lơ đãng với bạn, vì vũ trụ chẳng hiểu gì cả. Đơn giản chỉ là thế.

Thật ra, nếu muốn dùng đạo Phật để diễn giải luật hấp dẫn, thì phải dùng đến “Ái, Thủ, Hữu” trong 12 nhân duyên, mới biết được sức mạnh của cái muốn tới đâu.

Theo 12 nhân duyên, sự tái sinh của con người, bắt nguồn từ chữ Ái, nghĩa là ham muốn, chứ không hề có chữ cần.

Đứng trên góc độ của Ngã thức, Cần tuy là nguồn năng lượng, nhưng là nguồn năng lượng của sự hỗ trợ, chứ không phải là nguồn năng lượng của tác ý; hay rõ hơn, là nguồn năng lượng của ham muốn.

Chỉ khi, có sự tác động của ham muốn, thì nguồn năng cần mới được tác động, để hoàn thành cái muốn của Ngã thức trong điều kiện có thể làm được. Khi không có thể làm được, thì lúc đó, Ngã thức mới sử dụng đến cái cần của vũ

trụ, để thay thế cho cái cần của Ngã thức.

Do đó, không có việc nguồn năng lượng của cần, có thể gởi ra ngoài vũ trụ được, mà chỉ có nguồn năng lượng tác động, hay nguồn năng lượng của muốn, mới đòi hỏi cái cần của vũ trụ cung ứng.

Thế nên, khi diễn giả cho rằng, thay thế chữ muốn bằng chữ cần, mới là dùng đúng ngôn ngữ của vũ trụ, thì đây chính là chưa chuẩn và cần chỉnh.

Để cho dễ hiểu hơn, chúng ta có thể dùng dụng cụ định vị (Global Positioning System) trong xe hơi, để hiểu rõ hơn về sự tương tác với vũ trụ.

Trên xa lộ cao tốc, có cả chục ngàn chiếc xe, mỗi chiếc đều gởi tín hiệu đến vệ tinh (satellite); và sau đó, vệ tinh mới hướng dẫn mỗi một xe, đi về đúng hướng mà người lái xe muốn đến.

Tuy có cả chục ngàn chiếc xe, gởi tín hiệu cùng một lúc, nhưng vệ tinh vẫn hướng dẫn chính xác mỗi chiếc xe về đúng vị trí, mà không có lẫn lộn. Đó là vì, mỗi chiếc xe đều có một định vị, và những tần số sóng khác nhau. Chính vì chiếc xe có định vị, và nơi đến khác nhau (tần số sóng), nên vệ tinh mới có thể thực hiện được.

Điều này, cũng giống như chúng ta, khi gởi những cái muốn ra ngoài vũ trụ, và cần vũ trụ đáp ứng lại những yêu cầu của chúng ta; nghĩa là, chúng ta phải có cái tôi (Ngã thức) và cái muốn; giống như chiếc xe có định vị và tần số sóng. Sau đó, Ngã Thức muốn gì, thì cũng giống như, phương hướng mà

chúng ta muốn lái xe đến, để vệ tinh hướng dẫn cho chúng ta.

Nếu mỗi chiếc xe trên xa lộ, không có định vị riêng, thì không thể nào, vệ tinh có thể phân biệt được để mà đáp ứng.

Cho nên, nếu diễn giả cho rằng, khi chúng ta cần có tiền, thì bỏ đi chữ tôi, và cần, mà chỉ nói có tiền, thì cũng giống như, chiếc xe không có hệ thống định vị, và người lái xe, cũng không muốn lái xe đến vị trí nào; thì cho dù, người đó có nói cả triệu lần vị trí đó, người đó cũng không thể nào đến được vị trí đó, vì người đó, không biết đường đi, mà cũng không muốn đi.

Như chúng tôi đã trình bày, tuy chúng tôi có nghiên cứu về luật hấp dẫn, và áp dụng vào những kinh nghiệm khác, ngoài tài chính, nên chúng tôi chưa có kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm trên lĩnh vực này.

Vì vậy, những gì chúng tôi chia sẻ với bạn, chỉ là những thông tin, những góc độ nhìn, có hợp lý hay không, chứ đó không phải là sự thật.

Nếu bạn muốn biết đúng sự thật, bạn phải kiểm nghiệm, thực nghiệm và chứng nghiệm trên chính bản thân của bạn.

Bạn chỉ nên tin vào kết quả, do chính những gì bạn đã trải qua, như vậy, mới là đúng với bạn nhất.

Luật hấp dẫn thì rõ ràng có trong vũ trụ; nhưng bạn có biết được sự tương tác với luật này hay không, thì còn tùy thuộc về sự hiểu biết của bạn về sự vận hành của các thức như thế nào.

Chúng tôi không phải là diễn giả, và cũng không muốn là diễn giả, cho nên, chúng tôi không tìm cách thuyết phục bạn tin vào những gì chúng tôi trình bày, mà chúng tôi chỉ chia sẻ lại với bạn, những góc độ nhìn mà chúng tôi đã trải nghiệm qua, để bạn có chút tài liệu tham khảo.

Đời sống của chúng ta, ai cũng có cái muốn và cái cần cả. Nhưng nếu chúng ta có sự lầm lẫn, hay diễn dịch định nghĩa của muốn và cần không chính xác, thì những cái muốn hay cần của chúng ta sẽ khó mà có thể đạt được.

Mong thay, những sự chia sẻ này của chúng tôi, có thể giúp cho bạn một góc nhìn mới, giúp bạn đạt được những gì bạn mong muốn.

YÊU THƯƠNG KHÔNG ĐIỀU KIỆN

Bạn thân mến,

Khi những cơn gió lạnh đã bắt đầu vi vu trên bầu trời của các tiểu bang miền tây, thì ở những tiểu bang miền Đông... đã bắt đầu có những cơn mưa tuyết. Tuyết rơi... rơi... phủ trắng cả phố phường, nhà cửa, núi rừng. Nhìn đâu...bạn cũng thấy một màu trắng tinh khôi, lạnh lẽo.

Nhưng ẩn sau sự trắng lạnh đó, lại là những lung linh, lấp lánh từ những ánh đèn xanh đỏ, đang chuẩn bị cho mùa Giáng Sinh, và sự nồng ấm của sự đoàn tụ gia đình. Hay giản dị hơn, khi tuyết bắt đầu rơi... thì đó cũng là sự báo hiệu của một mùa lễ hội mới sắp bắt đầu, và khởi đầu là Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving).

Chủ đề hôm nay chúng tôi muốn chia sẻ lại với bạn về câu chuyện “Yêu Thương không điều kiện”.

Vốn giỏi toán, lý, hóa, Hòa đã chọn ngành kỹ sư phần mềm (software engineering), thay vì chọn ngành bác sĩ như mẹ mong muốn. Mới ngày nào, Hòa còn ngó ngàng, loanh quanh đi tìm lớp, mà nay, Hòa đã đứng đọc bài diễn văn tốt nghiệp trước toàn trường.

Vì đỗ thủ khoa, nên ngày Hòa ra trường, những công ty nổi tiếng như Microsoft, Oracle, Sap, Symantec đã tranh nhau dành Hòa về công ty với những đề nghị lương bổng hấp dẫn.

Không như các bạn thích về làm việc cho các công ty lớn, Hòa lại chọn về làm việc cho một công ty “vô danh tiểu tốt”, vừa mới thành lập chưa được một năm. Có lẽ, tính của Hòa thích thử thách. Càng gặp nhiều thử thách chùng nào, thì Hòa lại càng sáng tạo nhiều chùng ấy.

Công việc trong một công ty nhỏ bé luôn đòi hỏi mỗi người làm việc bằng hai, ba người thường. Hòa không những không than van, mà lại cảm thấy rất thích thú. Miệt mài trong công việc, ba tháng sau, Hòa đã được phân công làm dự án quan trọng nhất công ty. John, chủ nhân của công ty, luôn lắng nghe và làm theo những lời đề nghị của Hòa.

Miệt mài không quản ngày đêm, 9 tháng sau, Hòa đã đem về cho John hơn 2 triệu mỹ kim. John đã quyết định chia huê hồng cho Hòa 30%.

Cầm tấm check hơn nửa triệu trao cho mẹ, Hòa cảm nhận được sự tự hào của mẹ về mình.

6 tháng sau, John trong một chuyến đi công tác, vì bất cẩn gây tai nạn đụng xe, bị thương nghiêm trọng.

Một tuần sau, John đột ngột qua đời. Mary, vợ John, là giám đốc tiếp thị cho một công ty lớn, nên không có kinh nghiệm và thời gian cho việc điều hành công ty, vì thế giao toàn quyền quản lý và điều hành cho Hòa.

6 tháng sau, Mary đề nghị bán lại công ty cho Hòa với giá nửa triệu đô.

Lúc này, Hòa đã làm đám cưới với Hiền, người học chung trường đại học với Hòa. Hiền và Hòa quen nhau đã 3 năm,

nên khi kết hôn, mẹ Hòa cũng yên lòng. Bất hạnh thay, sau khi đám cưới được một tháng, thì mẹ Hòa mất vì bị trụy tim.

Ngày mẹ mất, Hòa khóc đến khô nước mắt. Bố của Hòa mất khi Hòa mới 10 tuổi. Mẹ của Hòa vẫn không tái giá, ở vậy nuôi con. Nhà chỉ có hai mẹ con, nên Hòa với mẹ rất thân, như hai người bạn thân giao vậy. Không có chuyện gì Hòa giấu mẹ.

Cho nên, khi mất mẹ, Hòa không chỉ mất đi một người mẹ dịu hiền, mà Hòa còn mất đi một người bạn thân giao nữa. Niềm đau nỗi khổ ấy, khó mà có thể dùng ngôn từ diễn tả.

Tuân theo di chúc của mẹ, Hòa hoá tang mẹ và đem tro cốt của mẹ lên chùa. Từ đó, mỗi chủ nhật cuối tuần, Hòa hay lên chùa, ngồi một mình, tâm sự với mẹ. Thói quen đó, đã khiến Hiền không hài lòng, vì Hiền vốn không thích đi chùa, nên giữa Hòa và Hiền thường hay to tiếng với nhau.

Vừa buồn vì mất mẹ, lại bức vì cãi cọ với Hiền, thêm vào đó, công việc công ty càng phát triển. Mỗi ngày, Hòa làm việc không ít hơn 12 giờ. Có nhiều hôm, Hòa không về nhà, mà ngủ luôn tại công ty.

Hiền còn trẻ, còn đang khao khát yêu đương. Sự vắng mặt liên tục của Hòa, đã khiến cho đời sống tình cảm của vợ chồng thêm lạnh lẽo. Chuyện phải đến, cuối cùng đã đến. Hiền đã ngoại tình với Khang, người đã từng theo đuổi Hiền, khi Hòa và Hiền còn đang là cặp tình nhân.

Ngày đó, Hòa vô tình về nhà vào buổi trưa để lấy tập hồ sơ bỏ quên, đã chứng kiến cảnh vợ mình đang nằm trong vòng tay người khác. Không nói không rằng, Hòa cắn chặt môi

đền rướm máu, đóng mạnh cánh cửa, ra xe, Hòa lái xe nhanh vun vút.

Là một người tự phụ và hiều thắng, Hòa không thể nào chấp nhận, mình là người thua cuộc. Cho nên, trong cơn giận ngút ngàn, ý định giết chết đôi gian phu, dâm phụ kia đã loé lên trên tâm tưởng.

Trời đang mùa đông... gió lạnh, nhưng Hòa vẫn quay cửa kính xuống cho gió lùa vào trong xe. Hai tay Hòa lạnh cóng, nắm chặt vô lăng, nhấn mạnh ga, Hòa cứ thế, lái xe lao vút trên mặt đường đang băng giá.

Gió lạnh, giúp cho Hòa tỉnh táo. Đêm đó, đến 2 giờ sáng Hòa mới về đến nhà. Nhà vắng tanh, không một bóng người. Vào phòng ngủ, thấy căn phòng trống vắng. Hiền đã bỏ đi đâu, Hòa không biết.

Ngồi xuống giường, Hòa ôm đầu suy nghĩ một lúc rồi đứng dậy ra bàn viết, lấy giấy, viết một lá thư trao hết tài sản và cả công ty cho Hiền. Đặt cây bút và chùm chìa khóa nhà và công ty dần trên mặt giấy, Hòa lững thững lê những bước chân nặng trĩu, với tấm lòng đầy thù hận, bước ra khỏi phòng ngủ, rồi đi ra ngoài cửa, với chiếc áo ấm và chiếc quần Jean.

Đứng trước cửa nhà, Hòa nhìn nó một lần cuối, trước khi quyết định làm kẻ sống vô gia cư.

Hai năm sau...

Mùa đông năm nay trời mưa tuyết khá nhiều. Nơi Hòa tạm trú qua đêm là một góc kẹt của một căn tiệm bán chạp phô.

Mỗi ngày, Hòa lang thang đi xin tiền khách qua đường. Tối đêm về, khi cửa tiệm đóng cửa, thì Hòa chui vào góc đó để ngủ.

Sáng nay, xin mãi chẳng ai cho đồng nào, khiến bụng Hòa đói cồn cào, khó chịu. Hòa cố bước đi về hướng căn lều tạm bợ. Vừa đói, lại vừa gầy gò, đôi chân run rẩy vì lạnh của Hòa đã không chống nổi cơn gió mạnh thổi qua. Hòa quy xuống bên lề đường, toàn thân run rẩy.

Đột nhiên, một chiếc xe hơi dừng lại. Bước xuống xe là một người đàn ông già, tóc đã hoa râm. Ông đi ra sau xe, mở thùng xe, lấy một chiếc chăn, rồi nhanh chân hướng về phía Hòa đang ngã. Nhanh tay, ông trùm chiếc chăn lên người Hòa, rồi mở bóp, rút ra tờ 20 đô, dúm vội vào tay Hòa. Ông không nói một câu, chỉ nhìn Hòa với ánh mắt, hiền từ, đầy thương cảm.

Hòa chưa kịp nói lời cảm ơn, thì ông đã lên xe, lái đi. Trước khi đi, ông vẫy tay chào Hòa lần cuối.

Đã hai năm làm kẻ sống vô gia cư, tâm hồn của Hòa đã trở nên chai đá với cách cư xử khinh khỉnh, coi thường của người cho. Nhưng cách cư xử của người đàn ông vô danh này, lại khiến Hòa bật khóc. Hòa khóc, bởi vì hành động của ông, đã đánh thức dậy, hình ảnh của bố Hòa.

... Hòa còn nhớ như in, năm đó, vào đúng sáng ngày mùng một Tết, khi Hòa vừa bước vào tuổi thứ chín.

Trời Pleiku, xứ tây nguyên, mà theo như nhà thơ Nhất Tuấn thì “quanh năm mùa đông” rất lạnh. Hòa đã thức dậy rất sớm, và mặc bộ quần áo mới, mà mẹ đã chuẩn bị cho Hòa

từ tôi hôm qua, trước khi Hòa đi ngủ. Co ro ngồi bên cạnh bố, Hòa đang chờ ánh mặt trời lên, để nhận bao lì xì.

Nhà Hòa vốn nghèo, nên ít khi nào bố mẹ Hòa cho Hòa tiền. Vì thế, chỉ có đến tết, thì Hòa mới có cơ hội làm chủ những đồng bạc giấy thơm tho.

Đột nhiên, có tiếng gõ cửa. Đứng dậy, Hòa theo bố ra mở cửa. Đứng trước cửa là một bà lão ăn mày, ăn mặc rách rưới, vá chằng vá chịt, đang đứng run rẩy trong gió buốt đầu năm. Vừa thấy bà cụ, bố của Hòa đã nhanh tay cầm lấy tay bà, dìu bà bước vào nhà, rồi thuận tay đóng lại cánh cửa.

Dẫn bà cụ về chiếc ghế cũ kỹ, mời bà ngồi xuống xong, bố của Hòa đã nhanh tay rót cho bà ly nước trà nóng. Nhìn thấy bà run cầm cập, Bố đã giựt phăng chiếc màn chắn nắng trên cửa sổ xuống, choàng ngay lên người bà cụ. Sự ấm áp của căn phòng được đốt bởi bếp than, thêm chiếc màn treo cửa sổ, và ly trà nóng, đã khiến cho khuôn mặt tái xanh của bà cụ trở nên hồng hào.

Bà cụ đặt ly nước xuống, hai dòng nước mắt cứ tuôn, run run giọng nói:

-Tôi xin cảm ơn ông, đã không trách mắng đuổi xua tôi đi, khi ngoài trời giá rét như thế này...

Không đợi bà cụ nói hết câu, bố của Hòa đã lên tiếng:

-Cụ ơi, ơn với nghĩa gì. Nhà con tuy nghèo tiền nghèo bạc, nhưng nhất định không nghèo tình thương.

Nghe xong câu nói của bố Hòa, nước mắt bà cụ lại trào ra. Thấy bà cụ khóc, bố của Hòa bước lại gần bên bà, đặt nhẹ tay lên vai gây guộc của bà, nhẹ nhàng nói:

-Năm hết Tết đến, vợ chồng con và cháu vui mừng đón bà xông Tết đầu năm. Chúng con không biết có thể làm gì cho bà. Thôi thì bà hãy chung vui với vợ chồng con, dùng tạm miếng bánh chung, bà nhé.

Không đợi bà cụ có ung hay không, bố của Hòa đã nhanh chân đến bàn thờ lấy chiếc bánh chung xuống, mở lạt, bóc lá, cắt bánh mời bà. Bà cụ ngần ngại, ngồi yên không cầm đĩa lên, cứ nhướng mắt nhìn bố của Hòa. Như chợt nghĩ ra điều gì, bố của Hòa bước đến cầm đôi đĩa lên, rồi đặt vào tay bà cụ nói :

-Cụ cứ tự nhiên dùng đi, Đêm qua cúng giao thừa, vợ chồng con ăn khá nhiều, nên giờ vẫn còn cảm thấy no. Cụ cứ dùng đi cụ nhé.

Nói xong, bố của Hòa đã cầm tay có đôi đĩa của bà, đặt vào chiếc bánh chung.

Biết không thể từ chối, và có lẽ bà đã đói mấy ngày, nên bà đã không còn khách sáo, gấp vội miếng bánh chung, cắn một miếng thật to. Trong khi bà cụ đang ăn, thì bố của Hòa đã bước vào nhà sau. Khoảng 5 phút sau, thì bố và mẹ của Hòa cùng bước ra phòng khách. Trên tay, mẹ của Hòa còn cầm một bọc ny lông hơi căng.

Đợi cho bà cụ ăn xong, bố của Hòa mới cầm bọc ny lông nơi tay mẹ, đặt xuống bàn rồi nói:

- Cụ ơi, vợ của con đã chọn được hai bộ quần áo khá mới để xin tặng cụ. Nhà chúng con cũng chẳng dư dả gì. Đây là hai bộ quần áo tốt nhất của vợ con đây. Xin cụ nhận cho, coi như quà tết của vợ chồng con biếu cụ nhé.

Nước mắt của bà cụ lại trào ra như suối. Bà dùng đôi tay nhem nhuốc của mình quẹt đi hai dòng nước mắt, nhưng sao vẫn chẳng thể dừng... Bà run giọng nói:

- Ôn này của cô cậu, tôi xin kết cỏ ngâm vành, chỉ xin đợi đến kiếp sau mới trả.

- Sao cụ lại khách khí thế! Vợ chồng con có làm ơn gì cho cụ đâu, xin cụ chớ phải bận lòng...

Trời đã sáng tỏ, ánh nắng đã xuyên qua khung cửa sổ thiếu tấm màn che, len lỏi vào phòng. Bà cụ đứng dậy, chấp đôi tay gầy guộc, hướng về bố mẹ Hòa, xá một xá. Hòa thấy bố hoảng hốt nhảy tránh sang một bên, cũng chấp đôi tay, bố của Hòa cũng xá lại bà một xá, rồi nói:

- Cụ ơi! cụ đừng làm thế. Tội cho vợ chồng con lắm. Chúng con không đủ đức để nhận xá của cụ đâu.

Bà cụ nước mắt vẫn lưng tròng, rung rung nói:

- Dù vợ chồng cô cậu có nhận hay không, thì ơn đức này sẽ theo tôi mãi mãi.

Tiền bà cụ ra cửa, khi đi ngang bàn thờ, bố của Hòa đã không quên cầm theo túi lì xì dúi vào tay bà cụ.

Ngồi lặng yên trên chiếc ghế đôi diện bàn thờ, nước mắt Hòa chảy xuống, khi nhìn thấy bao lì xì của Hòa, không cánh mà bay.

Đóng cửa lại, thấy Hòa nước mắt ướt má, mặt buồn hiu, bố của Hòa, bước đến bên Hòa, nhẹ nhàng hỏi:

-Sao con lại khóc và buồn thế con?

Hòa hậm hực nói:

-Sao bố lại lấy bao lì xì của con cho bà cụ đó chứ! Vậy là Tết năm nay con sẽ không có lì xì rồi. Con ghét bà ấy lắm!

Nhìn Hòa bằng ánh mắt thương yêu, hơi đượm buồn, bố của Hòa nói:

-Hòa con, sống ở trên đời, có duyên được gặp nhau đã là phước lớn. Chúng ta phải biết yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau khi hoạn nạn, khốn cùng. Con có thể mừng, vì có bao lì xì, rồi xài phung phí. Nhưng với cụ bà thì những đồng tiền nhỏ nhoi kia, có thể giúp được bà sinh tồn. Tại sao con chỉ vì chút vui mừng mong đợi nhỏ nhoi của con, khi không được lì xì, mà sinh lòng oán hận cụ bà vậy hả con? Hòa con, sự ganh ghét ty hiềm, thù hận đã hủy diệt đi hạt giống yêu thương trong lòng con, con có biết không?

Con người hôm nay, sở dĩ có quá nhiều khổ đau, là vì họ đã đánh mất đi hạt giống yêu thương trong họ.

Con ơi, mai sau, con khôn lớn nên người, con phải nhớ, tưới tẩm và nuôi dưỡng hạt giống yêu thương trong con, con nhé.

-Thưa bố, không phải con không thương bà cụ đó, nhưng khi con thương ai, thì con phải có điều kiện thì con mới thương được.

-Hòa con, nếu khi con yêu thương ai, mà có điều kiện, thì bố xin con, con đừng thương yêu ai hết, con nhé. Vì thương yêu có điều kiện thì còn tệ hại hơn cả ghét ganh, thù hận, ty hiềm. Nó không chỉ làm cho con khổ đau hơn, mà nó còn là ngục tù được nguy trang bởi vẻ đẹp bên ngoài hào nhoáng, danh thơm, nó sẽ nhốt con vĩnh viễn trong ngục tù đen tối...

Ngoài trời, tuyết đã ngừng rơi. Ánh sáng đêm trăng rằm, chiếu trên mặt tuyết, phản chiếu lunh linh, tuyết đẹp. Ngồi lặng yên trong căn lều dựng bằng carton, hình ảnh Hiền hiện về chiếm trọn tâm trí của Hòa, cùng câu nói của bố.

Nước mắt Hòa cứ vậy chảy tuôn. Sâu thẳm trong tâm trí của Hòa, chợt bỗng nổi lên cơn sóng hồi hận, ăn năn. Có lẽ, đến lúc này, hơn hai mươi năm sau, Hòa mới có thể hiểu được hết tai hại từ “câu yêu thương có điều kiện” mà bố đã dạy dỗ năm nào.

Không phải, khi Hòa yêu Hiền, thì Hòa đang yêu có điều kiện hay sao? Hòa đã bắt Hiền phải nghỉ việc ở nhà vì sợ Hiền quen với người khác. Hòa để Hiền cô quạnh một mình, trong khi Hòa lại nguy trang bao biện cho sự làm việc quên thời gian, là vì lo cho hạnh phúc gia đình.

Không phải là Hòa đã quá tàn nhẫn, cay độc, trả thù Hiền khi đã để lại tất cả gia sản cho Hiền, và chọn làm kẻ vô gia cư, vì Hòa biết “khuyết điểm” của Hiền, là người luôn bị sự ăn năn, hồi hận dày vò, trong nhiều tháng và nhiều năm, vì những chuyện lỗi lầm nhỏ nhặt trong quá khứ hay sao?

Thế mà, lúc nào Hòa cũng nói là yêu thương Hiền hết mực. Yêu thương thế này, thì đúng như lời bố dạy, thà đừng yêu thương còn hơn. Không những đã không đem lại hạnh phúc cho nhau, mà còn khiến cho cả hai chìm sâu trong thù hận, ăn năn, đau khổ, đầy vò.

Mặt trời đã ló dạng, ánh nắng bình minh đã xua tan đi màn đêm tăm tối. Nắm chặt 20 đô của người đàn ông tốt bụng trên tay, hình như, trong Hòa đã có một sự quyết định.

Thu dọn lại căn lều giấy carton và mới quần áo dơ bẩn, Hòa bỏ vào chiếc bao rác màu đen, rồi đem tất cả, bỏ vào thùng rác lớn phía sau căn tiệm چاپ phôi.

...Tiếng vỗ tay vang dội, khi tên Hòa được xúng lên trên máy vi âm, là một doanh nhân thành công nhất trong năm.

Bước lên nhận phần thưởng xong, ban tổ chức đã yêu cầu Hòa phát biểu.

Các bạn thân mến,

Có thể nói, tất cả vinh quang mà hôm nay tôi có được, đều bắt đầu từ người đàn ông tốt bụng vô danh đã giúp đỡ tôi trong đêm giá lạnh cách đây 5 năm. Tôi không biết tên ông là gì và ở đâu? Ông có còn sống hay đã chết?

Nhưng tôi có thể khẳng định với các bạn rằng, sự thành công có được hôm nay của tôi, chính là từ tấm lòng “yêu thương không điều kiện” của ông đã hiến tặng cho tôi. Tôi xin hiến tặng tất cả những phần thưởng quý giá hôm nay tới ông - người đàn ông tốt bụng vô danh.

Đối với tôi, chỉ có ông, mới xứng đáng nhận được phần thưởng cao quý này.

Bạn thân mến, nếu bạn muốn thành công hay thành nhân trong cuộc đời của bạn, thì bạn hãy bắt đầu sống bằng sự yêu thương không điều kiện, bạn nhé.

Nhìn xuống bên dưới khán đài, Hòa bắt gặp ánh mắt của Hiền, đang ngồi ở dãy ghế thứ hai, với hai dòng lệ tuôn chảy dài trên má.

Trong lòng Hòa tự nhiên thấy thương Hiền nhiều hơn là hận. Bởi vì, tất cả những lỗi lầm, mà ngày xưa, Hòa đã đổ lên đầu Hiền, thì hôm nay Hòa mới biết, Hiền là người vô tội. Người mà đã gây nên mọi sự khổ đau, thù hận trong tâm hồn của hai người, đó chính là Hòa.

Những tràng vỗ tay vang lên không ngớt trong hội trường, như tiếng pháo nổ của mùa xuân.

Mùa xuân vừa đến, ngự trị trong lòng Hòa, khi bóng đêm thù hận, đã bị xua tan đi, bởi nắng ấm của hiểu biết và yêu thương.

TÔ BÚN BÒ HUẾ

Biết bố mẹ nghèo, khó có thể chu toàn cho mình học chương trình bác sĩ, Quân đã tự ghi danh làm những người bán hàng dạo để kiếm tiền dự trữ.

Trời mùa hè, Arizona nắng như đổ lửa. Sáng nay vì quá vội, Quân đã quên mang theo chai nước giải khát hàng ngày.

Mặt Quân nhễ nhại mồ hôi, và cổ thì khát đến khô và đắng. Vừa khát lại vừa đói, Quân mệt như muốn xỉu. Thò tay vào túi quần, chỉ còn vòn vẹn có đồng 25 xu (quarter). Quân nghĩ, hay dùng 25 xu này, để mua một ly nước lạnh để giải khát và chống đói.

Quyết định xong, Quân bước đến một căn nhà cũ kỹ bên đường, đưa tay bấm chuông. Bước ra mở cửa là một phụ nữ tuổi trung niên.

Nhìn những giọt mồ hôi nhễ nhại trên khuôn mặt Quân, người phụ nữ nói:

-Con có phải người Việt không?

-Dạ thưa Bác cháu là người Việt ạ.

Khổ thân con, sao trời nắng thế này, mà lại đi ngoài đường thế con. Hãy mau vào đây, ngồi cho mát tí đi con.

Theo chân người phụ nữ vào nhà, bà dẫn chân Quân đến ngồi trên chiếc sofa cũ kỹ, bạc màu.

Con hãy ngồi đây nghỉ một chút, rồi bác rót nước cho con uống giải khát nha. Người phụ nữ nói.

Vừa nói xong thì người phụ nữ đã nhanh chân bước vào nhà sau. Căn nhà khá nhỏ, nên mùi bún bò Huế từ phía sau, lan toả khắp cả căn nhà. Mùi bún bò thơm ngon như kêu dậy cơn đói đang hoành hành trong Quân tăng năng suất.

Bước ra từ phòng bếp, người phụ nữ bê trên tay một cái khay, với một tô bún bò Huế thật lớn, và một ly nước đá lạnh, với đôi đũa và chiếc muỗng, được xếp ngay ngắn trên mâm. Ngược nhìn người phụ nữ, Quân chạm ngay ánh mắt hiền từ, đầy yêu thương, khiến Quân như muốn rơi nước mắt.

-Này con, con hãy uống chút nước, rồi ăn tô bún bò này đi nhé. Bác còn bận một chút ở nhà sau.

Nói xong, người phụ nữ đặt chiếc khay xuống chiếc bàn trước mặt Quân, rồi chậm rãi bước vào nhà sau. Quân biết, thật ra bà chẳng có việc gì làm, vì Quân thấy bà chỉ ngồi yên trên chiếc ghế trong phòng ăn. Nhưng có lẽ, vì muốn cho Quân được ăn uống tự nhiên, nên bà mượn cớ ra đằng sau. Cách cư xử tế nhị của bà, càng khiến cho Quân thêm cảm động.

Quân vẫn ngồi yên bất động, không dám ăn và uống, bởi vì, Quân biết, mình chỉ đủ tiền để trả cho một ly nước lạnh mà thôi.

Như chợt nghĩ ra điều gì, người phụ nữ bước ra phòng khách. Nhìn thấy Quân với tô bún bò trước mặt vẫn còn nguyên, bà lên tiếng:

-Sao con không ăn đi, để nguội mất ngon, con ạ.

Vẫn ánh mắt yêu thương và giọng nói nhẹ nhàng, bà khiến Quân không biết phải làm sao. Quân bối rối, móc trong túi ra đồng 25 xu, đặt trên mặt bàn, rồi ấp úng nói:

-Thưa bác, cháu chỉ còn có 25 xu, đủ để xin mua một ly nước lạnh thôi. Cháu không có đủ tiền để trả cho bác tô bún bò này ạ.

Vẫn nhìn Quân bằng ánh mắt yêu thương bà nói:

-Con à, bác đâu có bán cho con đâu, bác mời con mà. Con hãy ăn đi, đừng có ngại.

Nói xong, bà cầm đôi đũa lên, đặt vào tay Quân, rồi ép tay Quân nhúng vào tô bún. Trước cử chỉ chăm sóc ân cần của bà, Quân chợt thấy hình ảnh của mẹ mình ẩn hiện đâu đây.

Hai mươi năm sau...

“Bác sĩ Quân xin đến ngay phòng cấp cứu.”

Tiếng máy phóng thanh gọi trong bệnh viện đã gọi đến lần thứ hai. Quân vội bước vào phòng bệnh. Đón nhận tập hồ sơ từ người y tá, Quân đọc qua tình trạng bệnh nhân.

Bà Nguyễn thị Hoa, bị té ngã đập đầu xuống đất, tạo nên máu bầm trong não.

Ồ thì ra bà ấy là người Việt Nam.

Nhìn thấy bà nằm thiếp trên giường, Quân chợt khẽ rùng mình. Thì ra, đây chính là người phụ nữ ngày xưa đã từng

mời Quân ăn tô bún bò Huế. Khuôn mặt hiền hậu ấy, tuy nay, đã có thêm nhiều nếp nhăn, nhưng khuôn mặt ấy, vẫn in sâu trong tâm trí Quân, không hề quên lãng.

Hai bác sĩ phụ chẩn cũng đã có mặt. Cả hai đều rất lo lắng vì cục máu bầm, nằm kề cạnh khu vực hệ thống điều khiển tay chân, nếu mổ không khéo, thì có thể dẫn đến bệnh nhân bị tê liệt suốt đời.

Sau những bàn luận, cuối cùng, Quân nhất định sẽ thực hiện ca mổ nguy hiểm này cho bà Hoa.

Bốn tiếng đồng hồ trôi qua, cuối cùng thì Quân cũng đã thành công trong ca phẫu thuật.

Ba ngày sau, bà Hoa đã khá tỉnh táo trên giường dưỡng sức, thì Quân bước vào phòng, nhìn bà rồi nói:

-Bác có nhận ra con không?

Bà Hoa như cố vận hết tâm trí của mình để nhớ xem đã gặp người bác sĩ vừa cứu mình là ai không, nhưng hình như, bà chẳng có chút thông tin nào. Nhìn khuôn mặt ngỡ ngác của bà, Quân lên tiếng:

-Bác có còn nhớ hai mươi năm trước, bác đã từng cho con ăn bún bò Huế không?

Tuy được Quân nhắc nhở, nhưng hình như bà Hoa cũng chẳng nhớ được rõ ràng. Quân chợt hiểu, thì ra, lúc ấy, khi bà Hoa thi ân cho Quân, bà chẳng mong cầu được đền đáp, nên bà chẳng nhớ gì đến Quân. Ngược lại, Quân là người thọ ân, nên ánh mắt và khuôn mặt hiền từ của bà như in sâu

vào trong ký ức.

Một tháng sau ngày bà Hoa xuất viện. Ngồi vào chiếc ghế quen thuộc, bà Hoa bắt đầu đâm lo.

Không biết sao lại xui đến thế. Đang yên đang lành thì bị té ngã, đến vỡ cả đầu, khiến cho phải mổ. Khổ thay, bảo hiểm của bà vừa mới hết hạn tháng qua. Thế là số tiền dành dụm của bà bấy lâu nay sẽ không cách mà bay hết.

Nghĩ đến đó, lòng bà buồn vơi vơi, nhưng cũng đành chịu thôi, vì bà cũng chẳng còn có cách nào.

Sáng nay, bà nhận được hai lá thư, trong đó, có tấm thiệp của bác sĩ Quân gửi lời vấn an và chúc sức khỏe bà. Đọc những giòng chữ được viết nắn nót từ tay bác sĩ Quân, lòng Bà cảm thấy vui và ấm áp. Lá thư thứ hai, từ bệnh viện. Bà biết, đây chính là hóa đơn viện phí.

Tim bà chột đập nhanh hơn. Không biết, số tiền sẽ là bao nhiêu, và không biết số tiền dành dụm của mình có đủ để chi trả, hay lại thiếu không chừng. Nếu thiếu thì biết vay mượn ai? và nếu có vay mượn được, thì làm sao mà trả nợ. Càng nghĩ, bà càng buồn. Hai tay của bà đã lấm tấm mồ hôi và lạnh. Mở chiếc phong bì ra, bà run run mở tờ hoá đơn chậm rãi đọc.

“Thưa bà, đây là thông báo từ bệnh viện của chúng tôi. Đính kèm theo đây là hóa đơn cho viện phí. Xin cảm ơn bà đã trả đầy đủ, và xin chúc bà có sức khỏe tốt.”

Có thật thế không? ai đã trả tiền cho bà? Bà lật ngay sang trang bên. Chiếc mực đỏ “PAID IN FULL” bên cạnh có chữ

ký của bác sĩ Quân.

Nước mắt nhạt nhòa trên khuôn mặt nhăn nheo của bà. Có lẽ, suốt đời bà, bà cũng không ngờ, chỉ với tấm lòng yêu thương và một tô bún bò ngày đó, mà ngày nay, bà nhận được sự trả ơn to lớn thế này.

Ngoài trời, mây vẫn trắng, trời vẫn xanh. Bà Hoa như cảm thấy cuộc đời tươi đẹp hơn, và nơi bệnh viện kia, lòng Quân cũng cảm thấy nhẹ nhõm, vui vẻ lạ thường.

Bạn thân mến,

Hạt táo tuy nhỏ nhưng khi được chăm bón cẩn thận, kỹ càng, thì lại hiến tặng cho đời những quả ngọt, thơm ngon.

Còn chúng tôi và bạn thì sao? Chúng ta có làm được như hạt táo không? Chúng ta sẽ làm gì để hiến tặng cho cuộc đời đang xáo trộn hôm nay?

Hãy bắt đầu làm từ những việc nhỏ nhất bạn nhé. Và nhớ, hãy làm bằng chất liệu yêu thương.

ỨNG XỬ RA SAO?

An bước vào nhà với thái độ giận dữ. Quăng chiếc ví và tập hồ sơ lên ghế sofa, An thả mình rơi xuống nặng nề. Bà Thân, mẹ của An ngồi chiếc ghế đối diện, nhìn đứa con gái yêu của mình một cách âu yếm. Để cho An nằm một lúc, Bà Thân đứng dậy bước qua ghế của con, ngồi xuống rồi ôm lấy An.

Bao nhiêu tức tưởi trong công việc của An như chọt vỡ ào trong vòng tay yêu thương của mẹ. An khóc như một đứa trẻ. Bà Thân vẫn ngồi im, ôm con trong lòng không nói một lời nào.

Sau một lúc, An bình tĩnh trở lại, ngừng khóc và bắt đầu nói với mẹ về những khó khăn, tức tưởi, mà mình phải chịu đựng trong công việc làm.

Bà Thân vẫn ngồi im nghe con kể về những khó khăn, bị ức hiếp mà An phải đương đầu mỗi ngày. An nói với mẹ, cô không biết sẽ phải tiếp tục như thế nào, và An muốn buông xuôi, vì đã quá mệt mỏi, khi mãi phải đấu tranh với các đồng nghiệp, và ông chủ khó tánh, kỳ thị.

Bà Thân sau khi nghe con nói xong, không an ủi gì An, mà chỉ nắm tay con, rồi dắt An vào bếp. Bà đổ đầy nước vào ba cái nồi, rồi đặt chúng lên trên bếp lửa. Trong chiếc nồi đầu tiên, bà Thân đặt vào những củ cà rốt; trong chiếc thứ hai, bà đặt vào những quả trứng, và trong chiếc thứ ba, bà đặt vào một ít bột cà phê đã xay.

Sau đó, bà tiếp tục nấu sôi ba nồi nước, và không nói một lời nào. Chẳng mấy chốc, cả ba nồi nước đã sôi. Bà tắt lửa.

Bà Thân vớt những củ cà rốt ra và đặt chúng vào một cái chén. Bà lấy những quả trứng ra và đặt vào một cái chén khác. Bà lại lấy môi mức cà phê ra, và chế vào một ly thủy tinh. Quay sang An, bà Thân hỏi:

- An con, con hãy nói cho mẹ biết, con nhìn thấy gì?.

- Dạ, cà rốt, trứng và cà phê. An trả lời mẹ, rồi hỏi:

-Mẹ, điều đó có nghĩa là gì?

Bà Thân khẽ mỉm cười, nhìn con gái một cách âu yếm rồi trả lời:

-An con, nước sôi là biểu hiện của những khó khăn, thách thức, cam go trong cuộc đời mà ai cũng sẽ phải trải qua. Nhưng mỗi người chúng ta, ai cũng có quyền chọn lựa sự ứng xử như thế nào trước những khó khăn, thách thức và cam go.

Con hãy nhìn cả ba thứ: cà rốt, trứng và cà phê đi, tuy chúng cùng chịu chung một hoàn cảnh khó khăn thách thức là nước sôi như nhau, nhưng mỗi thứ lại cho ra những kết quả khác nhau. Con có để ý thấy không?

- Con không hiểu rõ lắm, mẹ có thể giải thích cho con được không?

- An con, nếu con để ý kỹ, con sẽ thấy, cà rốt khi chưa bỏ vào nước thì cứng, rắn và dai. Nhưng, sau khi bị bỏ vào

nước sôi, nó mềm đi và trở nên yếu ớt.

Quả trứng vốn rất dễ vỡ. Lớp vỏ bên ngoài tuy cứng cáp nhưng rất mỏng manh để bảo vệ cho lớp chất lỏng bên trong của nó. Ngược lại, sau khi được đặt vào trong nước sôi, phần bên trong của quả trứng lại cứng, lại khó vỡ.

Còn những hạt cà phê nghiền nát thì khác. Sau khi bỏ vào nước sôi, cà phê không những không biến chất, mà còn có thể biến đổi trạng thái của nước.

Vậy khi một hoàn cảnh khó khăn, thách thức, bất lợi đến gõ cửa nhà con, con sẽ chọn cách ứng xử nào? Con sẽ là củ cà rốt, là quả trứng hay bột cà phê?

- Nếu con chọn “Con là củ cà rốt, thì dường như bên ngoài con rất là mạnh mẽ, nhưng khi phải đối diện với khó khăn, đau khổ hay gặp hoàn cảnh bất lợi, con sẽ yếu mềm và mất đi sức mạnh của mình.

- Nếu con chọn là quả trứng, con sẽ bắt đầu với một trái tim mềm yếu, nhưng qua khó khăn, con lại trở nên cứng cáp và mạnh mẽ hơn. Giống như một người đàn bà Việt Nam nhìn bề ngoài thì như là một người có một tinh thần yếu đuối, nhưng sau những sự chia ly, khó khăn, thách thức, tinh thần của họ sẽ trở nên kiên cường vững chãi hơn như bên trong ruột trứng vậy.

- Còn Nếu như con chọn con là cà phê, thì càng khó khăn thách thức bao nhiêu, cà phê càng nồng và thơm bấy nhiêu. Không những cà phê đã nâng cao phẩm chất của mình mà còn biết biến chất sự khó khăn, thách thức thành lợi điểm cho mình. Nếu con giống như cà phê, con sẽ sống tốt đẹp

hơn, và có thể thay đổi tình thế xung quanh con, khi mọi thứ đang trở nên tồi tệ nhất.

Trước những ngày tháng đen tối nhất và trước những thử thách cam go nhất, con sẽ nâng bản thân mình lên một tầm cao mới.

- An con, giá trị của con người không phải là nhà cao cửa rộng, xe đẹp, tiền nhiều, mà chính là sự biết lựa chọn cách ứng xử như thế nào trước những hoàn cảnh khó khăn, thách thức cam go.

- Không có gì sai khi con chọn con là củ cà rốt, hay trái trứng, hay cà phê. Con chỉ có sai khi con đã lựa chọn nó, nhưng lại không chấp nhận kết quả của nó. Đó chính là đầu mối của sự khổ đau con có biết không?

Từ xưa đến giờ An vẫn nghĩ, mẹ mình là “bà già quê” không có học thức, bằng cấp bằng mình. Nhưng hôm nay An mới hiểu thế nào là sự khác biệt giữa “trí thức” và “trí tuệ”.

Vừa hối hận về sự “coi thường” mẹ mình trong những năm qua, vừa hạnh phúc khi An “phát giác” ra mẹ mình chính là người thầy “trí tuệ” An vẫn đang tìm.

Giòng nước mắt tuôn chảy trên má An long lanh như những viên kim cương lấp lánh, qua ánh nắng, chợt chiếu qua khung cửa sổ.

An ôm mẹ mình thật chặt, như chưa bao giờ được ôm..., và trong ánh mắt của bà Thân hiện lên niềm hạnh phúc vô bờ...